

NĂM THỨ 7 — NGÀY 15-8-1963

BACH

KHOA

trong số này

TIÊU DÂN cuộc tranh chấp Nga-Hoa * ĐOÀN VĂN
AN lịch sử triết lý Zen ở Trung-Hoa * LAI SINH
đàm thoại với Staline * CÔ LIÊU tái sinh * VIỆT
ANH sóng gió chính trị ở Nam-Hàn * TRÁC NGỌC
cụ Huỳnh-Thúc-Kháng nói về bài thơ con muỗi *
NGUYỄN HỮU DUNG văn nghệ với chính trị tại
Liên-Xô * ĐỖNH HOÀNG SA người em quê
hương * HỮU PHƯƠNG bắn khoăn — lữ trình *
DẠ THẢO người tìm tuyệt đối * CÔ LIÊU sự an
nghỉ của chiến sĩ * PHAN DUY NHÃN ngời ca
bằng hữu tương lai * VÕ HỒNG mùa hoa soạn —
vết thương không lành * HỮU ĐỖ ngày mưa *
TRẦN QUANG LONG năm tháng và tình yêu *
TRẦN HUIỀN ÂN khi con nửa tuổi * DƯƠNG
THIỆU TƯỚC — TRẦN THANH TÂM trả lời cuộc
phỏng vấn âm nhạc * **SINH HOẠT :** NGUYỄN
NGU Í (thuật) đại hội quốc
tế âm nhạc giáo dục kỳ V
tại Đông Kinh * Tại sao
tôi thành nhà giáo dục *

159



Ngài có biết chăng ?

TRONG QUẢ CAM CŨNG NHƯ QUẢ CHANH, QUẢ QUÍT HAY QUẢ BƯỞI, LỚP VỎ NGOÀI KHÔNG BAO GIỜ ĐỤNG ĐÈN LỚP THỊT CỦA CÁC MŨI BÊN TRONG. LỚP VỎ VÀ LỚP THỊT CỦA CÁC MŨI ĐƯỢC PHÂN CÁCH RIÊNG BIỆT BỞI MỘT LỚP DA TRẮNG CÓ TÁC DỤNG GÌN GIỮ VỊ THƠM CỦA LỚP VỎ KHÔNG ĐỂ CHẤT CHUA CỦA LỚP THỊT LAN VÀO.

NHỜ LỚP DA TRẮNG NÀY MÀ VỎ CŨNG NHƯ THỊT ĐỀU TƯƠI TỐT MÃI, KHÔNG SỢ HƯ THÚI.

VERIGOUD CŨNG SẮP XẾP MỘT CÁCH TRẬT TỰ NHƯ TẠO HÓA ĐÃ LÀM, NÊN CHẤT THƠM CỦA LỚP VỎ BÊN NGOÀI ĐƯỢC PHA CHUNG VỚI NƯỚC ĐƯỜNG VÀ CHUA RIÊNG BIỆT (BÊN DƯỚI CHAI) TRONG KHI CHẤT CHUA (PHẦN TRÊN) ĐƯỢC NGĂN CÁCH BỞI MỘT CHIỀC NÚT KHÔNG THÂM NƯỚC, LÀM THÈ ĐỂ TRÁNH MỌI SỰ HƯ THÚI.

ĐÓ LÀ BÍ QUYẾT VỀ PHẨM CHẤT CỦA NƯỚC TRÁI CÂY NGUYÊN CHẤT VERIGOUD MÀ KHI DÙNG NÓ, NGÀI CÓ THỂ PHA MỘT LY NƯỚC CHANH HOẶC NƯỚC CAM NGON LÀNH NHƯ ĐÃ PHA BẰNG TRÁI CÂY VỪA MỚI HÁI.

VERIGOUD có đặt bán tại các hiệu buôn đúng đắn với giá mỗi chai chỉ có 73s

GIAO THÔNG NGÂN HÀNG

BANK OF COMMUNICATIONS

Địa chỉ (Adresse)

Hãng chính (Siège Social)

ĐÀI-BẮC — TRUNG-QUỐC

Phân-hãng Saigon (succursale de Saigon)

87, Đại-lộ Hàm-Nghĩ (Bd de la Somme), 87

Điện thoại : 21.549 và 24.547

CHI NHÁNH CHOLON (Agence de Cholon)

158, Đại-lộ Không-Tử (Bd Gandot)

Điện thoại : 36.268 và 36.269

KHO HÀNG : HƯ-KHỔ và KHO THƯỜNG

(Entrepôt Frictif et Ordinaire)

300, Đại-lộ Trịnh-Minh-Thổ, Khánh-hội, Saigon

Điện thoại : 24.859

Danh sách điện báo : COMMUBANK



CÁC HÃNG ĐẠI-LÝ THIẾT LẬP TRÊN CÁC THÀNH THỊ LỚN KHẮP THẾ GIỚI, CHUYÊN DOANH TẤT CẢ CÁC NGHIỆP VỤ NGÂN HÀNG : VÀ KIÊM DOANH CÁC NGHIỆP VỤ HƯ-KHỔ VÀ KHO-THƯỜNG (ĐỂ CHO THÂN CHỦ ĐƯỢC TIỆN LỢI GỞI TRỮ HÀNG HÓA) ; VÀ CÓ TỬ BẢO HIỂM CHO THUÊ, MỖI TỬ TIỀN THUÊ MỖI NĂM TỪ 300 \$ TRỞ LÊN.



Đường bay

HOA - SEN VIỆT - NAM

SAIGON — HONG-KONG

Hai chuyến mỗi tuần: THỨ BA và THỨ BẢY

bằng PHI-CƠ GẮN MÁY RA-ĐA

D C 6 B

(All weather radar equipped)



Mỗi thứ Ba: Khởi hành tại SAIGON: 08 g 30

Mỗi thứ Bảy: Khởi hành tại SAIGON: 15 g 00

XIN HỎI CHI TIẾT VÀ LẤY VÉ NƠI CÁC HÃNG DU-LỊCH HAY

**VIỆT-NAM
HÀNG-KHÔNG**

116 NGUYỄN HUỆ SAIGON.ĐT 21.624.21.625 21.626

BANQUE FRANÇAISE DE L'ASIE

PHÁP - Á NGÂN - HÀNG

HỘI NẠC DANH VỐN 5.600.000 P.L.M.

Số thương mại Saigon số : 157 B

Q. G. D. B. : 55.826.21.001

C. C. P. SAIGON No 27.04



TRỤ SỞ : 29, Bến Chương-Dương — SAIGON

Điện-thoại : [23.434/35/36 & 21.018 — Điện-tín : Fransibank

Chi-nhánh : Hành lang Eden, Saigon

Điện thoại : 23.207



ĐẢM NHIỆM TẤT CẢ CÁC NGHIỆP-VỤ NGÂN HÀNG
MỞ CÁC KHOẢN TÍN DỤNG VỀ
XUẤT-CẢNG — NHẬP-CẢNG



ĐẠI-DIỆN CÁC NGÂN-HÀNG TRÊN THẾ-GIỚI

BANK OF CHINA

Siège Social TAIPEI - TAIWAN

Capital : 60.000.000 Silver Dollars

Responsabilité des Membres Limitée

Adresse Télégraphique : CHUNGKUO

Code : Peterson Internationale 4th Edition

TRAITE TOUTES LES AFFAIRES DE BANQUE

**AGENCES ET CORRESPONDANTS DANS TOUTES
LES GRANDES VILLES DU MONDE**



SUCCURSALE DE SAIGON :

11, Bn Chuong Duong

Téléphone : 21.632-21633



AGENCE DE CHOLON :

118, 4q1-lô Dong-Khanh

Téléphone : 36.266



AGENCE DE LA

CHINA INSURANCE COMPANY, LTD.

Maritime — Incendie — Automobile — Accidents

Pour vos voyages par
voie aérienne ou voie maritime,



DENIS FRÈRES agréée I.A.T.A.
à votre service

REPRÉSENTANT AU VIÊT-NAM DE :

- *Pan American Airways*
- *Cathay Pacific Airways Ltd*
- *Thai Airways Company*
- *American Express*
- *United States Line*

BANQUE FRANCO-CHINOISE

POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE

SOCIÉTÉ ANONYME FRANÇAISE

AU CAPITAL 5.300.000 FRANCS

SIÈGE SOCIAL : 74, Rue St-LAZARE — PARIS

VIET
NAM

SAIGON

AGENCE : 32, Dai - Lô Hàm - Nghi —
Tél : 20.065, 20.066, 20.067.

BUREAUX : 178 - 180 - 182, Duong Lê-
Thanh - Tôn (Marché cen-
tral) — Tél. : 22.142

— : 415 - 417, Duong Hai Ba
Trung (Tân-Dinh) — Tél. :
25.172.

CHOLON : AGENCE : 386, Dai - lô Đông - Khanh
(Cholon) — Tél. : 36.105.

KHANH-HUNG : AGENCE : 23, Duong Hoang-Diêu.

FRANCE : PARIS, LYON, MARSEILLE, MONTPELLIER

CAMBODGE : PHNOM-PENH, BATTAMBANG,
KOMPONG-CHAM

MADAGASCAR : TANANARIVE, TAMATAVE



LOCATION DE COFFRES-FORTS PAR L'AGENCE DE SAIGON

TOUTES OPÉRATIONS DE BANQUE ET DE CHANGE

BÁCH

KHOA trong số này

Số 159 ngày 15-8-63

TIÊU-DẪN cuộc tranh chấp Nga Hoa	1
ĐOÀN-VĂN-AN lịch sử triết lý Zen ở Trung Hoa	13
LAI-SINH đàm thoại với Staline	23
CÔ-LIÊU tái sinh	35
VIỆT-ANH sóng gió chính trị ở Nam Hàn	41
TRÁC-NGỌC cụ Huỳnh-Thúc-Kháng nói chuyện về bài thơ «Con muỗi»	51
NGUYỄN-HỮU-DUNG văn nghệ với chính trị tại Liên Xô	57
ĐYNH-HOÀNG-SA người em quê hương (thơ)	62
HỮU-PHƯƠNG bản khoán — lữ trình (thơ)	63
ĐẠ-THẢO người tìm tuyệt đối (thơ)	64
CÔ-LIÊU sự an nghỉ của người chiến sĩ (dịch « Le Repos du guerrier » của Christiane Rochefort)	65
PHAN-DUY-NHÂN ngợi ca bằng hữu tương lai (thơ)	75
TRẦN-HUIỀN-ÂN khi con nửa tuổi (thơ)	76
VÕ-HỒNG mùa hoa soan (truyện ngắn) — vết thương không lành (thơ)	77 81
DƯƠNG-THIỆU-TƯỚC — TRAN-THANH-TÂM trả lời cuộc phỏng vấn âm nhạc của Bách-Khoa	87
NGUYỄN-NGU-Í (phỏng vấn Ô. Nguyễn-Phụng) hội nghị âm nhạc giáo dục kỳ V tại Đông-Kinh — (thuật buổi nói chuyện của Ô. Pierre Trần-Văn-Nghiêm) tại sao tôi trở thành nhà giáo dục	97 104

BÁCH-KHOA

trong những số tới

<i>Tìm hiểu Hiệp ước ngưng thí nghiệm hạn chế nguyên tử Anh-Mỹ-Nga</i>	VIỆT-ANH
<i>Ý niệm về Thề : các kiểu và các vẻ đẹp Heldegger và Thi ca</i>	ĐOÀN-THÊM
<i>Phương pháp sử học</i>	TRẦN-HƯƠNG-TỬ
<i>Trần-Thới-Hanh, thi-sĩ trào phúng miền Nam</i>	NGUYỄN-PHƯƠNG
<i>Vấn đề Giải-thoát trong Nguyên-thủy và Đại-thừa Phật-giáo</i>	NGUYỄN-VĂN-HẦU
<i>Plasma, trạng thái thứ tư của vật chất</i>	THANH-THUYỀN
<i>Sự quan hệ của tiếng Việt đối với Việt-khieu ở Pháp</i>	VÕ-QUANG-YẾN
<i>Nghĩ thêm về thiên tài Nguyễn-Du</i>	MỘNG-TRUNG
<i>Vài nét về một số nhà văn hiện đại của Châu-Mỹ La-Tinh</i>	VŨ-HẠNH
<i>Người bẻ ghi (truyện dịch Mỹ-Latinh)</i>	TRĂNG-THIÊN
<i>Một vài kỷ niệm về nhà văn Nhất-Linh</i>	NGUYỄN-MINH-HOÀNG
<i>Cái quan tài của Trúc-Anh (truyện-ngắn)</i>	NGUYỄN-NGU-Í
<i>Cái vốc tre (truyện ngắn)</i>	VŨ-HẠNH
<i>Một chỗ cho người tàn tật (truyện ngắn)</i>	LƯƠNG-THỂ-NAM
<i>Quay trong gió lốc (truyện ngắn)</i>	Y-UYÊN
	LÊ-TẮT-ĐIỀU

TRONG QUÁ TRÌNH TIẾN TRIỂN CỦA CUỘC TRANH CHẤP NGA HOA

Một hội nghị tìm giao điểm cho hai con đường ý thức hệ song song

TIỂU-DÂN

« **C**HÚNG ta không muốn có chiến tranh ; chỉ có những kẻ điên rồ mới có thể tưởng tượng đánh bại chủ nghĩa tư bản bằng con đường chiến tranh. Nếu giai cấp thợ thuyền ở các nước tư bản nổi dậy, chúng ta chào mừng sự nổi dậy như thế. Nhưng chúng ta không có ý định xen vào việc nội bộ các quốc gia khác, bởi vì như thế sẽ có chiến tranh. Có những kẻ nhìn mọi sự một cách khác : họ cứ hành động theo ý họ đi, lịch sử sẽ cho họ những bài học cần thiết ».

Những lời trên được tuyên bố tại Đông Đức ngày 4-7-63, một ngày trước hôm khai mạc hội nghị bàn về vấn đề tranh chấp ý thức hệ Nga Hoa. Người tuyên bố là ông Krouchtchev và « những kẻ » mà ông nói đến chẳng ai khác là các lãnh tụ Trung-Cộng.

Trưa thứ Sáu 5-7, chiếc phi cơ đặc biệt chở phái đoàn Bắc-Kinh hạ cánh

tại phi trường Mạc-Tư-Khoa. Chỉ có ông Souslov, ủy viên chủ tịch đoàn và ban bí thư Đảng Cộng-sản Nga-Xô, trưởng phái đoàn Nga tại hội nghị sắp khai mạc, ra đón phái đoàn đảng bộ anh em. Không có công chúng.

Đêm hôm trước, thứ Năm, Ban chấp hành trung ương Đảng Cộng-sản Trung quốc lên tiếng tố cáo Nga-Xô đã dùng mảnh khoé xảo trá xuyên tạc sự thật và « có những lời vu cáo, phỉ báng không thể chấp nhận được ».

Cùng một thời gian, tại Mạc-Tư-Khoa, báo Izvestia đăng bản tuyên ngôn của Bộ ngoại giao Nga-Xô, lời lẽ cực kỳ gay gắt, phản kháng người Cộng-sản Trung-Hoa đã có những hoạt động phi pháp tại Nga : 3 nhân viên ngoại giao và 2 sinh viên Trung-Cộng đã bị Nga-Xô trục xuất vì phổ biến trong dân chúng bức thư 25 điểm của Pắc-Kinh.

MỘT HỘI NGHỊ TÌM GIAO ĐIỂM CHO HAI CON ĐƯỜNG...

Sáng ngày 5-7, đúng vào lúc chiếc phi cơ chở phái đoàn Bắc Kinh đang bay về hướng Mạc-Tư-Khoa thì bộ trưởng ngoại giao Trung-Cộng tuyên bố rằng các lãnh tụ Nga-Xô « đã có một thái độ không thể chấp nhận được trong mỗi bang giao quốc tế và đặc biệt trong mỗi bang giao giữa hai nước xã hội chủ nghĩa ».

Và trong lúc cuộc hội đàm Nga-Hoa đang diễn thì Ban chấp hành trung ương Đảng Cộng sản Nga-Xô, ngày 14-7 (một tháng sau ngày Bắc-Kinh gửi cho Mạc-Tư-Khoa bức thư 25 điểm) công bố một bức thư ngỏ, minh định lập trường của mình trong các vấn đề tranh chấp ý thức hệ với Bắc-Kinh. Bức thư công khai buộc tội Đảng Cộng-sản Trung-quốc là « muốn xây dựng một nền văn minh siêu đẳng Cộng sản trên máu xương hàng trăm triệu đồng loại ».

Mới hôm qua đây, ông Krouchtchev còn ôm hôn đại sứ Trung-Cộng tại một nước Á-Châu mà bảo : « Liên-Xô và Trung quốc, chúng ta sẽ cùng đổ những xẻng đất cuối cùng trên huyết mộ đế quốc tư bản ».

Cũng mới đây không lâu lắm, các lãnh tụ Mạc-Tư-Khoa cũng như các

lãnh tụ Bắc-Kinh đều phát biểu những ý kiến tương tự, xác nhận rằng thế giới tư bản hi vọng có sự phân ly giữa Nga-Hoa là đơi chò — nói theo người Việt — « ngựa mọc sừng, dê đẻ đẻ con ».

Thế mà bây giờ Mạc-Tư-Khoa và Bắc-Kinh đã đến bên bờ đổ vỡ. Hội nghị Mạc-Tư-Khoa đã tạm ngưng, chưa định ngày và nơi tái họp. Phái đoàn Bắc-Kinh đã trở về nước — về tay không, không có kết quả nào phân khởi — nhưng lại được đại lãnh tụ Mao-Trạch-Đông đặc biệt ra chào đón tại phi trường.

Rồi thì các báo ở Mạc-Tư-Khoa và ở Bắc-Kinh tiếp tục trận giặc miệng. Giọng điệu chỉ có sôi nổi hơn, chứ không hòa dịu. Và có lẽ sự kiện đáng chú ý nhất là báo chí Trung quốc gọi ông Krouchtchev là kẻ thù số 4, sau các kẻ thù của họ là các ông Kennedy, Tito và Nehru, sắp theo thứ tự sâu sắc của mức căm thù.

Một câu hỏi lớn được đặt ra cho tất cả mọi người, ít nhiều ý-thức về tầm quan trọng của cuộc tranh chấp Nga-Hoa đối với nền hòa bình thế giới : vì đâu ? rồi sẽ ra sao ?

MỘT TÌNH HÌNH SUY ĐỔI TỪ 5 NĂM NAY

Ký giả Robert Guillain đã hiến cho mọi người đang tìm hiểu một công trình nghiên cứu về sự diễn tiến của tình hình tranh chấp Nga-Hoa từ năm 1956 đến nay.

1956-1959 :

**mâu thuẫn tiềm-tàng
và tranh chấp ngấm-ngấm**

Tháng 2 năm 1956, tại Đại hội Đảng Cộng-sản Nga-Xô lần thứ 20, ông

BÁCH KHOA CLIX

TIÊU-DÂN

Krouchtchev lên tiếng tố cáo chính sách độc tài và chế độ tôn sùng cá nhân của Staline.

Bắc-Kinh yên lặng trong 5 tuần lễ. Sau đó Ban chấp hành trung ương Đảng Cộng-sản Trung quốc chính thức bác bỏ việc kết án toàn bộ chế độ Staline và đòi phải phân biệt sai lầm của Staline với công nghiệp cách mạng của Staline.

Năm 1957, sau khi nhóm Molotov Malenkov bị hạ bệ ở Nga-Xô thì Bắc-Kinh tỏ vẻ nguội lạnh trở lại. Họ bắt đầu kìm hãm phong trào « trăm hoa đua nở », cứng rắn lại trong đường lối, chính sách và tấn công các phần tử hữu khuynh.

Năm 1958, Trung Cộng phát động các chính sách « Bước nhảy vọt » và « Công xã nhân dân » chống việc Krouchtchev định tham dự Hội nghị tối cao Đông Tây. Mạc-Tư-Khoa nhượng bộ nhưng công kích Bắc-Kinh quá tả trong các chính sách cách mạng quyết liệt nói trên. Cũng trong thời kỳ này Bắc-Kinh bắt đầu chỉ trích chủ nghĩa xét lại hiện đại của Nam Tư. Mạc-Tư-Khoa yên lặng.

Năm 1959, Bắc-Kinh chống sự hòa dịu Nga-Mỹ, qua cuộc hội đàm giữa ông Krouchtchev và tổng thống Hoa-Kỳ tại trại David.

1960-1961 :

cuộc tranh chấp nổ bùng

Tại các đại hội Liên hiệp nghiệp đoàn thế giới lần thứ 21, đại hội Đảng Cộng-sản Lỗ-Ma-Ni, đại hội Đảng Cộng

sản Nga-xô lần thứ 22, Trung-Cộng và Bắc-Kinh công khai chỉ trích lẫn nhau. Phong trào báo chí ở Bắc-Kinh hưởng ứng chính sách của Trung ương Đảng, công kích chính sách hòa hoãn của Krouchtchev. Trung-Cộng bị cô lập khắp nơi nhưng đấu tranh tư tưởng rất quyết liệt.

Thái độ của Bắc-Kinh càng cứng rắn vì thời gian này họ gặp nhiều khó khăn trong các chính sách « Bước nhảy vọt » và « Công xã nhân dân ».

Đặc biệt trong lúc này là những biến cố xảy ra vào thời gian Đại hội lần thứ 22 của Đảng Cộng-sản Nga-Xô, ông Krouchtchev tấn công Albanie để gián tiếp tấn công Trung-Cộng. Chu-Ấn-Lai phản đối, bỏ ra về trước khi đại hội bế mạc. Trước đó, Chu-Ấn-Lai đèn nghiêng mình trước thi hài Staline.

1962-1963 :

nguy cơ phân ly

Cuộc khủng hoảng ở Cuba và cuộc tranh chấp Hoa-Ấn về vấn đề biên giới là hai trường hợp làm bộc lộ mạnh mẽ mỗi mâu thuẫn giữa Nga-Xô và Trung-Cộng.

Bắc-Kinh lên án Krouchtchev « đầu hàng đế quốc Mỹ, bỏ rơi nhân dân Cuba », và « trao vũ khí cho kẻ thù Ấn-Độ tấn công một nước xã hội chủ nghĩa huynh đệ ».

Ông Krouchtchev mỉa mai về sự sai lầm của Trung Cộng đối với Ấn-Độ, buộc tội Bắc-Kinh hiếu chiến và ích kỷ, muốn Nga Mỹ đụng độ để gây

MỘT HỘI NGHỊ TÌM GIAO ĐIỂM CHO HAI CON ĐƯỜNG...

chiến tranh thế giới và thủ lợi cho riêng mình.

Cả hai bên, Bắc-Kinh và Mạc-Tư-Khoa, đều ra sức vận động lôi kéo các đảng Cộng-sản khác về phe mình. Krouchtchev nhắm vào các đảng châu Âu, Mao-Trạch-Đông hướng về các đảng châu Á và châu Mỹ la tinh.

Đặc biệt là biến cố xảy ra tại Đại hội Đảng Cộng-sản Đông Đức (16-1-63) : đại biểu Trung-Cộng bị la ó, đá đảo, trong khi lên tiếng chỉ trích chính sách, đường lối của Đảng Cộng-sản Nga-Xô, nhưng đại biểu Trung-Cộng đấu tranh mạnh mẽ, không nhượng bộ.

Ông Krouchtchev đề nghị « hưu chiến » và ngày 21 tháng 2, Đảng Cộng-sản Nga-Xô đề nghị một cuộc gặp gỡ giữa đại diện hai đảng bộ để giải quyết vấn đề tranh chấp ý thức hệ, tức là hội nghị Mạc-Tư-Khoa vừa rồi.

Hội nghị này đã tạm ngưng. Thật ra là nó thất bại. Và người ta hiểu rằng không thể có một cái kết thúc khác hơn được. Bức thư 25 điểm của Bắc-Kinh gọi Mạc-Tư-Khoa và bức thư ngỏ của Mạc-Tư-Khoa trả lời là những tài liệu nói lên rằng, tuy cùng ý thức hệ, Đảng cộng-sản Nga-Xô và Đảng cộng-sản Trung Quốc đang tiến theo hai con đường song song không thể có giao điểm.

NỘI DUNG CUỘC TRANH-CHẤP Ý-THỨC-HỆ NGA-HOA : BỨC THƯ 25 ĐIỂM CỦA TRUNG-CỘNG BỨC THƯ NGỎ CỦA NGA-XÔ

Vì khuôn khổ của bài báo, người viết chỉ xin trình bày những điểm tranh chấp trọng yếu để hiển bạn đọc một ý niệm khái quát về vấn đề mà thôi.

I. — Nguyên tắc căn bản

a) Đường lối chung

BẮC-KINH

Nếu không nhìn, phân tích, nhận định tình hình, theo quan điểm giai cấp, xuyên qua những mâu thuẫn căn bản của thế giới hiện đại, nếu dùng một quan điểm chủ quan, nông nổi, dựa vào một vài hiện tượng hời hợt bên ngoài, thì người ta không bao giờ có được những kết luận đúng đắn về đường lối chung của phong trào cộng sản quốc tế và người ta không tránh

khỏi sa vào một đường lối về căn bản khác hẳn với đường lối Mác-xít — lê-nin-nít.

MẠC-TƯ-KHOA

Cuộc tranh đấu cho hòa bình, chế độ dân chủ, nền độc lập quốc gia và chủ nghĩa xã hội, đây là tóm tắt thực chất của đường lối chung ấy.

Những gì mà các lãnh tụ Trung-Hoa đề nghị dưới chiêu bài « Đường lối chung » thật ra chỉ là những trách vụ

tổng quát nhất của giai cấp thợ thuyền được kể ra và sự kể ra một loạt trách vụ như thế lại không căn cứ vào thời gian, vào mối tương quan cụ thể và bình thường giữa các lực lượng giai cấp, vào những đặc điểm trong thời đại mới của lịch sử.

b) Bản chất các mâu thuẫn

BẮC KINH

Các quan điểm sai lầm sau đây của Nga-Xô phải được bác bỏ :

a) Xóa bỏ nội dung giai cấp trong những mâu thuẫn giữa phe xã hội và phe đế quốc, không xem những mâu thuẫn ấy như là mâu thuẫn giữa những nước dưới chế độ vô sản chuyên chính và những nước dưới chế độ tư bản độc quyền.

b) Chỉ thừa nhận những mâu thuẫn giữa phe xã hội và phe đế quốc và khinh thường hay đánh giá thấp những mâu thuẫn của thế giới tư bản, giữa giai cấp vô sản và giai cấp tư sản, giữa dân tộc bị áp bức và đế quốc chủ nghĩa, giữa các nước đế quốc và các tập đoàn tư bản độc quyền, cũng như khinh thường hay đánh giá thấp những cuộc đấu tranh phát sinh từ các mối mâu thuẫn ấy.

c) Cho rằng trong lòng thế giới tư bản những mâu thuẫn giữa vô sản và tư bản trong một nước nhất định, có thể được giải quyết không cần đến cách mạng vô sản ở nước ấy, hoặc cho rằng những mâu thuẫn giữa dân tộc bị áp bức và đế quốc chủ

nghĩa có thể được giải quyết, không cần đến cách mạng của các dân tộc bị áp bức.

d) Không nhận rằng những mâu thuẫn nội tại của thế giới tư bản hiện đại nhất định đưa đến một tình thế mới trong đó các nước đế quốc sẽ đấu tranh quyết liệt chống nhau ; cho rằng có thể có sự hòa giải hay hơn thế nữa sự loại trừ các mối mâu thuẫn giữa các nước đế quốc, bằng sự kết thúc những « thỏa ước quốc tế giữa các đại tập đoàn tư bản độc quyền ».

đ) Cho rằng những mối mâu thuẫn giữa hai chế độ, chế độ xã hội và chế độ tư bản, sẽ tự nhiên tiêu vong trong quá trình cuộc « ganh đua hòa bình » và do đây những mối mâu thuẫn căn bản khác trên thế giới cũng sẽ tự nhiên tiêu vong, và sẽ phát sinh « một thế giới không có chiến tranh », một thế giới mới, trong đó mọi người hợp tác với nhau.

MẠC TƯ KHOA

Tính cách và nội dung quá trình cách mạng thế giới hiện đại được qui định bằng sự hòa hợp, thành một phong trào duy nhất, cuộc tranh đấu chống đế quốc chủ nghĩa của các dân tộc đang kiến thiết xã hội chủ nghĩa và Cộng sản chủ nghĩa, phong trào cách mạng thợ thuyền ở các nước tư bản, phong trào giải phóng của các dân tộc bị áp bức và các phong trào dân chủ ; trong sự đoàn kết các lực lượng cách mạng và chống đế quốc, vai trò quyết định thuộc về giai cấp

MỘT HỘI NGHỊ TÌM GIAO ĐIỂM CHO HAI CON ĐƯỜNG...

thợ thuyền thế giới và lực lượng đại diện tối cao của họ : phe xã hội chủ nghĩa ; phe này dùng tác động của sự gương mẫu, dùng thành quả kiên thiết kinh tế, gây ảnh-hưởng chính yếu vào sự phát triển cách mạng xã-hội thế-giới.

Các đồng chí Trung quốc không thấy hay không muốn thấy những trách vụ phong trào của chúng ta đổi thay như thế nào trong những điều kiện thời đại hiện thời.

c) Bản chất đế quốc chủ nghĩa

BẮC-KINH

Không phân định Ta, Bạn, Thù, gắn liền số phận các dân tộc thế giới và số phận nhân loại vào sự hợp tác với đế quốc Mỹ là đưa dân tộc vào con đường sai lầm. Các biến cố trong những năm gần đây đã làm tiêu tan ảo tưởng ấy.

MẠC-TU-KHOA

(Qua sự trả lời về vấn đề Cuba). Các đồng chí Trung quốc xem những lời tuyên bố của chúng ta về tình thần phục thiện, đấu óc thực tế của chính phủ Kennedy như là một trò ngụy trang của đế quốc. Có phải các đồng chí ấy thành thực nghĩ rằng tất cả chính phủ tư sản đều hoàn toàn không biết đến lẽ phải trong tất cả hành động của họ ?... Các đồng chí Trung quốc cho rằng không thể tin đế quốc ở bất cứ việc gì và đế quốc chỉ biết bịp bợm mà thôi. Nhưng vấn đề không phải là sự tin tưởng mà là một sự tính

toán bình tĩnh. Từ khi cuộc khủng hoảng ở vùng biển Caraïbes xảy ra đến nay đã tám tháng rồi và chính phủ Hoa-Kỳ đã giữ lời cam kết : không xâm lăng Cuba.

d) Điều kiện của cách mạng

BẮC - KINH

Mượn có tránh những sự hi sinh để từ bỏ cách mạng, trên thực tế có nghĩa là bảo nhân dân cứ mãi làm nô lệ và chịu đựng đến nghìn đời những nỗi đau khổ, những sự hi sinh không thể tả.

Kẻ nào bảo rằng chỉ có thể tiến hành cách mạng nếu cách mạng có thể phát triển thuận lợi, nếu cách mạng được đảm bảo trước rằng sẽ không có hi sinh và thất bại, thì kẻ ấy không phải là người cách mạng.

Nếu đảng của giai cấp vô sản phát động cách mạng một cách hời hợt, trong khi các điều kiện khách quan chưa chín mùi, đảng sẽ sa vào chủ nghĩa phiêu lưu tả khuynh ; trái lại nếu các điều kiện khách quan đã chín mùi mà đảng không dám lãnh đạo cách mạng, cướp chính quyền, thì sẽ mắc phải chủ nghĩa cơ hội hữu khuynh.

Nếu người Cộng sản trượt xuống cái dốc cơ hội chủ nghĩa, họ sẽ trở thành những phần tử quốc gia tư sản, phụ thuộc vào đế quốc và tư sản phản động.

MẠC-TU-KHOA

Chống lại đường lối hành động của các đảng Cộng sản ở các nước tư bản

như thế, các đồng chí Trung quốc đã không biểu dương một tinh thần đoàn kết sơ đẳng với những người Cộng sản đang tranh đấu chống tư bản ở tiền tuyến phong trào đấu tranh giai cấp ; các đồng chí Trung quốc cũng đã tỏ ra không nhận thức được các điều kiện cụ thể và đặc biệt của phong trào cách mạng thợ thuyền ở các nước ấy. Trên thực tế, các đồng chí Trung quốc đã « nhân danh cách mạng » bác bỏ chính những con đường đưa đến cách mạng ; họ chủ trương một đường lối chính trị đưa các đảng Cộng sản đến chỗ bị cô lập, xa rời quần chúng...

đ) Đảng cách mạng

BẮC-KINH

Nếu đảng là một đảng cải lương tư sản thay vì một đảng cách-mạng vô sản

Nếu đảng là một đảng xét lại thay vì một đảng Mác-xít — Lê-nin-nít.

Nếu đảng là một đảng theo đuôi tư-sản thay vì một đảng tiên phong của vô sản

Nếu đảng là một đảng đại-diện quyền lợi cho lao-động quý-tộc thay vì đảng đại-diện quyền-lợi cho giai-cấp vô sản và đông-đảo quần-chúng

Nếu đảng là một đảng quốc-gia thay vì một đảng quốc tế

Nếu đảng là một đảng chỉ biết lặp lại không đổi thay những lời của kẻ khác, lấy lại mà không nghiên-cứu, phân tích những kinh-nghiệm của một đảng ngoại quốc và quay cuồng theo chiếc đũa hiệu lệnh của một vài kẻ ở

nước ngoài, thay vì một đảng biết tự mình suy nghĩ, bắt bộ óc mình làm việc, am hiểu tường-tận, nhờ sự nghiên cứu và điều-tra nghiêm-chỉnh, những khuynh-hướng cụ-thể xuất-hiện trong nhiều tầng lớp dân chúng trong nước, biết áp-dụng chân-lý phổ biến của chủ nghĩa Mác-Lê, trong điều-kiện tình hình cụ thể của xứ-sở.

Nếu đảng là một đảng trang sức vừa bằng chủ nghĩa xét lại vừa bằng chủ nghĩa giáo điều, giống như một đồng đồ vật tạp-nham, cái gì cũng có một ít, trừ các nguyên-tắc chủ-nghĩa Mác-Lê.

Một đảng như thế thì nhất định không thể lãnh đạo giai-cấp vô-sản và đông-đảo quần-chúng đấu-tranh cách-mạng, tranh-thủ thắng-lợi trong cách-mạng và hoàn-thành sứ-mệnh lịch-sử lớn-lao của giai-cấp vô sản.

MẠC-TƯ-KHOA

Các đồng chí Trung quốc bắt đầu bằng việc trao gán cho đảng Liên-Xô và các nước Mác-xít — Lê-nin-nít khác những quan điểm mà họ chưa bao giờ tỏ bày, hoàn-toàn xa lạ đối với họ ; đoạn các đồng chí Trung quốc cố gắng che giấu quan-điểm, lập trường sai-lạc của họ, bằng cách lên tiếng tán-thành những định thức và lập trường vay mượn trong các tài-liệu của phong trào cộng sản.

Các đồng chí Trung quốc đã công khai chống lại cuộc tranh đấu của nhân dân phục vụ hoà bình và sự sống chung hoà bình giữa các quốc-gia có chế-độ xã-hội khác nhau, công khai chống lại công cuộc tài giảm binh

MỘT HỘI NGHỊ TÌM GIAO ĐIỂM CHO HAI CON ĐƯỜNG...

bị v. v... Điều này có nghĩa là các đồng-chí ấy trắng trợn phơi bày lập trường của họ trước mắt những người

Cộng sản toàn thế giới và các dân tộc yêu chuộng hòa bình. Và kết cuộc là lập trường của họ bị bác bỏ.

II.— Chiến tranh và Sống chung hòa bình

a) Bản chất chiến tranh

BẮC-KINH

Có những kẻ bảo rằng có thể có những cuộc cách mạng không cần chiến tranh. Nhưng chiến tranh nói đây là chiến tranh nào? Chiến tranh giải phóng dân tộc hay nội chiến cách mạng? Hay chiến tranh thế giới?

Nếu người ta muốn nói đến chiến tranh giải phóng dân tộc hay nội chiến cách mạng thì nhận định như trên có nghĩa, trong thực tế, là chống lại chiến tranh cách mạng, nghĩa là chống lại cách mạng.

Nếu người ta muốn nói đến chiến tranh thế giới thì nói như thế cũng như bắn tên vào chỗ trống, không có đích. Căn cứ vào lịch sử hai đại chiến thế giới, những người mác-xít — lê-nin-nít nhấn mạnh rằng một cuộc đại chiến thế giới nhất định gây ra cách mạng, nhưng không có người mác-xít — lê-nin-nít nào cho rằng, hoặc sẽ cho rằng, cách mạng cần phải có một cuộc chiến tranh thế giới để phát sinh.

Có những kẻ đã đặt bày ra một chuyện lạ lùng: Trung quốc và các nước xã hội chủ nghĩa khác muốn «phát động chiến tranh» và truyền bá chủ nghĩa xã hội bằng phương tiện «chiến tranh giữa các quốc gia». Đây

chỉ là những điều vu cáo của đế quốc phản động. Nói thẳng ra thì những kẻ lặp lại những điều vu cáo ấy nhằm mục đích che giấu sự chống đối của họ đối với cách mạng của các dân tộc và quốc gia bị áp bức và cũng đối với những người ủng hộ cách mạng này.

Những năm gần đây, có những kẻ quả quyết rằng một tia lửa rất nhỏ của một cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc hay của một cuộc nội chiến cách mạng cũng đủ làm cháy bùng lên một cuộc chiến tranh thế giới và sẽ hủy diệt tất cả nhân loại. Nhưng sự thật như thế nào? Các sự kiện thực tế đã chứng tỏ điều trái lại. Nhiều cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc và các cuộc nội chiến cách mạng xảy ra sau đại chiến thế giới lần thứ hai đã không gây ra chiến tranh thế giới. Sự thắng lợi của các cuộc chiến tranh cách mạng ấy đã trực tiếp làm suy yếu các lực lượng đế quốc và đã tăng cường rất nhiều các lực lượng đang đấu tranh bảo vệ hòa bình thế giới. Các sự kiện thực tế há chẳng chứng minh rằng lập luận của những kẻ kia là phi lý đó sao?

MẠC TƯ KHOA

Chúng ta nhận định một cách thực tế tương quan lực lượng trên thế

giới và chúng ta rút ra những kết luận này : mặc dù bản chất đế quốc chủ nghĩa không thay đổi và nguy cơ chiến tranh chưa bị loại trừ nhưng các lực lượng hòa bình, trong đó sức mạnh đoàn kết của các nước xã hội chủ nghĩa là thành trì chủ yếu, có thể trong những điều kiện hiện thời, cùng cố gắng chặn đứng một cuộc chiến tranh thế giới mới. Nhiệm vụ lịch sử của người Cộng sản là tổ chức và lãnh đạo các dân tộc đấu tranh ngăn ngừa một cuộc chiến tranh nguyên tử thế giới. Loại trừ một cuộc chiến tranh thế giới mới là một nhiệm vụ hoàn toàn thực tiễn và thực hiện được.

Các đồng chí Trung quốc không tin ở khả năng ngăn chặn chiến tranh thế giới mới, đánh giá thấp lực lượng hòa bình và lực lượng phe xã hội chủ nghĩa, đánh giá cao lực lượng đế quốc và trong thực tế không biết đến sự động viên quần chúng nhân dân tranh đấu chống nguy cơ chiến tranh.

b) Ý nghĩa của vũ khí nguyên tử

BẮC KINH

Người ta không thể quả quyết rằng với sự xuất hiện của vũ khí nguyên tử, khả năng và sự cần thiết tiến hành cách mạng xã hội và dân tộc không còn, hoặc những nguyên tắc căn bản của chủ nghĩa Mác Lê và đặc biệt các lý thuyết về cách

mạng vô sản, về chế độ vô sản chuyên chính, về chiến tranh và hòa bình, đã trở nên lỗi thời và biến thành giáo điều cổ lỗ.

MẠC TU KHOA

Hòa tiền nguyên tử được chế tạo ra giữa thế kỷ này đã thay đổi những quan niệm cũ về chiến tranh... Sự thật về chiến tranh hiện đại (khả năng hủy diệt tàn khốc của nó) sẽ làm cho quần chúng thêm ý chí, nghị lực đấu tranh bảo vệ hòa bình, chống đế quốc chủ nghĩa, nguồn gốc của chiến tranh. Nhiệm vụ lịch sử của người Cộng sản là tổ chức, lãnh đạo các dân tộc đấu tranh ngăn ngừa một cuộc chiến tranh nguyên tử thế giới.

Các đồng chí Trung quốc hiện nhiên là đánh giá thấp nguy cơ của một cuộc chiến tranh nguyên tử. Họ bảo : « Bom nguyên tử là con hổ giấy. Nó không ghê gớm chút nào ! Điều chính yếu là tiêu diệt đế quốc chủ nghĩa càng sớm càng hay ».

Nhưng phải chịu bao nhiêu thiệt hại để tiêu diệt đế quốc chủ nghĩa bằng chiến tranh ? Bảo rằng vẫn để thiệt hại không quan trọng, chỉ là vấn đề phụ nhưng vẫn đề phụ đòi với ai ? Đòi với hàng trăm triệu người sẽ chết trong trường hợp có một cuộc chiến tranh nguyên tử ?

Không một kẻ nào — kể cả những cường quốc — có quyền đùa bỡn với số mệnh của hàng triệu con người.

III.— Phong trào giải phóng dân tộc

Sự cần thiết của cách mạng

BẮC-KINH

| Ưu thế của chế độ xã hội và những thành tích kiên thiết của các nước xã hội chủ nghĩa nêu gương tốt và gây phấn khởi cho các dân tộc và quốc gia bị áp bức.

Nhưng tầm gương ấy, niềm phấn khởi ấy, nhất thiết không thể thay thế cuộc tranh đấu cách mạng của các dân tộc và quốc gia bị áp bức. Họ chỉ có thể được giải phóng khi nào chính họ đã làm cách mạng thành công.

Vậy mà có những kẻ tự ý thổi phồng lên sự quan trọng của vai trò cuộc ganh đua hòa bình giữa các nước xã hội và các nước đế quốc và toan tính thay sự ganh đua hòa bình vào cuộc đấu tranh cách mạng của các dân tộc

và quốc gia bị áp bức. Theo họ thì đề quốc chủ nghĩa tự nó sẽ đổ nhào trong quá trình ganh đua hòa bình và các dân tộc, các quốc gia bị áp bức chỉ cần bình tĩnh đợi chờ ngày ấy. Quan niệm như thế có đúng với chủ nghĩa Mác-Lê chăng ?

MẠC-TU-KHOA

Trong phong trào giải phóng dân tộc, mục đích của giai cấp thợ thuyền và của các đảng Cộng sản, là hoàn thành nhiệm vụ cách mạng chống đế quốc, xây dựng dân chủ, là phát triển và củng cố mặt trận dân tộc dựa vào sự liên minh với giai cấp nông dân và tiểu tư sản yêu nước, tiên bộ, là tạo điều kiện thành lập một chế độ dân chủ nhân dân và sửa soạn việc chuyển qua con đường phát triển phi tư bản.

IV.— Cách-mạng ở các nước tư-bản

Sự cần thiết bạo động cách mạng

BẮC-KINH

Người Cộng sản bao giờ cũng mong ước có sự chuyển qua chế độ xã hội chủ nghĩa bằng đường lối hòa bình. Nhưng sự chuyển qua bằng đường lối hòa bình có thể được nêu lên thành một nguyên tắc chiến lược quốc tế mới của phong trào Cộng sản chăng ? Nhất thiết không được.

Dù thế nào, đảng vô sản cũng không thể xây dựng tư tưởng, phương châm cách mạng, chương trình hoạt động, trên cơ sở ý tưởng rằng đế quốc chủ nghĩa và phản động sẽ chấp nhận sự đổi thay một cách hòa bình.

Nếu đảng vô sản không chuẩn bị, đảng sẽ làm tê liệt ý chí, nhuệ khí cách mạng của giai cấp vô sản. Về phương diện ý thức hệ, đảng sẽ bị tước vũ khí, sẽ bị lâm vào thế bị

động hoàn toàn và sẽ thất bại chắc chắn.

MẠC-TU-KHOA

Trong thực tế, các đồng chí Trung quốc phủ nhận những khả năng vận dụng các hình thức tranh đấu hòa

bình của cách mạng xã hội, trong khi chủ nghĩa Mác-Lê dạy rằng người Cộng sản phải phối hợp vận dụng tất cả hình thức đấu tranh cách mạng của giai cấp, hình thức hòa bình cũng như hình thức bạo động.

V. — Sau khi nắm chính quyền

a) Đấu tranh giai cấp

BẮC-KINH

Phủ nhận sự tồn tại của đấu tranh giai cấp trong thời kỳ vô sản chuyên chính và phủ nhận sự cần thiết hoàn thành triệt để cách mạng trên các chiến tuyến kinh tế, chính trị và ý thức hệ, là một điều sai lầm, trái hẳn với thực tế và chủ nghĩa Mác-Lê.

Có những kẻ bảo rằng, tại nước họ, xã hội đã là xã hội không giai cấp. Chúng ta trả lời họ : không ! Giai cấp và đấu tranh giai cấp vẫn tồn tại tại trong các nước xã hội chủ nghĩa, không phân biệt nước nào.

Bởi vì người ta còn thấy ở mọi nơi những phần tử thuộc các giai cấp bóc lột cũ vốn muốn phục hồi địa vị thống trị của chúng, những phần tử tư sản mới, những kẻ ăn bám, những kẻ đầu cơ, những kẻ không làm gì, những phần tử du đảng, những kẻ biến thủ của công v. v... Làm sao có thể bảo rằng không còn giai cấp và không còn giai cấp đấu tranh ?

MẠC-TU-KHOA

Phải nhận rằng các đồng chí Trung Quốc có một quan niệm độc đáo về

giai cấp và giai cấp đấu tranh. Những phần tử ăn bám được xem là một giai cấp từ bao giờ ? Người Cộng sản không thành một giai cấp trong bất cứ xã hội Cộng sản nào.

Những phần tử mà các đồng chí Trung quốc nói đến là căn bản của chủ nghĩa tư bản.

Các nhà lãnh đạo Trung quốc nói xa nói gần đến một sự tiêu tư sản hóa của xã hội Liên-Xô. Theo lý luận của họ thì một dân tộc đi dép bằng vỏ cây, cả gia đình ăn chung một bát canh cải đó là Cộng sản. Và nếu một phần tử cần lao sống sung sướng và muốn sống sung sướng hơn nữa trong ngày mai, thì đó gần như là phục hồi chế độ tư bản.

Các tác giả của những lý thuyết ấy không tin ở sức mạnh và khả năng của giai cấp thợ thuyền.

b) Chế độ tôn sùng cá nhân

BẮC-KINH

Nếu vấn đề « tranh đấu chống chế độ tôn sùng cá nhân », trong thực tế, có nghĩa là đem lãnh tụ đối lập với quần chúng, là phá hoại sự lãnh đạo nhất trí dựa vào chế độ dân chủ tập

MỘT HỘI NGHỊ TÌM GIAO ĐIỂM CHO HAI CON ĐƯỜNG...

trung trong đảng, là phân tán lực lượng đấu tranh của đảng và làm tan rã hàng ngũ đảng.

MẠC-TU-KHOA

Các nhà lãnh đạo Trung quốc đã tự nhận lấy vai trò bào chữa cho chế độ tôn sùng cá nhân, phổ biến những ý tưởng sai lầm của Staline. Họ toan bắt buộc các đảng khác chấp nhận trật tự tinh thần, ý thức và hình thức, phương pháp lãnh đạo, được áp dụng suốt thời kỳ chế độ tôn sùng cá nhân. Chúng ta nói ngay : vai trò

ày chẳng tốt đẹp chút nào, nó không đem lại danh dự, vinh quang cho họ. Không ai có thể buộc những người Mác-xít — lê-nin-nít và những người tiên bộ, phải đi theo con đường bệnh vực chế độ tôn sùng cá nhân.

Thật khó mà nhận xét thấu đáo những lý do đã thúc đẩy các đồng chí Trung quốc đứng ra làm trạng sư cho chế độ tôn sùng cá nhân. Trong thực tế, đây là lần đầu tiên trong lịch-sử phong trào Cộng sản quốc tế, chúng ta được nghe ca ngợi thắng thừng chế độ ầy.

VI. — Phong trào Cộng-sản quốc-tế

a) Quan hệ giữa các đảng huynh đệ

BẮC-KINH

Nếu người ta thừa nhận nguyên tắc độc lập và bình đẳng trong mối liên lạc giữa các đảng anh em thì không đảng nào được phép tự đặt lên trên các đảng anh em khác, can thiệp vào nội bộ của họ và thi hành một chế độ tộc trưởng trong sự liên lạc giữa các đảng anh em.

Nếu người ta thừa nhận rằng trong sự liên lạc giữa các đảng anh em không có « thượng cấp » và « thuộc hạ » thì không đảng nào được phép trình bày chương trình, quyết nghị và đường lối của đảng mình như là « chương trình chung » của phong trào Cộng sản quốc tế để rồi bắt buộc các đảng anh em khác phải phục tùng.

Nếu như người ta thừa nhận nguyên tắc đồng thanh nhất trí bằng con đường tham khảo ý kiến, trong sự liên lạc giữa các đảng anh em thì người ta không nên nhấn mạnh về vấn đề tìm xem « ai có đa số » hay « ai thuộc về thiểu số » và dựa vào một cái mệnh danh là đa số, bắt buộc người ta theo một đường lối sai lầm và thực hành một chính sách bè phái, chia rẽ.

MẠC-TU-KHOA

Các nhà lãnh đạo Trung quốc phá hoại sự thống nhất của phong trào Cộng sản quốc tế, dày xéo những nguyên tắc của chủ nghĩa vô sản quốc tế, vi phạm trắng trợn các qui điều liên lạc giữa các đảng anh em... Họ tổ chức những nhóm phản bội trong nội bộ các đảng Hoa-Kỳ, Ba-Tây, Ý, Bỉ,

Áo và Ân-Độ và xúi giục bọn ấy phá hoại.

b) Sai lầm chủ nghĩa. — Chủ nghĩa xét lại

BẮC-KINH

Bảo rằng Nam-Tư đã chứng tỏ « một khuynh hướng tích cực nào đó », rằng Nam-Tư là một « nước xã hội chủ nghĩa » và bè lũ Tito là một « lực lượng chống đế quốc », đó là một nhận định, một sự xác nhận hoàn toàn trái lại với sự thật.

MẠC-TƯ-KHOA

Nếu nghiên cứu, phân tích khách quan quá trình tiến triển của Nam-Tư về các mặt kinh tế, xã hội, người ta phải nhận rằng lập trường xã hội của Nam-Tư đã vững chắc hơn trước. Giữa Nam-Tư và Liên-Xô cùng các nước xã hội chủ nghĩa khác có một sự gắn gũi lập trường trong chính sách ngoại giao, từ khi tái lập mối quan-hệ bình thường... Về một số vấn-đề nguyên-tắc ý-thức hệ, còn sự dị-đồng quan-điểm, lập trường, giữa Đảng Cộng-sản Liên-Xô và Liên đoàn những người Cộng-sản Nam-Tư nhưng nếu « dứt phép thông công » Nam-Tư vì lẽ ấy và đẩy quốc-gia Nam Tư về phe đế-quốc như Đảng Cộng sản Trung-quốc làm thì đây là điều sai lầm.

* *

Đền đây bạn đọc đã có một ý-niệm khái quát về cuộc tranh chấp ý-thức hệ Nga Hoa.

Theo André Fontaine, Mạc-Tư-Khoa Bắc-Kinh đã cùng im-lặng về ba điểm có lẽ không kém phần quan-trọng trong tình hình tranh-chấp : a) mối tương-quan giữa cá-nhân hai lãnh-tự : Krouchtchev và Mao-Trạch-Đông. b) việc Nga-Xô từ chối, không giúp Trung-Cộng chế bom nguyên-tử. c) việc Nga-Xô ủng-hộ Ân-Độ trong cuộc tranh chấp Hoa-Ân mùa thu 1962.

Theo David Rousset, sự bất đồng quan-điểm, lập-trường giữa Bắc-Kinh và Mạc-Tư-Khoa có nguyên-nhân nằm trong tình hình nội-bộ riêng biệt của mỗi nước.

Nga-Xô ở vào một tình-thế cần cải thiện sinh-hoạt kinh-tế quốc-gia cũng như cải-thiện mối tương quan giữa Nga-Xô và các nước Cộng-sản khác, theo tinh-thần « dân chủ hóa tổ-chức sinh-hoạt ».

Nhưng công cuộc chạy đua vũ trang làm cho mọi cố-gắng của Nga không thực-hiện được. Để xây-dựng ở trong, họ phải gỡ thề kết ở ngoài. Họ mong mỗi một tình hình quốc-tê hòa dịu. Họ chỉ có thể đạt được kết quả mong ước nếu sống chung hòa-bình lâu dài được với Hoa-Kỳ.

Chiến-lược của Nga, trên bình-diện quốc-tê, lại được một yếu-tố làm cho thuận-lợi : Nguy cơ của chiến-tranh nguyên-tử. Do đây, Mạc-Tư-Khoa nhân mạnh về vấn-đề sống chung hòa bình, về các thuyết tranh đấu hòa-bình, chuyển qua chế-độ xã-hội một cách hòa-bình, ganh đua hòa-bình với đế-quốc chủ nghĩa.

MỘT HỘI NGHỊ TÌM GIAO ĐIỂM CHO HAI CON ĐƯỜNG...

Trung Cộng quá nghèo, kỹ-nghệ chậm tiến, dân số lại vĩ đại, không thể chờ đợi, tranh đấu kéo dài như Nga-Xô. Vì với thời gian, những vấn-đề nội-bộ quá lớn lao của Trung Cộng sẽ làm cho chế-độ Bắc-Kinh bị đe dọa. Mao-Trạch-Đông ban đầu cho rằng nếu thỏa hiệp với Hoa-Kỳ thì, với thời gian, đề-quốc này có lợi; về sau ông cho rằng cần lợi dụng tình trạng các cơ cấu thuộc địa quốc-tế tan rã để phát động đấu tranh cách mạng, tăng cường lực-lượng phe xã-hội chủ nghĩa, đẩy đề quốc chủ nghĩa sớm đến bước đường tiêu vong; cuối cùng, ông cho rằng cơ-cấu nội-bộ Trung Cộng quá yếu không cho phép dân-chủ hóa tổ-chức, sinh-hoạt.

Do đây, người ta thấy Bắc-Kinh tiến hành một chiến-lược khác, mặt ngoài cứng rắn chống đề quốc, tích cực ủng hộ các phong trào cách mạng, bên trong đấu tranh siết chặt hàng ngũ, giữ vững những nguyên-tắc Mác-Lê, đánh tan một ý-thức côi mờ, xét lại.

Thủ tướng Nhật Bản nhận định rằng cuộc tranh chấp Nga-Hoa không phải chỉ có một vấn đề ý thức hệ, mà còn một vấn đề khác nữa: tinh thần quốc gia của Trung Cộng và của Nga Xô. Ông cho rằng tinh thần quốc gia

của Trung Cộng đã gây ra trước hết cuộc tranh chấp và cuộc tranh chấp lại làm cho tinh thần quốc gia Trung Cộng phát triển mạnh thêm.

Có một sự thật mà mọi người đều ghi nhận: đã có sự phân ly giữa Nga xô và Trung Cộng. Sự phân ly giữa hai đảng có đưa đến sự đoạn tuyệt bang giao Nga xô Trung Cộng chăng? Có lẽ giải đáp câu hỏi này bây giờ quá sớm.

Nhưng ảnh hưởng của sự phân ly tác động càng ngày càng mạnh vào phong trào Cộng sản quốc tế. Người ta được biết các đảng Cộng sản Á-Phi và Châu Mỹ la tinh (trừ đảng Cuba) thiên về Bắc-Kinh, trong khi các đảng Cộng sản Châu Âu thì thiên về Mạc-Tư-Khoa (trừ Albanie; riêng Roumangie có cảm tình với Bắc-Kinh nhưng vẫn chưa chống Nga rõ rệt). Ở các đảng Châu Âu đã có hiện tượng chia rẽ, cánh thân Bắc-Kinh, thiếu số, bị khai trừ khỏi đảng và tiếp tục hoạt động chống đối Nga-Xô.

Và nếu ghi nhận sự phân ly giữa hai đảng Cộng sản quan trọng nhất trong phe xã hội chủ nghĩa thì người ta cũng thấy thêm một sự thật: từ đây có hai con đường ý thức hệ Cộng sản song hành trong một thời gian vô định.

TIỂU DẪN

ĐÍNH CHÍNH

Trong bài «*Nói chuyện với ông Phạm-Văn-Sơn*» đăng trên Bách-Khoa số 157 ngày 15-7-63, trang 21, cột 1, đoạn bàn về chữ «Lạc» qua một số sách, có một điểm sai lầm khi phân tích về chữ «Lạc» ở các sách:

a) *Đại-Việt Sử-ký toàn thư...* và c) *Lĩnh-Nam trích quái* tác giả đã viết rằng: «chữ Lạc một bên là chữ «Thoán», một bên chữ «các» nay xin sửa cho đúng là: «chữ Lạc một bên là bộ «Trĩ» một bên chữ «các».

Mong bạn đọc sửa lại giùm cho và xin trân trọng cáo lỗi cùng quý bạn.

LỊCH - SỬ TRIẾT-LÝ ZEN Ở TRUNG-HOA

Truyền thống là một vấn đề rất được các tôn phái trong Phật giáo chú trọng. Trong đó, phái Zen lại càng đặc biệt chú trọng đến vấn đề truyền thống hơn nữa. Một lẽ rất giản dị, vì phái Zen không quan niệm kinh điển là những đối tượng siêu việt phải tôn thờ lễ bái, và cũng không như các tôn phái khác, chuyên môn đọc tụng một bộ kinh nào cả. Người tu Thiền đọc tụng tất cả kinh điển, nhưng không trú trước thiên chấp vào một bộ kinh nào. Câu « Ưng vô sở trú nhi sanh kỳ tâm » trong kinh Kim Cang là chỉ cho ý này.

Phái Zen đã không lấy kinh điển làm đối tượng để truyền thừa đọc tụng thì phải áp dụng theo phương pháp nào để từ đời này qua đời khác, vị Tổ này qua vị Tổ kia được liên tục kế thừa với nhau?

Để giải thích vấn đề này, trước hết chúng ta cần nhớ rằng : Phương pháp truyền thừa của phái Zen không phải hoàn toàn dựa trên những vật hữu hình, như Thầy dùng Ca sa, bình bát để trao lại cho những vị Đề tử đắc đạo chẳng hạn. Ngoài những vật hữu hình ấy, phái Zen còn có thể « dùng tâm để ấn tâm » qua phương pháp « bất lập văn tự, giáo ngoại biệt truyền » được nữa. Đây là phương pháp « Tâm truyền » của Triết học Zen.

Phương pháp « Tâm truyền » này được áp dụng trực tiếp giữa Thầy và Trò, giữa Sư và Đề. Ví dụ : có một vị Đề tử đến cầu đạo, vị Bổn sư liền trực tiếp truyền trao tâm ấn cho họ ; vị Đề tử ấy sau khi lãnh thọ tâm ấn xong, nguyện tinh cần tu tập, kế tục truyền thừa cho nhau đến vô cùng. Câu chuyện « Niêm hoa vi

LỊCH-SỬ TRIẾT-LÝ ZEN Ở TRUNG-HOA

tiểu » (1) giữa đức Phật Thích Ca và Ngài Ca Diếp (Mahakasyapa) là chỉ cho phương pháp « Tâm truyền » này, và cũng chỉ cho tinh thần truyền thống bất diệt của Triết học Zen.

Dựa vào lịch-sử Phật - Giáo chúng ta thấy : Zen là một phương - pháp tu-tập được truyền-thừa từ đức Phật Thích-Ca đến 28 vị Tổ-sư ở Ấn-Độ và 6 vị Tổ-sư ở Trung-Hoa (2) ; cũng là một phương pháp được kế thừa từ 7 đời các đức Phật ở thời quá-khứ đến thời đức Phật Thích-Ca hiện-tại (3). Như thế sự truyền-thừa của Zen là được kế nghiệp truyền-thừa từ quá-khứ đến hiện-tại và từ hiện-tại đến vị-lai. Đó là vấn-đề truyền-thống của Phật Giáo, và cũng là của triết-học Zen.

Qua sự kế nghiệp truyền thừa ấy, Zen của đức Phật Thích Ca được truyền xuống cho 28 vị Tổ sư ở Ấn-Độ, và vị Tổ sau cùng trong 28 vị Tổ sư này là Ngài Bồ Đề Đạt Ma (Bodhidharma). Ngài Bồ Đề Đạt Ma đem Zen truyền đến Trung-Hoa vào khoảng đời Tùy và đời Đường ; rồi từ đó dần dần truyền xuống cho 5 vị Tổ sư khác ở Trung - Hoa, và lần lượt tổ chức thành một phái Zen biệt lập với các tôn phái khác trong Phật giáo Trung-Hoa.

Cũng nên nhớ rằng : Phật giáo khi còn ở Ấn-Độ, Zen tức là tất cả. Zen ở thời ấy đặt trọng điểm vào vấn đề tu chứng và truyền thống. Nghĩa là chỉ truyền thừa bằng cách « Phật Phật thọ ký, Sư sư tương thừa » mà thôi, chứ không có khuynh hướng phân chia và tổ chức thành một tôn phái riêng biệt như ở Trung-Hoa. Khi còn ở Ấn-Độ, trong hệ thống Triết-học Zen có sản xuất ra rất nhiều vị Tổ sư danh tiếng, như các Ngài Vasumitra (Ba-

Tu-Mật-Đa), Parsva (Hiếp-Tôn-giả) Asvaghosa (Mã-Minh Đại-Sĩ), Nagarjuna (Long-Thọ Đại-Sĩ) Vasubandhu (Thế-Thân Bồ-Tát) v.v.

Nhưng có điều chúng ta cũng cần để ý là : Zen với sự truyền thừa của 28 vị Tổ sư ở Ấn-Độ, cũng không phải hoàn toàn dựa vào nguyên tắc « Sư Đệ trực tiếp truyền thọ » cho nhau. Sự truyền thọ ở lúc này, có nhiều khi không căn cứ vào tính cách lịch sử, nhưng lại đặt trọng điểm vào vấn đề tôn giáo, tức là sự tu chứng. Từ nơi căn bản của sự tu chứng ấy, 28 vị

(1) « Niêm hoa » là đưa cành hoa lên. « Vi tiểu » là mỉm miệng cười. Trong các kinh sách của phái Zen thường có ghi chép lại câu chuyện như sau : « Một hôm đức Phật ở núi Linh-Thứu Ngài giảng pháp thuyết pháp. Nhưng khi lên đến pháp tòa, Ngài im lặng không nói gì cả, chỉ cầm cành hoa đưa lên mà thôi. Chúng hội không ai hiểu gì cả. Trong khi ấy thì Ngài Ca-Diếp mỉm miệng cười tỏ ý hiểu ngộ. Nhân đó đức Phật dạy : « Chỗ chứng ngộ của ta rất thù thắng vi diệu, không thể dùng ngôn ngữ văn tự mà thuyết minh được. Ngày nay Ca Diếp đã lãnh hội được đạo lý thù thắng vi diệu ấy ». Câu « Niêm hoa vi tiểu » là diễn tả sự tích này.

(2) Xem bản « Phụ-khao các vị Tổ-sư của phái Zen ở Ấn-Độ và Trung-Hoa » trong bộ « TRIẾT HỌC ZEN » (tập I) của tác-giả. Hiện đang in.

(3) « Bảy đời các đức Phật ở thời quá-khứ » là chỉ cho « Quá khứ Thất-Phật » trong các kinh-diễn của Phật-Giáo. Quá-khứ Thất-Phật là : 1) Tỳ-Bà-Thi Phật (Vipasyin), 2) Thi-khí Phật (Sikhin), 3) Tỳ-Xá-Phù Phật (Visvabhu), 4) Câu-Lưu-Tôn Phật (Krakucchanda), 5) Câu-Na-Hàm-Mưu-Ni Phật (Kanakamuni), 6) Ca-Diếp Phật (Kasyapa), 7) Thích - Ca - Mưu - Ni Phật (Sakyamuni). Theo giáo-lý của đạo Phật thì trong bảy đời các đức Phật này, ba đức Phật trước là thuộc về Quá-khứ Trang-nghiêm kiếp ; còn bốn đức Phật sau là thuộc về Hiện-tại Hiền kiếp.

Tổ sư liên tục kế thừa với nhau, tạo thành một nguồn sống giác ngộ, truyền thừa từ đời này qua kiếp khác, tiếp nối vô tận. Cũng như nhiều giọt nước liên tục chuyển biến với nhau kết thành một dòng sông không bao giờ khô cạn vậy.

Trong bài «Lịch-sử Triết-lý Zen ở Ấn-Độ» trên chúng ta đã thấy: Sở dĩ đức Phật Thích-Ca được thành đạo chứng quả là vì Ngài đã tinh tọa tư duy, thâm nhập Thuyền định ở dưới gốc cây Bồ-Đề. Ngài đã thành đạo nhờ phương pháp Tọa thiền, vì thế sau khi thành đạo kể cả những lúc thuyết pháp độ sanh, không những luôn luôn Ngài ở trong đại định, mà còn khuyên các hàng Phật-tử phải tinh tấn tu tập Thuyền định, tinh tọa để tư duy chân lý nữa. Chính vì thế nên ta có thể nói: Tọa thiền là phương pháp duy nhất của Phật-giáo. Phật-giáo tức là Zen, Zen tức là Phật-giáo, không thể tách riêng ra được.

Tuy thế, khi Zen truyền nhập vào Trung Hoa, vì để hợp với nhu cầu, dân-tộc-tánh và khuynh hướng văn hóa của xứ này, Zen lần lượt được tổ chức thành một tôn phái. Người xướng đạo nên công việc này là Ngài Bồ-Đề Đạt-Ma, vì thế ngài được xem là Sơ-tổ của phái Zen. Ngài Bồ-Đề Đạt-Ma nguyên là người của xứ

Thiên-Trúc, thuộc về Nam Ấn-Độ. Ngài đã đơn thân độc ảnh, trải qua bao nhiêu gian khổ, vượt qua bao nhiêu rừng núi và sông biển, mang Zen truyền đến cho Trung-Hoa.

Theo lịch sử thì Ngài Bồ-Đề Đạt-Ma đến đất Quảng-Đông vào khoảng năm 527 Dương-lịch (có thuyết nói là 520). Về

sau Ngài đi lần về hướng Bắc, đến tỉnh Lạc - Dương (Lo - Yang), tu tập Thuyền định ở chùa Thiếu-Lâm (Shao-Lin), tại núi Tung-sơn (Sung). Theo truyền thuyết thì Ngài an trú tu thiền ở đây đến 9 năm, và tu theo phương pháp «Diện-bích» (Wall gazing), tức là «Diện-bích Thuyền quán» (quay mặt vào vách để Tọa thiền, tư duy quán sát).



Bồ Đề Đạt Ma

Giáo lý căn bản của Ngài là phương pháp «Nhị nhập» và «Tứ hạnh» (4). Giáo lý này thuyết minh rằng: Tâm tánh của chúng sanh bốn lai là thanh tịnh, và muốn thể nhập vào thể tánh thanh tịnh này thì cần phải thực hành theo phương pháp Nhị nhập và Tứ hạnh. Giáo lý và phương pháp này Ngài Bồ-Đề Đạt-Ma

(4) «Nhị nhập» là Lý nhập và Sự nhập. «Tứ hạnh» là Báo oán hạnh, Tùy duyên hạnh, Vô-sở-cầu hạnh và Xưng pháp hạnh. Muốn rõ hơn xin đón xem bộ TRIẾT-HỌC ZEN (tập I) của tác giả sẽ xuất bản gần đây.

LỊCH-SỬ TRIẾT-LÝ ZEN Ở TRUNG-HOA

đã truyền dạy lại cho Ngài Huệ khả (Hui-Ko, — 593), Đệ-nhị tổ, và Ngài Tăng-Xán (Seng-Ts'an — 606), Đệ tam tổ của phái Zen ở Trung-Hoa.

Các vị Tổ sư của phái Zen ở thời ấy phần nhiều đều sống theo hạnh Đầu-đà, thanh bần thủ đạo, chỉ một bình bát, ba chiếc áo Ca-sa là đủ; không kiến lập tự-viện tăng xá, và cũng không ngụ một chỗ trải qua hai đêm. Vì thế phái Zen ở giai đoạn từ Sơ-tổ Bồ-Đề Đạt-Ma, đến Nhị-tổ Huệ khả, Tam tổ Tăng Xán thường có một phong vị lãng du di chuyển, không thường trú định cư một chỗ, và do đó, ảnh hưởng của Zen đối với đại đa số quần chúng Trung-Hoa cũng chẳng có bao nhiêu.

Nhưng đến thời Ngài Đạo-Tín (Tao-Hsin, 580—651), Đệ tứ tổ, và Ngài Hoàng Nhãn (Hung-Jen, 601-674), Đệ ngũ tổ thì Zen dần dần chuyển đổi qua một phong vị và sắc thái mới. Hai Ngài Đạo Tín và Hoàng Nhãn đã an trú tu tập ở núi Song-Phong (có khi cũng gọi là núi Phá Đầu) ở huyện Hoàng-Mai, tỉnh Hồ Bắc đến 60 năm, và đã có trên 500 vị đồ chúng đệ tử luôn luôn theo hầu học đạo. Từ nơi khuynh hướng định cư và thâm nhập đồ chúng đông đúc như thế, dần dần Zen được tổ chức thành một tôn phái độc lập theo với tinh thần của Phật-giáo Trung-Hoa.

Sau thời Ngài Ngũ-tổ Hoàng-Nhãn, tư-tưởng và hệ-thống truyền-bá của phái Zen mỗi ngày mỗi được bành-trướng lan-rộng trên toàn lãnh-thổ Trung-Hoa. Đồng thời với sự bành-trướng lan rộng này, tư-tưởng Zen dần dần chia thành 2 hệ-thống là Nam-tôn và Bắc-tôn. Nam-tôn là phái chủ-trương Đốn-ngộ (abrupt

enlightenment), Bắc-tôn thì chủ-trương Tiệm-chứng (gradual enlightenment).

Người sáng-lập của phái Zen Nam-tôn là Ngài Huệ-Năng (Hui-Neng, 638-713), vị Tổ-sư thứ sáu của phái Zen ở Trung-Hoa. Triết-lý căn-bản của Ngài là « bất lập văn-tự, Giáo ngoại biệt-truyền ». Vì chủ-trương như thế nên Ngài phủ-nhận giá-trị của ngôn-ngữ văn-tự, kể cả những trí-thức tư-tưởng được diễn-đạt bởi ngôn-ngữ văn-tự ấy. Ngài thường dạy cho các hàng Đệ-tử rằng: Phái sống đúng với chân-tinh-thần của Phật-giáo; mỗi người phải cố-gắng để trực-nhận và thể-nhập vào tự-tánh thanh-tịnh-tâm của mình. Tự-tánh thanh-tịnh-tâm ấy là Phật-tánh, là khả-năng thành Phật của mỗi người (5).

Theo Ngài Huệ-Năng thì Phật-tánh của mọi loài chúng sanh xưa nay vẫn là thanh tịnh trong sáng không bao giờ bị phiền-não nhiễm ô làm vẩn đục cả. Và cũng vì thế nên trong Tu đã có Ngộ, trong Thuyền định đã có Trí-huệ, nhân quả đồng-thời với nhau. Đây chính là ý-nghĩa của chữ « Đốn-ngộ » (immediate enlightenment, hoặc

(5) Theo tôi, trong khi Phật-giáo, nhất là phái Zen chủ-trương: « Tất cả chúng sanh đều có Phật-tánh » (Nhất thể chúng sanh giai hữu Phật-tánh) và « Tất cả chúng sanh đều có trí-huệ đức-tướng của Như-lai » (Nhất thể chúng-sanh, cụ hữu Như lai trí-huệ đức-tướng), nghĩa là đều có khả-năng thành Phật; như thế tức là phái Zen đã khuyên mọi người hãy hướng về tự kỷ đề tự-lực giải-thoát. Vậy thì phải nói: phái Zen nâng cao địa-vị con người, đề-cao nhân-bản mới đúng, chứ tại sao lại có thể nói: « Đạo Phật Zen chống thuyết nhân-bản. Đạo Phật Zen chống nhướng giá-trị »? Và vì sao lại có thể đưa đến kết-luận « Đạo Phật Zen chẳng có ý nghĩa gì cả »? như một nhà văn kia ở Việt-Nam, trong khi các giới học-giã hữu-danh thế-giới, nhất là ở Âu-Mỹ, người ta đang say-xưa nghiên-cứu tìm hiểu, và đang cố-gắng thực-hành theo Zen?



Hình ảnh ngài Lục Tổ Huệ-Năng (Hui Neng) trong khi hành đạo « Vạn Thủy băng sai »

(Ảnh của họa sĩ Liang K'ai vào khoảng đầu thế kỷ thứ 13)

lu-mờ đi. Cho nên sự tu-tập thuyền-định không có nghĩa là lau chùi các thứ mê-vọng, nhiễm-ô, dục-tình ấy ; trái lại, chính trong khi Thuyền-định tức là giác-ngộ, và trong giác-ngộ tức đã có Thuyền-định.

Để hiểu rõ chủ-trương và triết-lý Zen của Ngài Lục-tổ Huệ-năng như thế nào chúng tôi xin trích-dẫn ra đây một bài kệ, của Ngài để làm bằng-chứng. Bài kệ ấy nguyên văn bằng chữ Hán như sau :

Dịch-âm :

*Bồ-đề bốn vô thọ,
Minh-cảnh diệc phi đài,
Bốn-lai vô nhất vật,
Hà xức nhạ trần ai ?*

Anh-dịch :

*The Bodhi is not like the tree ;
The irror bright is nowhere shining :
As there is nothing from the first.
Where can the dust itself collect ?*

Việt-dịch :

*Bồ-đề vốn không cây,
Gương sáng đâu có đài,
Bốn lai không một vật,
Lấy gì nhiễm trần-ai ?*

Đó là nói về Zen Nam-Tôn, còn Zen Bắc-Tôn thì lại có một chủ-trương khác hẳn. Trước hết cần hiểu qua về thân-thể và sự-nghiệp của Ngài Thần-Tú (Shen-hsiu, 606-706), người đã sáng-lập lên phái Zen Bắc-Tôn. Ngài Thần-Tú là một người học-rộng tài-cao, lại cũng rất tinh-tấn tu-hành. Ngài đã theo hầu học đạo với Ngài Ngũ-tổ Hoàng-Nhẫn trên 15

là abrupt enlightenment). Mà thật thế, trong Phật-tánh không bao giờ có các thứ mê-vọng, nhiễm-ô, dục-tình, cũng như trong một viên ngọc sáng không bao giờ bị các thứ bụi-bặm bám-viu bên ngoài làm

LỊCH-SỬ TRIẾT-LÝ ZEN Ở TRUNG-HOA

năm, về sau được Thầy ấn-khả chỗ sở-tu sở-ngộ cho Ngài. Sau khi từ-tạ Thầy ra đi, vì có rất nhiều người hâm-mộ tài-đức của Ngài, nên họ đã phát-nguyện theo học với Ngài. Về sau, Ngài đã trở thành vị Pháp-chủ của phái Zen ở 2 thành phố lớn của Trung-Hoa là Trường-An và Lạc-Dương, và cũng đã được 3 đời Vua là Võ Hậu, Trung-Tôn và Duệ-Tôn của đời Đường mời làm Quốc-sư.

Ngài Thần-Tú cũng thừa-nhận thuyết-lý : mọi loài chúng sanh đều có Phật-tánh. Nhưng theo Ngài thì chúng-sanh đã lâu đời bị các thứ mê-vọng, dục-tính, phiền-não làm nhiễm-ô Phật-tánh ấy đi ; ngày nay nếu muốn Phật-tánh được hiển-hiện, nghĩa là được chứng-quả giải-thoát giác-ngộ thì cần phải tinh-cần tu-tập để đoạn-trừ dần dần những thứ mê-vọng, dục-tính, phiền-não ấy đi mới được. Cũng vì chủ-trương như thế, nên Zen của Ngài Thần-Tú, tức là Zen Bắc-Tôn được xem là Zen « Thật-tu tiệm-ngộ » (practical training and gradual enlightenment).

Để hiểu rõ chủ-trương và tư-tưởng Zen của Ngài Thần-Tú như thế nào, sau đây chúng tôi xin trích-dẫn một bài kệ của Ngài làm điển-hình. Bài kệ ấy nguyên-văn bằng chữ Hán như sau :

Dịch-âm :

*Thân thị bồ-đề thọ,
Tâm như minh-cảnh đài,
Thời thời cần phát thức,
Mạc sừ nhạ trần-ai.*

Anh-dịch :

*This body is the Bodhi-tree ;
The soul is like a mirror bright :*

*Take heed to keep it always clean,
And let not dust collect on it.*

Việt-dịch :

*Thân là cây Bồ-đề,
Tâm như đài gương sáng,
Ngày đêm thường lau sạch,
Đừng để nhiễm trần ai.*

Trong hai phái Zen Nam-Tôn và Bắc-Tôn này, hiện-tại ở Trung-Hoa, Việt-Nam, cũng như Nhật-Bản hầu hết đều thật-hành theo phương-pháp của phái Zen Nam-Tôn. Vì Zen Nam-Tôn được truyền-thừa từ Ngài Lục-tổ Huệ-Năng, một phái Zen được xem là chính-thống đúng với tinh-thần truyền-thống : « Phật Phật thọ-ký, Sư sư tương-thừa » vậy.

Đến đây cũng nên nhớ thêm rằng : ở đời vị Tổ-sư thứ tư của phái Zen ở Trung-Hoa, tức là Ngài Đạo-Tín, Ngài có độ cho một vị đệ tử là Ngài Pháp-Dung (Fa-Yung, 594-657). Về sau, Ngài Pháp-Dung có thành-lập lên một phái Zen, gọi là Ngưu-Đầu Thuyền (Niu T'ou Zen). Phái này đặc-biệt chú-trọng đến phương-diện thật-tu thật-chứng, và cũng đã được thanh-hành ở Trung-Hoa một thời gian rất dài.

Dựa vào lịch sử của phái Zen ở Trung-Hoa chúng ta thấy : Nếu phái Zen đặt quan niệm triết lý trên căn bản : « Tâm là Phật », « Bình thường tâm tức là Đạo » thì trên phương diện thật hành, Zen cũng tùy theo kinh nghiệm tu chứng và phương pháp truyền thừa của các vị Tổ sư sáng lập, mỗi phái đều có một hình thức tổ chức và phương pháp truyền dạy khác nhau. Đây là lý do làm cho Zen ngoài

những giáo phái đã có như Nam - Tôn, Bắc-Tôn, Ngưu - Đầu Thuyền v.v..., ở khoảng cuối đời Đường lại có thành lập lên 5 giáo phái khác nhau nữa.

Năm giáo phái ấy là Lâm-Tế, Quy-Ngưong, Tào-Động, Vân-Môn và Pháp Nhãn. Hai phái Lâm-Tế và Quy-Ngưong là phát xuất từ hệ thống tư tưởng của Ngài Nam - Nhạc Hoài - Nhượng (Nan-Yueh Huai-Jang, 677-744). Còn 3 phái Tào-Động, Vân-Môn và Pháp - Nhãn là phát xuất từ hệ thống tư tưởng của Ngài Thanh - Nguyên Hành-Tư (Ching-Yuan Hsing-Ssu, — 740). Cả hai Ngài Nam-Nhạc Hoài-Nhượng và Thanh - Nguyên Hành-Tư đều là đệ tử của Ngài Lục-Tổ Huệ-Năng, vì thế 5 phái Zen này đều thuộc về hệ thống của Zen Nam-Tôn.

Về lịch sử thành lập, hệ thống truyền thừa và giáo lý căn bản của 5 phái Zen này như thế nào, chúng tôi có đề cập rõ trong bộ TRIẾT-HỌC ZEN (tập II) sẽ được xuất bản gần đây. Tuy nhiên, để toát yếu lại tinh thần và đặc - trưng của mỗi phái, ở đây chúng tôi xin mượn bài kệ 5 câu của Ngài Thiên-Mục Cao-Phong nói về 5 phái Zen ấy để dẫn chứng và giải thích. Bài kệ ấy nguyên văn bằng chữ Hán như sau :

*Lâm-Tế thông khoái,
Quy-Ngưong cần-nghiêm,
Tào-Động tế-mật,
Vân-Môn kỳ cổ,
Pháp Nhãn tường minh*

Bác sĩ Reiho Masunaga, Giáo sư Viện Đại học Komazawa, một Viện Đại-học thuộc về phái Zen ở Nhật có dịch lại bài kệ này thành Anh văn như sau :

*The joy of Lin-Chi,
The severity of Wei Yang,
The thoroughness of Ts'ao Tung,
The classicism of Yun-Men
The clarity of Fa-Yen.*

Ý nghĩa của bài kệ trên đại khái như sau : Lâm-Tế là tôn chú trọng ở phần hoạt khí, linh động và tự do tu chứng ; Quy-ngưong là tôn dùng phương pháp vấn đáp tế nhị để truyền thừa giao cảm với nhau giữa Sư và Đệ ; Tào Động là tôn chủ trương dung hội giữa tu và chứng, đặc biệt chú trọng ở phần vi tế tinh mật ; Vân-Môn là tôn thường dùng những cách thức cầu kỳ siêu thực để chặn đứng những ý thức hỗn tạp, phiền não và nhiễu động của người cầu đạo ; và Pháp Nhãn là tôn chủ trương đoạn trừ những nghi ngờ ngộ nhận của người cầu đạo, bằng cách thuyết minh dẫn chứng rõ ràng các giáo nghĩa của các tôn phái và học phái khác, nhất là giáo-nghĩa của Hoa-Nghiêm-Tôn.

Trở về với lịch sử triết lý Zen ở Trung-Hoa chúng ta thấy : Lúc Ngài Lục-tổ Huệ-Năng còn tại thế, Ngài độ cho rất nhiều đệ tử, trong đó có 50 vị danh tiếng luôn luôn thân cận, thường xuyên học hỏi với Ngài. Trong 50 vị đệ tử này, có Ngài Nam Nhạc Hoài Nhượng và Thanh Nguyên Hành Tư (2 vị đã thành lập lên 5 giáo phái : Lâm-Tế, Quy-ngưong, Tào-Động, Vân-Môn, Pháp Nhãn trên) là những vị được liệt vào hàng ưu tú bậc nhất. Về sau, trong pháp hệ của Ngài Nam-Nhạc Hoài-Nhượng lại có phát-xuất một vị Thuyền-sư rất danh tiếng, đó là Ngài Bách-Trượng Hoài-Hải Pa-Chang Huai Hai, 749-814).

LỊCH-SỬ TRIỆT-LÝ ZEN Ở TRUNG-HOÀ

Ngài Bách-Trượng Hoài-Hải là người đầu tiên đã chủ trương kiến lập Thuyền-viện để chúng-tăng an trú mà tu tập Thuyền-định; Ngài cũng đã dựa vào thực-tế và dựa vào đời sống tập-thể của một Đại-tòng-lâm, một Thuyền-đường có chúng-tăng tu-học đông-đúc, nên ngoài những giới-luật của Phật-chế, Ngài còn chế-tạo ra những kỷ-luật, quy-tắc và phương-pháp hành-trì riêng-biệt nữa. Về sau tùy-thời, tùy-chỗ và tùy theo kinh-nghiệm trên cuộc sống, những kỷ-luật, quy-tắc và phương-pháp hành-trì này mỗi ngày một tăng thêm, rồi dần dần góp lại thành tập, gọi là « Thuyền-môn Thanh-quy » hoặc là « Bách-trượng Thanh-quy ».

Từ đó, « Bách-trượng Thanh-quy » trở thành một bộ luật ghi chép đầy đủ các chi-tiết, các giới-điều, các quy-tắc sinh-hoạt của chúng-tăng trong Thuyền-viện, và bắt buộc toàn thể những người phát-tâm tu-học theo phái Zen phải áp dụng thật hành theo. Dựa vào các điều khoản trong bộ « Bách-trượng Thanh-quy » này, chúng ta thấy có nhiều pha-trộn bởi những tính-chất giới-luật của Ấn-Độ (Indian Vinaya) và lễ-nghi hành-giáo của Trung-Hoa (Chinese Etiquette). Có thể xem bộ « Bách-Trượng Thanh-quy » là một tổ-hợp bởi tinh-thần và khuynh-hướng văn-hóa của hai xứ Ấn-Độ và Trung-Hoa; và cũng có thể xem là một bộ luật bổ-túc thêm cho Đại- thừa-giới, hoàn-toàn chú-trọng về phương-diện thực-tế và thực-nghiệm.

Ở đây chúng ta cũng nên nhớ thêm rằng: Trong 5 phái Zen là Lâm-Tế, Quy-Ngưong, Tào-Động, Vân-Môn và Pháp-Nhân trên, hiện-tại ở Trung-Hoa, Việt-

Nam, nhất là Nhật - Bản, chỉ có hai phái Zen Lâm-Tế và Tào-Động là thanh-hành hơn cả. Riêng về ở Nhật-Bản, những người tu-tập theo phái Zen Tào-Động thường thật-hành theo phương-pháp « Mặc-tướng Thuyền » (Silent-illumination Zen); trong khi ấy thì những người tu-tập theo phái Zen Lâm-Tế, phần nhiều đều thật-hành theo phương-pháp « Công-Án Thuyền » (Kanna Zen).

Theo phái Zen Tào-Động thì trong khi ngồi kiết-già phu-tọa, lắng-đứng tâm-hồn, trầm-tư mặc-tướng, tức ngay trong lúc đó là ở trong trạng-thái giác-ngộ chân-lý, thể nhập vào Phật-tánh rồi. Vì lẽ Phật-tánh là sẵn có trong tâm ta, ở ngay trước mặt ta, bâng-bạc khắp tất cả mọi chỗ, chứ không phải đi tìm kiếm đâu xa cả. Tuy-nhiên, nếu áp-dụng sai-lầm, thật-hành Zen không đúng phép thì rất dễ biến con người thành những cây khô, đá cứng, không còn là con người có tâm-tư, có trí-giác nữa! Nguy-hại của sự sai-lầm là ở đó. Bởi lẽ ấy nên phái Zen Tào-Động rất chú-trọng đến sự biến-diện của các vị Thuyền - Sư kinh-nghiệm để kính-giác dạy vẽ cho kẻ hành-giả trong khi tu Thuyền.

Còn phái Zen Lâm-Tế thì trong khi tu Thuyền thường áp-dụng theo phương-pháp Công-án. Công-án là những cách-thức tu-hành, những đề-án quán-tướng và suy-luận của các vị Thuyền-tổ để lại bắt-buộc mọi hành-giả phải thật-hành theo; cũng như những luật-pháp của quốc-gia là bắt-buộc mọi người dân phải tuân-hành theo vậy. Hình-thức của Công-án có dài có ngắn không nhất-định. Nội-dung của Công-án là gồm các ngôn-ngữ, tư-tưởng, hành-động của các vị Thuyền - tổ; cũng bao

gồm cả các giai-thoại thuyền-ngũ diễn-đạt chân lý và chỗ chứng ngộ của các vị Thuyền tổ ấy. Đôi khi Công-án cũng là những bài kinh rút ngắn lại, những châm ngôn, những giáo điều của Phật dạy ra.

Phương pháp thật hành Công-án là vị Thuyền sư cung cấp những tài liệu, những thoại đầu, hay những lời Phật dạy cho kẻ hành giả; rồi hành giả nương theo đó mà quán sát tu hành, tư duy mặc tưởng, hầu mong đi sâu vào trạng thái thanh tịnh của cảnh giới Zen. Cứ như thế từ Công-án này rồi đến Công-án khác, lần lượt quán sát tư duy, tìm hiểu chân lý của các Công-án đó, cho đến khi nào trạng thái giác ngộ vụt hiện trong trí óc tâm tư mình thì mục đích Zen được thực hiện.

Đứng trên phương diện lịch sử cũng như dựa vào thực tế chúng ta thấy: 2 phái Zen Tào Động và Lâm-Tế này rất được thanh hành phổ biến ở các quốc gia Á-Châu như Trung-Hoa, Việt-Nam, Nhật-Bản v.v. Riêng ở nước Trung-Hoa thì thời kỳ cực thịnh của phái Zen, nói chung, của phái Tào-Động và Lâm-Tế, nói riêng, là ở vào khoảng hậu kỳ của đời Đường (618-907). Nhưng từ đời Tống (960-1127, nếu kể cả Nam-Tống thì đến năm 1279) trở đi, vì phái Zen mỗi ngày một pha trộn dung hòa với giáo lý của các tôn phái khác, làm cho tính chất thuần túy nguyên thủy của mình dần dần phai nhạt đi, từ đó ở Trung-Hoa phái Zen không còn được thanh hành bành trướng như trước nữa.

Đối với sự kiện này các sử-gia Nhật-Bản thường đưa ra 2 lý do như sau: 1) Vì phái Zen lúc ấy đã dung thông hỗn hợp với tư tưởng của Tịnh-Độ-Tôn và các tôn phái khác trong Phật-giáo, nên dần dần mất tính-chất thuần túy và ảnh hưởng sâu đậm của mình đối với đại-đa-số quần chúng ở Trung-Hoa. 2) Vì phái Zen đã theo với khuynh-hướng thời đại của Phật giáo Trung-Hoa, tức là theo với chủ-trương dung-hòa liên-hiệp giữa 3 nguồn tư-tưởng của 3 tôn giáo lớn ở Trung-Hoa là Phật giáo, Khổng-giáo và Lão-giáo (Tam giáo hòa hợp), nên phái Zen không được thanh hành như ở đời Đường nữa.

Vấn đề Zen có được thanh hành ở Trung-Hoa từ đời Tống trở đi không, và cận-đại như thế nào, đó là một đề đã được lịch-sử và thực tế chứng minh. Nhưng dù sao ở đây chúng ta cũng phải thừa nhận rằng: Zen với lịch sử truyền thống và tư-tưởng cao sâu của nó, đã ăn sâu gốc rễ vào trong tâm-hồn quần chúng, trong đời sống và văn-hóa của dân tộc Trung-Hoa. Chính từ nơi gốc Zen Trung-Hoa này đã lần lượt truyền đến các nước lân cận như Việt-Nam, Triều-Tiên, Nhật-Bản, và gần đây lại từ Nhật-Bản truyền đến cho các nước Âu-Mỹ nữa là khác.

ĐOÀN-VĂN-AN

Kỳ tiếp: *Lịch sử triết-lý Zen ở Nhật-Bản.*

✱ Một đề quốc dụng bằng súng đạn cần được giữ gìn bằng đạn súng.

Montesquieu

VIỆT-NAM CÔNG-THƯƠNG NGÂN-HÀNG

(BANQUE COMMERCIALE & INDUSTRIELLE du VIET-NAM)

Số vốn : V.N. \$ 50.000.000

TỔNG CUỘC SAIGON :

93 - 95, Đại - lộ Hàm - Nghi

Điện thoại : 21.558 - 21.559

Điện tín : VIETNAMBANK

CHI NHÁNH :

- SAIGON, 209-213 đại-lộ Trần-Hưng-Đạo
 - ĐÀ-NẰNG (Tourane), 59 đường Độc-Lập
-

ĐAM-NHIỆM tất cả **NGHIỆP-VỤ NGÂN-HÀNG**

— **CÓ ĐẠI-DIỆN KHÁP HOÀN-CẦU** —



MILOVAN
DJILAS

LAI - SINH
lược dịch

ĐÀM THOẠI VỚI STALINE

(xem tiếp B.K. từ số 158)

Tôi còn được hội kiến với Staline một lần nữa và lần này nhiều ý nghĩa và lý thú hơn lần trước. Tôi nhớ rất rõ về thời gian lần gặp gỡ thứ hai : đó là ngày trước ngày Đồng-Minh đổ bộ ở Normandie.

Lần này cũng như lần kia, tôi không được cho biết trước. Người ta chỉ báo cho tôi hay rằng có người đợi tôi trong điện Cẩm Linh và đến 9 giờ tôi thì có xe đến đón tôi đưa đi. Trong phái đoàn Nam Tư, không một ai biết tôi đến đâu cả.

Người ta đưa tôi vào tòa lâu đài mà trước đây Staline đã tiếp chúng tôi nhưng lần này tôi được đưa đi theo một con đường khác, qua những bàn giấy khác. Tôi bước vào đúng

lúc Molotov sửa soạn đi. Trong lúc choàng áo và đội nón, ông cho tôi hay rằng ông và tôi đến dùng cơm tối nơi nhà Staline.

Molotov không phải là người hay nói chuyện. Khi ông ta ở trước mặt Staline và nếu ông vui, nếu ông được mọi người tán thành ý kiến thì sự giao-tiếp với ông dễ dàng thẳng-thắn. Trong các trường-hợp khác, Molotov giữ vẻ thản-nhiên, lạnh-lùng, dù là nói chuyện riêng với ai. Tuy nhiên khi cùng tôi ra xe để đến nhà Staline, Molotov hỏi tôi còn biết nói tiếng gì ngoài tiếng Nga. Tôi trả lời biết tiếng Pháp. Rồi chúng tôi nói chuyện về sức mạnh và sự tổ chức của Đảng Cộng sản Nam Tư. Tôi lưu ý ông ta rằng

lúc chiến tranh bùng nổ, Đảng Cộng sản Nam Tư còn bất hợp pháp và tương đối ít đảng viên nhưng được tổ-chức rất hoàn bị. Tôi tiếp:

— Cũng như Đảng Bôn-sơ-vít trong thời-kỳ đại-chiến thế giới lần thứ nhất.

Molotov trả lời :

— Hoàn toàn sai ! Khi phát khởi đại chiến thế giới lần thứ nhất thì Đảng chúng tôi hết sức yếu, hoàn toàn tan rã tổ chức, phân tán khắp nơi và số Đảng viên thì rất là ít ỏi...

Ông tiếp :

— ...tôi còn nhớ hoàn-cảnh của tôi khi tôi được phái đi công-tác Đảng, với một cái tên khác, từ Pétrograd đến Mạc-Tư-Khoa, hồi đầu chiến tranh. Lúc đó, tôi chẳng có lấy một chỗ để nghỉ đêm và tôi đành liêu đên ăn tròn tại nhà chị của Lénine, tên Maria Hyinichna, nếu như tôi nhớ không lầm...

Trong khi Molotov và tôi nói chuyện thì xe phóng vùn vụt, có lẽ với tốc độ 110 cây số một giờ...

Tầm kiềng xe bên mặt bị vỡ nên gió lọt vào làm cho tôi khó chịu. Molotov thấy vậy quay kiềng lên, đẩy chỗ kiềng vỡ đi chỗ khác. Và đến lúc ấy tôi mới để ý rằng kiềng xe rất dày và chúng tôi đang ngồi trong một chiếc xe bọc sắt. Tôi thấy hình như đây là một chiếc Packard vì nhớ lại năm 1945, Tito được chính-phủ Nga-Xô tặng một chiếc xe Packard giống gần như hệt chiếc xe này.

Molotov hỏi chuyện tôi về biên-cổ mới xảy ra ở Nam-Tư. Nguyên mười ngày trước đó quân Đức tấn công bất-ngờ vào đại bản-doanh của Quân đội Giải-phóng Nam-Tư ở Drvar, Tito và các phái-bộ quân-sự ngoại-quốc phải chạy vào núi tròn. Các vị lãnh-tự, chỉ-huy phải đi bộ nhiều ngày, cực-khô, kiệt-lực để đến căn-cứ mới. Cuộc kháng-chiến bị thiệt hại nhiều về quân-sự cũng như về chính-trị. Vẫn để tiếp tế được đặt ra cấp thiết. Phái bộ quân-sự Nga báo-cáo tình-hình với Mạc-Tư-Khoa rất tường-tận. Trong lúc đó phái-bộ chúng tôi đang liên-lạc với các nhà quân-sự hữu-trách Nga-Xô, góp với họ ý-kiến về phương sách giúp đỡ cho Quân-đội và bộ tổng Tham mưu Nam-Tư. Phi-Cơ Nga đã bay nhiều chuyến — bay cả về đêm — để thả vũ-khí, đạn-dược và thực-phẩm xuống cho lực-lượng kháng-chiến nhưng không có kết-quả bao nhiêu vì các thùng quân nhu và thực-phẩm rơi tăn lác xuống một vùng rừng-rú mà kháng-chiến quân đã phải rời bỏ.

Molotov hỏi ý-kiến của tôi về tình hình sau khi biên-cổ ấy xảy ra. Ông ta hỏi với một giọng điềm-đạm, không tỏ ra xúc-động chút nào vì tình hình ấy. Ông chỉ muốn biết rõ tình hình của chúng tôi ở Nam-Tư...

Sau khi vượt qua mấy mươi cây số đường trường, xe dừng lại trước một biệt-thự có vẻ khiêm-tôn, ẩn mình dưới rặng tùng. Chúng tôi vừa bước vào hành-lang biệt-thự thì Staline xuất-hiện. Lần này ông ta mặc y-phục giản-dị, áo ngoài gài nút tận cổ, giày

đề thấp. Tôi thấy ông ta có vẻ nhỏ thó hơn lần trước tôi gặp và cũng tự nhiên hơn. Ông đưa chúng tôi vào một văn-phòng trông trải lạ thường không sách vở, không tranh ảnh chỉ có vách gỗ trần. Chúng tôi ngồi chung quanh một bàn nhỏ và ông bắt đầu hỏi ngay về các biên-cờ xảy ra cho bộ tổng tư-lệnh quân-đội Nam-Tur.

Ngay cách Staline đặt các câu hỏi cũng làm nổi bật sự khác nhau giữa ông ta và Molotov. Đối với Molotov không những các ý-tưởng của ông khó hiểu mà quá - trình phát sinh các ý - tưởng của ông cũng khó hiểu. Nói cách khác, người ta không hiểu ông nghĩ gì và vì đâu có những ý-nghĩ ấy. Tâm tư của Molotov thật kín-đáo, khó dò. Staline thì khác hẳn. Ông có một bản - chất đầy sinh - lực, hiểu - động. Luôn luôn ông ta đặt ra những câu hỏi, không những cho người khác mà cho mình, và bản cãi không những với người khác mà với mình. Tôi không có ý nói rằng Molotov không bộc trực dễ dàng và Staline không biết thận trọng hay che giấu ; tôi đã có dịp thấy họ trong những vai trò ấy sau này. Nhưng Molotov gần như bao giờ cũng là một người không đổi thay, luôn luôn lạnh lạt với vấn đề hay với con người liên hệ, trong khi Staline thì thay đổi hoàn toàn nếu ông ta ở vào lãnh vực chân chính của ông ta: lãnh vực chủ-nghĩa Cộng-sản.

Churchill gọi Molotov là một « người máy » tân thời tuyệt hảo. Đúng như thế. Nhưng đây chỉ là một phương

diện hời hợt của nhân vật Molotov. Staline tính toán lạnh lùng cũng không kém Molotov. Staline lại là con người có nhiều mặt, đóng nhiều nhân vật và ở mỗi vai trò ông đều thủ vai một cách tài tình đến nỗi người ta tưởng ông chân thành. Nhưng chính vì Staline có một bản chất sôi nổi hơn, phức tạp hơn — so với Molotov — mà ông ta cởi mở hơn và tỏ ra nhiều khả năng hơn. Người ta có cảm tưởng rằng Molotov nhận thức mọi sự — kể cả chủ nghĩa Cộng-sản và mục đích tối hậu của chủ nghĩa — đều có tánh cách tương đối, đều như những gì mà ông ta buộc phải — hơn là có bốn phận phải phục tùng, gắn liền sỏ phận. Người ta thấy dường như đối với Molotov không có cái gì trường tồn thường trực, chỉ có một thực tại quá độ, tạm thời, mỗi ngày diễn biến nhưng thực tại này, ông tự hiến thân và hiến trọn cuộc đời mình để phụng sự. Đối với Staline, mọi sự cũng đều có tính cách tương đối. Nhưng nơi Staline đây là một quan điểm triết lý. Phía sau tính cách thiếu trường tồn của mọi sự và ngay trong lòng của nó, Staline đi tìm một lý tưởng cao xa, có mục đích, có cứu cánh ; đây là lý tưởng mà Staline theo đuổi bằng cách vận dụng, nhào nặn thực tại và những con người, thành phần của thực tại theo ý hướng của ông ta.

Nghĩ lại vấn đề, tôi thấy hình như hai người ấy, Molotov với thuyết tương đối, với tài giải quyết chau đáo, tỉ mỉ, công việc thường nhật và Staline, với chủ nghĩa giáo điều cuồng nhiệt và đồng thời với nhãn quan xa

rộng và sự kiểm tìm thường xuyên những khả năng hành động mới, tôi thấy hình như hai người ấy bỏ tức cho nhau một cách tuyệt hảo. Molotov mặc dầu không làm được gì nếu không có sự chỉ dẫn của Staline, vẫn cần thiết vô cùng cho Staline về nhiều mặt. Và mặc dầu cả hai đều bắt chấp đạo đức trong phương pháp hành động tôi thấy hình như Staline chọn lựa phương pháp cẩn thận, tùy theo tình thế, trong khi Molotov ngay từ đầu đã xem phương pháp có tính cách tình cờ và không quan trọng. Staline mềm dẻo hơn, sâu sắc hơn, giữ vai trò chính yếu trong sự biến đổi nước Nga lạc hậu thành một cường quốc kỹ nghệ tân tiến. Nhưng ta không nên xem nhẹ vai trò của Molotov, kẻ thừa hành trên bình diện-thực tế...

Trở lại câu chuyện với Staline. Ông ta hỏi tôi nhiều câu khẩn thiết về số phận của bộ tổng tư lệnh quân đội Nam-Tur và các đơn vị tùy tùng. Staline kêu lên sau khi nghe tôi trình bày tình hình :

— Họ sắp chết đói rồi !

Tôi tìm cách cắt nghĩa cho ông ta hiểu vì sao điều đó sẽ không xảy ra

Staline bảo :

— Tại sao không ? Đã bao nhiêu phen rồi người chiến sĩ đã bị cái đói đánh bại ! Sự đói là kẻ thù ghê gớm của bất cứ quân đội nào !

Tôi giải thích :

— Đắt đai ở Nam - Tur đặc biệt ở chỗ bao giờ người ta cũng tìm được

thức ăn. Chúng tôi đã từng ở vào những trường hợp nguy khốn hơn nhưng chúng tôi không chết đói.

Cuối cùng tôi làm cho Staline yên lòng. Ông đề cập đến những khả năng của Nga để cứu trợ cho Nam-Tur. Bây giờ tiền tuyến của Hồng quân còn nằm ở xa Nam-Tur quá cho nên không thể cho khu trục cơ yểm hộ phi cơ vận tải. Trong khi thảo luận về các khó khăn này, Staline đột nhiên nổi giận, lên án các phi công phụ trách những chuyến bay tiếp tế đạn dược và thực phẩm cho bộ tổng tư lệnh quân đội Nam-Tur. Staline la lên :

— Đó là bọn hèn nhát... họ không dám bay ban ngày ! Bọn hèn nhát, trời, bọn hèn nhát !

Molotov, vốn đã được báo cáo khái quát tình hình, bênh vực các phi công :

— Không, không phải hèn nhát đâu. Sự thật giản dị là khu trục cơ của ta không chủ động được đường bay và nếu dùng phi cơ vận tải thì các phi cơ này sẽ bị hạ trước khi tới đích. Ngoài ra khả năng chuyên chở của các phi cơ ấy không thâm vào đâu. Trước hết, các phi cơ ấy phải mang tất cả nhiên liệu cần thiết cho lượt bay về. Đây là lý do duy nhất khiến cho các phi cơ phải bay đêm và chở ít như thế.

Tôi ủng hộ quan điểm của Molotov vì tôi hiểu rằng các phi công Nga đã tình nguyện bay ban ngày, không cần khu trục cơ yểm hộ, để tiếp tế giúp đỡ các chiến hữu Nam-Tur.

Sau đó, Staline nhân mạnh về chỗ Tito cần có một đại bản doanh thiết lập tại một nơi an toàn. Tôi hoàn toàn đồng ý với ông ta. Chắc rằng Staline đã cho phái bộ quân sự Nga ở Nam-Tur biệt ý kiến của ông cho nên phái bộ đã khản khoản can thiệp với Tito. Chính vào thời gian này, Tito chịu qua Ý-Đại-Lợi, từ đây đến đóng đại bản doanh tại đảo Vis, mãi cho đến khi Hồng quân Nga tiến vào Nam-Tur.

... Trong khi nói chuyện qua cuộc tấn công của quân Đức, Staline tỏ vẻ phân khởi vì sự lạc quan của tôi về triển vọng tình hình quân Đức nhất định thất bại nên ông ta đề cập đến vấn đề giao thiệp giữa chúng tôi và Đồng minh, chủ yếu là Anh quốc, lý do chính của cuộc hội đàm lần thứ hai này.

Nói tổng quát, Staline ban đầu khuyên chúng tôi không nên làm cho người Anh « sợ hãi ». Ông ta muốn nói rằng chúng tôi phải tránh làm tất cả những gì có thể khiến cho người Anh kinh động đến chỗ tin rằng ở Nam-Tur có một cuộc cách mạng hay một âm mưu thiết lập một chế độ Cộng sản lãnh đạo.

Staline kêu lên, giận dữ :

— Các đồng chí định làm gì với ngôi sao đỏ trên vành nón kết của các đồng chí ? Điều quan trọng là xứng đáng với nó, mà các đồng chí thì... Những ngôi sao ! Trời, những ngôi sao ấy vô ích !

Nhưng Staline giải thích cho tôi hiểu rằng nói như thế không phải ông

ta giận dữ, ông ta chỉ trách chúng tôi mà thôi.

Tôi nói :

— Không thể bỏ huy hiệu ngôi sao đỏ ; việc đeo ngôi sao đỏ đã thành một tập quán của chúng tôi và có một ý nghĩa đối với các chiến sĩ của chúng tôi.

Ông giữ quan điểm của ông, tuy nhiên không nói thêm nữa. Sau đó, ông bàn về mối liên hệ giữa chúng tôi và Đồng minh Tây phương, dưới một cạnh khía khác. Ông bảo tôi :

— Có lẽ các đồng chí tưởng rằng, bởi lẽ đồng minh với người Anh, mà chúng tôi quên rằng họ thế nào và Churchill ra sao chẳng. Họ không thấy gì thích thú hơn là lừa bịp bạn đồng minh của họ. Suốt thời gian đại chiến thế giới lần thứ nhất, họ đã liên tục lừa dối người Nga và người Pháp. Churchill ư ? Thế này : Churchill là một kiểu người sẵn sàng móc túi đồng chí để ăn cắp một đồng xu, nếu đồng chí sơ ý. Còn Roosevelt ? Roosevelt không phải như thế. Va thò tay vào túi đồng chí nhưng không phải để lấy một đồng xu mà lấy một đồng tiền lớn hơn. Nhưng Churchill... Churchill... thì dù một xu hán cũng lấy !

Nhiều lần Staline nhân mạnh rằng chúng tôi cần phải để phòng cơ quan tình báo Intelligence Service và thủ đoạn bịp bợm của người Anh, nhất là trong vấn đề bảo vệ sinh mạng của Tito. Ông nói :

ĐÀM-THOẠI VỚI STALINE

— Có những kẻ đã hạ sát đại tướng Sikorsky trong một chuyến phi cơ bằng cách gạn trợn là hạ chiếc máy bay ấy, không bằng chứng, không nhân chứng... ».

Rồi Staline bàn đến vấn đề liên lạc giữa chúng tôi và chính phủ hoàng gia Nam-Tur. Vị đại diện mới của nhà vua tại Mạc-Tur-Khoa là bác-sĩ Ivan Soubachitch. Ông này đã hứa sẽ đặt một nền-nếp liên-lạc giữa chính phủ hoàng gia Nam Tur và Tito, và thừa nhận Quân đội Giải phóng Nhân dân là lực-lượng chủ yếu của cuộc kháng chiến chống quân Đức chiếm đóng. Staline nhấn mạnh với tôi :

— Các đồng-chí đừng vì bất cứ lý-do nào từ chối sự đàm-thoại với Soubachitch. Đừng tản công y ngay. Hãy xem y muốn gì. Nói chuyện với y. Các đồng-chí sẽ không được chính phủ hoàng gia thừa-nhận ngay đâu ! Phải tìm một thể-thức quá độ. Hãy thảo-luận với y và các đồng chí sẽ xem có cách nào tranh-thủ một thỏa-hiệp chăng.

... Sau đó, Staline mời chúng tôi dùng cơm tối. Trong một hành-lang rộng lớn, chúng tôi đứng trước một tấm địa-đồ thế-giới trên đó lãnh-thổ Nga-Xô được bôi màu đỏ, điều này làm cho Nga-Xô có vẻ rộng lớn hơn trong sự thật rất nhiều. Staline đưa đây bàn tay trên vùng đỏ của bản-đồ và dựa vào những gì ông đã nói về người Anh và người Mỹ mấy phút trước đây, ông kêu lên :

— Không bao giờ họ chấp-nhận ý-niệm rằng một khoảng không-gian rộng lớn như thế này có thể « đỏ » Không bao giờ ! Không bao giờ !

Tôi đề ý thấy vùng Stalingrad trên bản đồ mang một vòng bán nguyệt kẻ bằng bút chì xanh ở góc phía Tây. Hiển nhiên là người ta đã đánh dấu này trong khi trận Stalingrad đang diễn ra. Staline đã thấy cái nhìn của tôi và tôi có cảm-tưởng ông ta hài lòng mặc dù không bộc-lộ tâm-trạng ấy.

Bây giờ, cũng chẳng hiểu vì sao nữa, tôi nhận xét :

— Nếu trước kia không được kỹ nghệ-hóa, chắc Liên-Xô đã không có thể tự bảo-vệ, cũng không có thể tiến-hành cuộc chiến-tranh này.

Staline chỉ đáp giản dị :

— Chính vì vấn-đề này mà chúng tôi đã cãi nhau với Trotsky và Boukharine.

Đây là tất cả những gì tôi được nghe Staline nói về các đối-thủ của ông ta : Staline chỉ có những cuộc cãi nhau với họ mà thôi !

Trong phòng ăn, vài ba viên chức hành-chính cao cấp đã đợi sẵn, tất cả đều đứng, mặc dầu không có ủy-viên Chính-trị bộ nào ở đây cả, ngoại-trừ Molotov. Suốt đêm, các viên-chức này sẽ im-lặng, không nói một lời.

Trong các tập Ký-ức của ông ta, Churchill đã mô tả một cách linh-động một bữa ăn bất-thần với Staline trong điện Cẩm-Linh. Trong một phòng ăn

rộng-rãi, thanh-nhã mặc dù không trang-hoàng, được kê một chiếc bàn dài, trên một phần mặt bàn đầy các món ăn nóng sốt đặt trên những chiếc mâm, các thức uống, các chồng đĩa nhỏ và đĩa bàn. Người ăn ngồi ở đâu tùy ý và dùng món gì cứ tùy lấy tùy thích. Không bao giờ Staline ngồi ở đầu bàn. Bao giờ ông cũng ngồi ở một chỗ, chiếc ghế đầu, bên trái. Thức ăn, thức uống rất nhiều loại và rất dồi dào. Thịt và rượu nhiều nhất nhưng tất cả thứ ấy được bày-bien giản - dị, không chút phô trương. Người ta chẳng bao giờ thấy kẻ phục-dịch trừ khi nào Staline bấm chuông gọi một người. Đêm ấy, tôi thấy Staline chỉ gọi kẻ phục-dịch có một bận, khi tôi xin rượu bia để uống. Tóm tắt, mỗi người ăn uống tùy sở thích của mình.

Thường một bữa ăn như vậy lâu sáu tiếng đồng hồ, có khi hơn nữa kéo dài từ mười giờ đêm đến bốn hay năm giờ sáng. Thực khách ăn uống từ-tôn, vừa ăn, uống, vừa nói chuyện, kể cho người khác nghe hay lắng tai nghe những câu chuyện, những giai-thoại ; cũng trong cuộc nói chuyện như thế, người ta đề cập đến những vấn-đề đứng đắn nhất, những vấn đề chính trị hay triết-lý. Thành thử một phần lớn đường lối, chính sách của Nga được qui-định một cách bán chính-thức trong những bữa tiệc như thế. Và lại những cuộc hội-hợp ấy là môi tiêu-khiến thường có nhất và cũng là sự xa-hoa duy nhất trong đời sống của Staline, một cuộc đời có vẻ rất trầm buồn. Các cộng-sự viên của Staline tỏ

ra quen thuộc với cách làm việc như thế của ông ta và họ dành buổi chiều tối, ban đêm vào việc ăn uống với ông ta hoặc ăn uống với nhau. Bao giờ cũng tới trưa họ mới đến văn-phòng, và họ làm việc thường khi rất trễ vào buổi tối. Bấy nhiêu điều làm cho công việc của bộ máy hành chính cao-cấp rất khó khăn, phức-tạp nhưng cuối cùng rồi người ta cũng quen đi ; cho đến ngoại giao đoàn, trong phạm vi liên-lạc với các ủy-viên Chính trị bộ, cũng tự thích nghi với tập-tục ấy.

Không có thể lệ qui định trước những cán bộ lãnh đạo nào hay những viên chức cao-cấp nào được tham dự các bữa ăn với Staline. Thường thường những người tham dự có một hoạt-động công tác gắn gũi với hoạt-động công tác của người thực khách danh-dự của bữa tiệc hoặc họ là những chuyên gia về các vấn đề hiện hành. Thành phần tham dự các bữa tiệc có giới hạn, họ là một nhóm người ít ỏi. Tuy nhiên được mời tham dự người ta phải tự xem đây là một vinh dự đặc biệt. Chỉ có Molotov là thường xuyên tham dự và tôi có thể quả-quyết rằng ông ta có mặt không phải chỉ vì ông là Ủy viên Ngoại-giao : sự thật, Molotov có ở đây bởi vì ông ta là « người bổ túc » cho Staline.

Trong những bữa ăn ấy, các nhà lãnh đạo Nga đôi xử rất thân mật với nhau. Mỗi người kể lại những tin-tức thu lượm được trong lãnh-vực hoạt động của mình, nói về những người mình gặp gỡ, nhắc đến chương trình, dự án công tác của mình đương thời.

ĐÀM-THOẠI VỚI STALINE

Bàn tiệc thịnh-soạn, món ăn ngon, rượu mạnh, bày nhiều thứ làm nên một không khí nhiệt thành, hòa nhã, thân mật. Một tân khách chưa quen sẽ rất khó tìm ra vài sự khác nhau giữa Staline và những người đồng bàn tiệc. Thế mà sự khác nhau này vẫn có.

Mỗi khi Staline nói thì mọi người đặc biệt chú-trọng đến ý-kiến ông tỏ bày. Nếu có cãi lại ông thì người ta cũng cãi một cách ôn hòa từ tốn. Cuộc họp có vẻ như cuộc họp gia-tộc ngày xưa trong đó vị trưởng lão, có tính nết bất thường, khó-khăn, có một sự ngông cuồng không ngớt làm cho những người chung quanh lo ngại.

Staline ăn rất khoẻ, một người to lớn hơn ông chắc cũng không ăn được như ông ta. Ông thích thịt đặc biệt, một điều nói rõ ông xuất thân ở miền rừng núi. Ông cũng thích các món ăn đặc-biệt của từng địa phương, vốn rất phong phú vì xứ ông đất rộng, chịu ảnh-hưởng nhiều khí hậu, nhưng tôi không thấy ông thích riêng món ăn nào. Ông uống một cách chừng mực, thường uống rượu vang đỏ trộn với rượu bắp. Tôi chưa bao giờ thấy Staline có dấu hiệu của người ghiền rượu. Molotov thì khéo và nhất là Béria, một bợm nhậu chính hiệu. Các nhà lãnh đạo Nga Xô vì bị bắt buộc phải ăn uống quá nhiều trong những bữa ăn như thế nên phải ăn uống thanh đạm vào những thời giờ còn lại và rất nhiều người cứ mỗi tuần lễ có một ngày chỉ ăn trái cây hoặc uống nước trái cây cho nhẹ bao tử.

... Tôi chưa bao giờ được nghe nói đến sự đòi-lập trong Đảng, hoặc nói đến cách đòi phỏ với phong trào đòi lập. Chắc vấn đề này Staline và sỏ mật vụ của ông ta lo. Tôi chỉ kể lại đây những gì tôi cho là ý nghĩa ở cuộc nói chuyện lung tung về các vấn-đề trong đêm ấy.

Nhân nhắc lại mối liên-hệ cổ-cựu giữa dân-tộc Slaves miền Nam và nước Nga, tôi nói với Staline :

— Các Nga-hoàng không hiểu những nguyện-vọng của dân-tộc Slaves miền Nam. Họ quan-tâm đến sự bành-trướng đế quốc trong khi dân tộc chúng tôi lại nghĩ nhiều nhất đến sự giải-phóng.

Staline đồng ý với nhận xét như thế của tôi nhưng ông lại bình luận theo một quan-điểm khác :

— Phải, các Nga hoàng không nhìn xa, thấy rộng.

Staline chú ý đến Nam-Tư một cách khác hơn các lãnh-tự kia của Nga-Xô. Điều làm ông ta quan-tâm không phải những sự hi-sinh của chúng tôi, những sự tàn phá chúng tôi đã chịu, mà là thực lực của phong trào khởi nghĩa. Muốn hiểu về vấn đề này, ông ta không đặt những câu hỏi rõ-ràng mà tìm hiểu trong cuộc nói chuyện.

Có một giờ phút nào đó trong đêm ấy, ông ta lưu ý đến xứ Albanie và hỏi tôi :

— Có gì xảy ra thật sự ở đó ? Người Albanie thế nào ?

Tôi đáp :

LAI-SINH

— Ở Albanie cũng xảy ra một tình hình như ở Nam-Tur. Người Albanie là dân tộc cò-cừu nhất của vùng Ba-Nhĩ-Cán, còn cò-cừu hơn dân tộc Slaves, và hơn cả dân tộc Hi-lạp thời xưa.

Staline hỏi lại :

— Nhưng vậy thì tại sao các địa phương của họ mang tên Slaves? Họ có liên-hệ gì với dân tộc Slaves không?

Tôi giải thích :

— Cách đây lâu lắm rồi người Slaves có đền ở vùng thung-lũng xứ họ, do đây có những vùng mang tên Slaves. Nhưng dưới thời Thổ-Nhĩ-Kỳ đô hộ, người Albanais đánh đuổi người Slaves đi.

Staline nheo mắt một cách ranh mãnh :

— Tôi đã hy vọng rằng người Albanie ít nhất cũng lai Slaves phần nào.

Trong khi nói về hình thức chiến tranh mà chúng tôi đang tiến hành ở Nam Tur, và về tính chất khốc liệt của những cuộc chiến đấu, tôi nhắc đến việc chúng tôi không có tù binh Đức; chúng tôi hạ sát những tên quân Đức lọt vào tay chúng tôi, bởi vì quân Đức hạ sát các chiến sĩ của chúng tôi bị chúng bắt.

Staline bật cười to, ngắt lời tôi. Ông bảo :

— Một hôm, một binh sĩ của chúng tôi (Nga-Xô) dẫn một đám khá đông tù binh Đức đi và dọc đường, anh ta giết hết cả bọn, chỉ để lại một tên.

Khi anh ta về đến địa điểm, người ta hỏi những tù binh kia đâu, anh trả lời : « Tôi đã thi hành đúng y như lệnh của đồng chí tư lệnh là giết quân thù đến tận cuối cùng. Và đây là tên cuối cùng ».

Trong cuộc nói chuyện này, Staline nói về người Đức như sau :

— Đây là một dân tộc lạ lùng, một đàn cừu. Tôi có một kỷ niệm thời thơ ấu : mỗi khi con cừu được bước đi là tất cả bầy cừu đi theo. Tôi cũng nhớ một chuyện vào thời kỳ tôi ở Đức, trước cách mạng tháng 10 : một nhóm đảng-viên Xã hội dân-chủ Đức đến dự một đại-hội trẻ. Họ đã chịu đợi cho đến khi người ta xác nhận là giấy vào cửa của họ có giá trị hoặc một việc gì tương tự như vậy. Đồng chí tưởng-tượng người Nga có thể xử-sự như vậy chăng?

Staline bảo tôi nói về vài vật bằng tiếng Serbie. Tôi thấy rõ là ông ta rất kích-động thấy tiếng nói của chúng tôi na-ná như tiếng Nga. Ông bảo :

— Trời ! Không còn ngờ gì nữa đúng là cùng một dân tộc !

Mọi người kể cho nhau nghe những giai-thoại. Tôi có kể một chuyện mà Staline đặc biệt tán - thưởng : một người Thổ và một người Monténégro (Nam Tur) nói chuyện với nhau trong một tình hình hưu-chiến. Người Thổ tỏ vẻ ngạc-nhiên về chỗ thấy người Monténégro cứ đánh giặc hoài và hỏi thăm những lý-do hành-động ấy. Người Monténégro trả lời : đánh như thế để cướp bóc. Chúng tôi nghèo

ĐÀM-THOẠI VỚI STALINE

và chúng tôi mong ước thấu nhất chiến lợi phẩm. Còn các anh, tại sao các anh chiến đấu ? Người Thổ trả lời : vì danh dự và vinh quang. Người Monténégro đáp lại : mỗi người chiến đấu để tranh thủ những gì mình không có.

Staline đã cười to và bình-luận ồn ào về câu chuyện của tôi kể :

— Trời, đây mới là điều sâu-sắc ! Mỗi người chiến đấu để tranh-thủ những gì mình không có !

Molotov cũng cười nhưng cười vừa phải thôi, cười lặng-lẽ. Rõ là ông ta không thể trào phúng và cũng không thể hiểu sự trào phúng.

Rồi Staline hỏi thăm xem tôi đã gặp những lãnh-tụ cộng sản nào ở Mạc-Tư-Khoa. Khi tôi kể tên Dimitrov và Manuisky thì ông ta bảo :

— Dimitrov khôn ranh hơn Manuisky, khôn ranh hơn nhiều.

Câu chuyện đưa chúng tôi đến vấn đề giải-tán Đế tam Quốc Tề Cộng sản.

Staline nói :

— Bọn Tây phương chúng nó xảo quyết đến độ không bao giờ chúng nó dă động đến vấn đề này với chúng tôi cả. Và chúng tôi thì lại bướng bỉnh tới mức nếu chúng nó nói đến vấn đề thì chúng tôi sẽ không bao giờ giải tán Đế Tam Quốc Tề. Tình hình vấn đề này bây giờ càng ngày càng bất bình thường. Vyacheslav Mikhaïlovitch (Molotov) đây và tôi tự hỏi nhau phải làm sao cho đúng, trong khi Đế Tam Quốc Tề hành động

theo ý họ và sự tranh chấp giữa chúng tôi và họ trở nên trầm trọng. Với Dimitrov thì dễ làm việc nhưng với những người khác thì không như thế. Điều quan trọng hơn nữa là có một cái gì bất thường ngay trong sự tồn tại của một hệ thống cộng sản quốc tế trong lúc đáng lẽ các đảng cộng sản phải cố gắng tìm một giọng điệu quốc gia và chiến đấu trong những điều kiện đáp ứng với sự đòi hỏi của chính xứ sở họ.

Trong khi chúng tôi nói chuyện thì hai bức điện tín được đưa tới.

Một bức điện báo cáo những lời tuyên bố của Soubachitch với bộ ngoại giao Hoa-Kỳ : « Chúng tôi người Nam-Tur, chúng tôi không thể hành động chống lại Nga-Xô hay đeo đuổi một chính sách chống Nga, bởi vì truyền thống Slaves và thân Nga rất mạnh mẽ ở nước chúng tôi ».

Staline kêu lên :

— Thề Soubachitch làm cho người Mỹ sợ hãi ! Nhưng tại sao y làm cho họ sợ hãi ? Ừ tại sao, tại sao ?

Có lẽ Staline thấy được trên nét mặt tôi sự ngạc nhiên, ông nói tiếp :

— Chúng nó ăn cắp điện tín của chúng tôi, chúng tôi ăn cắp điện tín của chúng nó.

Bức điện thứ hai của Churchill. Ông ta báo cho biết cuộc đổ bộ của Đồng Minh vào ngày mai trên đất Pháp. Staline bắt đầu mĩa mai :

— Phải, sẽ có một cuộc đổ bộ nếu như không có sa mù. Cho đến nay bao

giờ cũng có một cái gì chông lại dự tính của họ. Tôi nghĩ rằng ngày mai đây cũng sẽ có trở ngại nữa. Có thể họ sẽ gặp bọn Đức. Nếu họ gặp bọn Đức thì chuyện gì sẽ xảy ra? Có lẽ sẽ không có cuộc đổ bộ vậy. Đây chỉ là những lời hứa hẹn suông như lệ thường!

Molotov can thiệp:

— Không, lần này thì là chuyện nghiêm trang.

Tôi có cảm tưởng rằng thực ra Staline chẳng phải nghi ngờ là cuộc đổ bộ được báo trước đó sẽ không xảy ra nhưng ông muốn che giấu biến cố ấy và che giấu cả những lý do đã làm trì hoãn các cuộc đổ bộ trước.

Bây giờ đây, sau khi gọi lại những điều thiết yếu trong cuộc hội đàm đêm ấy, tôi thấy nảy ra một kết luận trong đầu: Staline đã cố ý làm cho các lãnh tụ Nam-Tư sợ hãi để làm hòa dịu mối liên hệ giữa chúng tôi với Tây phương và đồng thời ông ta cố gắng làm cho đường lối, chính sách của chúng tôi tùy thuộc vào quyền lợi của ông, và tùy thuộc vào quyền lợi của ông, và tùy thuộc vào mối liên hệ giữa ông và các cường quốc phương Tây, trước hết, là Anh quốc.

Với ý thức hệ, phương pháp hành động và kinh nghiệm bản thân của ông, với gia sản lịch sử mà ông thừa hưởng, Staline chỉ tin chắc ở những gì ông đã nắm vững trong tay và kẻ nào lọt ngoài vòng kiểm soát của mặt vụ Nga trở nên một kẻ thù có sức mạnh đối với ông.

Vì hoàn cảnh chiến-tranh, cuộc cách-mạng Nam-Tư đã vượt khỏi vòng kiểm-soát của Staline và lực lượng đang lớn lên bên trong cuộc cách-mạng đã ý-thức khá rõ-ràng khả-năng của mình khiến cho ông ta khó lòng chỉ-huy truyền lệnh. Staline có ý-thức về tất cả những điều ấy, trong khi ông ta khai thác thành kiến chông tư-bản của các lãnh-tụ Nam Tư để chông các quốc-gia Tây-phương.

Thê-giới của các lãnh-tụ Nga-Xô— và cũng là thê-giới của tôi — bỗng-nhiên bắt đầu hiện ra dưới mắt tôi với một hình - thức mới: hình - thức của cuộc đấu-tranh kinh khủng liên-tục và đồng thời toàn diện. Mỗi sự-việc bị lật trăn, bị lôi kéo vào một cuộc tranh-đấu quyết-liệt mà chỉ có kẻ mạnh hơn, kẻ khôn hơn mới chắc sống còn. Trước kia lòng tôi đầy thán phục đối với các lãnh-tụ Nga-Xô. Giờ đây, tôi lại bị lôi cuốn vào một niềm thán-phục cuồng nhiệt đối với cái ý-chí bất tận và cái tinh-thần cảnh-giác thường trực nơi các lãnh-tụ Nga.

Trong thê-giới này không còn sự chọn lựa nào khác nữa ngoài sự chọn lựa giữa thắng-lợi và diệt vong.

Con người Staline, kẻ xây - dựng một hệ-thống xã-hội mới là như thế.

Khi chào biệt, tôi hỏi xem ông ta có điều gì cần nói về công-tác của Đảng Cộng-Sản Nam-Tư. Ông đáp:

— Không, các đồng-chí hiểu rõ hơn chúng tôi là các đồng-chí cần phải làm gì.

Về đến đảo Vis, tôi báo cáo lại các cuộc hội-đàm với Staline cho Tito và các ủy-viên khác trong Ban Chấp-hành Trung-ương nghe. Tôi tóm-tắt cảm-tưởng của tôi : « Đệ Tam Quốc-Tề không còn nữa, và chúng ta, những người Cộng-sản Nam - Tư, chúng ta phải tự xoay sở lấy ».

Trong lúc tôi từ-giã, Staline có trao cho tôi một thanh - kiếm tặng Tito : tặng-vật của Hội - Đồng Xô-viết Tối cao. Trên đường về, ghé ngang Le Caire, tôi mua một bộ cờ tướng bằng ngà để thêm vào tặng phẩm. Bây giờ tôi cũng cho rằng sự lựa chọn ấy không có một ý-nghĩa tượng-trưng nào hết. Nhưng từ buổi ấy, tôi bắt đầu mang trong lòng một vũ-trụ rất khác biệt với vũ-trụ của Staline.

*
* *

Sa mù buổi bình minh dâng lên trên rừng tùng vây bọc biệt-thự của Staline. Staline và Molotov, mệt mỏi vì một đêm thứ hai thức trắng, siết tay tôi ở ngưỡng cửa. Rồi chiếc xe mang tôi đi,

vào buổi sớm tinh sương, về kinh-đô Mạc-Tur-Khoa đang còn yên giấc, còn ướt át hạt sương và còn chìm đắm trong sa mù. Và bây giờ cái cảm-tưởng đầu tiên của tôi khi tôi đặt chân lên đất Nga-Xô, trở lại với tôi : đầu sao, thế-giới cũng không rộng lớn quá và có lẽ cũng không khó chinh - phục quá, khi người ta nhìn nó từ xứ này, xứ của Staline và từ cơ sở những ý tưởng kia của ông ta, vốn có thể phát giác cho con người thấy sự thật về chính thân và về xã-hội.

Bây nhiêu sự tình đã là một giấc-mơ đẹp, một giấc-mơ trái qua trong thực tế chiến-tranh. Sự thật hay mộng mơ ? Tôi không hề có ý phân định xem cái nào thật trong hai trạng-thái ấy, cũng như bây giờ đây tôi cũng không thể bảo cái nào đã thật hứa với tôi. Con người sống trong mộng mơ cũng dễ dàng như trong thực tại.

LAI-SINH

Kỳ tới : II. — Hoài Nghi.

*Bạn đọc lưu tâm đến nền văn-ngệ mới hiện nay
không thể bỏ qua hai tác phẩm của THỜI MỚI vừa xuất bản :*

- **TIỂU THUYẾT HIỆN ĐẠI** biên khảo của Trảng-Thiên, về các khuynh hướng tiểu thuyết mới nhất **42 \$**
- **GUỒNG MÁY** truyện đầu tiên của J. P. Sartre được dịch ra tiếng Việt do Trần-Phong-Giao **48 \$**

TÁI SINH

CÔNG-LIỀU

Bốn năm trước đây nhà sinh vật học trứ danh nước Pháp Jean Rostand đã viết : « một ngày kia người ta sẽ có thể ướp lạnh người già cả, người mắc bệnh nan y, đem cất vào hộp tử với những tấm phiếu ghi : « Sẽ cho tỉnh dậy khi có thuốc trừ... Ung thư, già nua, ... và trừ chết già » (sao lại không thể có được ?)

Ông R.C.W. Ettinger đã tiếp tục nghiên cứu những quan điểm của Y. Rostand, ông đã quyết rằng ngay bây giờ có thể làm cho người chết sống lại về phương diện thể chất, phương diện sinh lý. Và nói đến người tức là nói đến bất kỳ người nào trong chúng ta.

Ettinger là giáo sư lý học, thiên văn học và toán học ở trường đại học Wayne Mỹ quốc.

NẾ U thuyết của Ettinger đúng thì nhân loại đã bước tới ngưỡng cửa giai đoạn « trường sinh bất tử ».

Đang lúc một người chết, người ta ướp lạnh xác chết đó với sức lạnh gần không độ tuyệt đối (vào khoảng -273° bách phân), thí dụ đem nhúng vào heli-um lỏng. Xác ấy sẽ trữ trong « phòng ngủ lạnh » để chờ đợi... vài chục năm, hay vài thế-kỷ sau, thời gian y học tìm ra cách hủy diệt nguyên nhân gây ra cái chết

của người ấy, và làm nóng trở lại một cái xác ướp lạnh đó.

Tuy nhiên, nói đến sống hay chết hình như người thường và các nhà bác-học bất đồng ngôn ngữ. Vậy trước hết ta phải tìm hiểu các nhà bác-học định nghĩa thế nào là chết và sống đã.

Đối với một nhà sinh-vật-học thế-kỷ thứ XX, chết không phải là một giới hạn tuyệt đối, giản dị và dứt khoát như chúng

ta thường nghĩ. Bây giờ người ta biết rằng một tế bào có tiềm năng sống bất diệt. Các bác-học Woodruff, Carrel, Metalnikov, Wolff tiếp tục nhau « cấy » những mảnh thịt trong những thứ « canh » dùng làm đồ ăn cho tế bào, họ chứng minh rằng trong người ta không có một bộ phận nào bắt buộc phải già chết cả. Jean Rostand nghĩ rằng nếu có thể để mỗi tế bào của một người vào trong một thứ « canh » thích hợp thì người ấy sẽ trường sinh bất tử.

Người chết rồi tế bào hãy còn sống

Nếu người ta chết thì đó chỉ là một sự ngẫu nhi. Vào một lúc nào đó có một sự kiện làm tê liệt cơ cấu tổ chức phức tạp điều hành sinh hoạt chung của các tế bào, làm chúng bị phá hủy. Một sự tình cờ như thế không làm nguy đến tính mạng, có thể sửa chữa được. Ngay sau khi người ta thở hơi cuối cùng thì những tế bào trong người vẫn còn sống. Nếu dùng cách nào lập lại được thể quân bình sinh lý thì cơ thể sống lại. Đó không phải là điều phóng tác mà là một điểm y học đang nghiên cứu để thực hiện, tức là ngành hồi sinh học (réanimatorologie). Người ta đã cứu được nhiều đứa trẻ bị chết ngạt lúc sinh ra, nhiều người đang giải phẫu thì tắt thở vì ra nhiều máu quá hay vì tim ngừng đập. Chính nhà bác học Landau, mới được giải Nobel về lý học, mắc nạn xe hơi, đã bốn lần chết và bốn lần được hồi sinh.

Sau khi chết từ 5 đến 6 phút còn có thể hồi sinh được.

Thường thường, trái tim ngừng đập làm cho các tế bào bị ngạt thở lần lần.

Sau khoảng thời gian từ 5 đến 6 phút các não bào bị xúc phạm, bấy giờ thì không thể làm gì được nữa, hết hẳn hy vọng hồi sinh.

Như vậy lời tuyên bố của Giáo sư Ettinger vẫn đúng từ trước đến nay, nếu hồi sinh trong thời gian từ 5 tới 6 phút sau khi chết.

Khoa học muốn thắng cuộc thách đố phải có cách làm cho thời gian còn hồi sinh được kéo dài ra lâu hơn. Người ta có thể đạt được mục đích bằng cách dùng hơi lạnh.

Thực ra ý kiến này không có gì là mới mẻ. Không kể những truyện phóng tác khoa học, nhiều nhà bác học cũng đã đề cập đến. Năm 1766 nhà sinh lý học Hunter viết rằng : « Nếu một người có thể để ra 10 năm cuối cùng đời mình, chỉ sống có từng quãng ngắn, còn thì ngủ đông miên, người ấy có thể sống tới 1.000 năm. Cứ một trăm năm lại sống lại ít lâu để xem trong khoảng thời gian mình ngủ đã xảy ra những chuyện gì ». Cũng vào thời kỳ ấy ông Reaumur, người Pháp cũng nói : « người sống tới 80 tuổi có thể sống được 10 hay 12 thế kỷ, miễn là mỗi thế kỷ chỉ sinh hoạt thực sự có 9 năm ». Claude Bernard cũng có chú trọng đến vấn đề và đã thử thí nghiệm ướp lạnh con ếch.

Thực nghiệm và lý thuyết chứng minh rằng lãnh độ làm trì hoãn sự dịch hóa trong cơ thể sinh vật, lạnh đến số không tuyệt đối thì vật chất không còn sinh hoạt nữa. Ướp lạnh một con vật sống, phải làm thế nào để ngưng sự sống của nó mà không hủy hoại những tế bào của nó. Sự

dịch hóa giảm thiểu đến mức trong một năm con vật ướp lạnh chỉ sinh hoạt tương đương với một con ở ngoài khí hậu bình thường.

**Giáo sư Ettlinger quả quyết rằng
có thể thực hiện ngay từ
tháng 5-1963**

Ông đã căn cứ vào những sự kiện nào? Đối với sinh vật hạ đẳng, cuộc thí nghiệm đã đem lại kết quả hiển nhiên. Vào năm 1780 nhà bác học Ý Lazzaro Spallanzani đã ướp lạnh dưới -19° một vài loại sinh vật nhỏ sống trong một thứ rêu, loài Rotifère và Tardigrade. Những con trùng ấy có đặc tính ngưng sống trong nhiều tháng nếu rêu bị khô. Khi có nước nó lại sống trở lại. Spallanzani đem ướp lạnh chúng lại đang lúc chúng bị khô. Khi làm nóng lại và cho nước vào chúng sinh hoạt như thường. Năm 1950 Becquerel, người Pháp, làm lại cuộc thí nghiệm và dùng tới lạnh độ -273° làm nóng lại và cho nước vào chúng cũng vẫn sống lại như thường.

Trái lại, khi ông thí nghiệm những sinh vật có cơ cấu tổ chức phức tạp hơn, ông gặp một trở ngại lớn, là trong tế bào có nước. Không thể làm khô một thân thể người trước khi đem ướp lạnh, vì nếu làm khô đi thì hủy hoại tế bào không thể cứu vãn được. Trái lại cứ để nguyên nước trong tế bào mà ướp lạnh thì tế bào cũng bị hủy hoại.

Có thể cắt nghĩa hiện tượng đó như sau:

Nguyên do cơ học: Vì hiện tượng chậm đông (surfusion) nên sức lạnh xuống tới -15° mà miếng thịt vẫn không cứng. Rồi

bất thần hiện tượng chậm đông biến mất, trong tế bào, trông chỗ cách giữa các tế bào, nước kết tinh, cạnh sắc làm rách màng mỏng của tế bào.

Nguyên do Sinh vật học: Nước trong tế bào không bao giờ trong. Có nhiều chất muối tan trong nước. Khi nước bắt đầu kết tinh, muối dồn lại ở những chỗ nước chưa đông làm cho tỷ-lệ cao quá. Hiện tượng ấy làm mất quân bình sinh lực trong tế bào. Với tỷ lệ muối cao như vậy chỗ nước còn lại rất khó kết tinh, phải lạnh tới -190° tất cả nước trong tế bào hẳn mới kết tinh được.

Tóm lại, vì có những trở ngại trên đây, nếu chỉ thực hiện được sự ướp lạnh chậm chạp thì thuyết của Ettlinger không thể thực hiện được.

Nhưng 15 năm gần đây, những cuộc nghiên cứu ở Mỹ, Anh, Pháp, và Nam-Tur đã đem lại kết quả tốt đẹp.

Giáo Sư Luyet ở Mỹ nghĩ ra cách làm thế nào cho tế bào không có thời giờ hủy hoại, nghĩa là thực hiện sự ướp lạnh thật mau. Nhiệt độ của tế bào từ -37° hạ xuống -190° ngay tức khắc.

Ông cột vật muốn ướp lạnh vào viên đạn rồi bắn vào chất dùng để lấy hơi lạnh. Ông thành công với những tinh trùng, với bọt men dấm... Tuy nhiên ông nhận thấy vật ướp lạnh phải nhỏ lắm, chiều lớn nhất không quá được phần tư ly mét.

Công dụng của glycérol

Jean Rostand đã giữ được tinh trùng loài ếch sống tới 20 ngày dưới sức lạnh -60° , bằng cách cho vào một chút glycérole. Đến năm 1940 một nhóm người

TÁI SINH

nghiên cứu dưới sự điều khiển của giáo sư Parkes chứng minh rằng có thể dùng glycérol để giữ cho tinh trùng loài có vú và loài chim sống dưới sức lạnh — 79° trong nhiều tuần lễ. Năm 1953 hai người Mỹ Bunge và Sherman cũng dùng phương-pháp ấy giữ được tinh trùng người sống tới hơn một tháng, sau dùng để làm thụ thai được ba phụ-nữ mà các con sinh ra đều bình thường.

Chất glycérol làm biến đổi quá trình đông giá ; sự kết tinh sẽ không đột ngột, vì tinh thể tạo thành rất nhỏ, không làm hư tế bào. Chất glycérol còn giảm bớt tình trạng mất quân bình sinh lực trong tế bào. Tuy nhiên cũng cần phải vượt rất nhanh giai đoạn từ 0 đến — 40° rất nguy hiểm. Sự kiện sau đây chứng thực vai trò quan trọng của chất glycérol : nhiều loài sâu bọ tăng cường tỷ-lệ glycérol trong người khi phải chịu lạnh quá.

Năm 1956, Giáo-sư Giaja người Nam Tư đã làm hồi sinh được chuột ướp lạnh — 60° . Chuột ấy khỏe mạnh và chống lại bệnh tật hiệu quả hơn chuột thường. Tuy nhiên ta nên để ý rằng dưới sức lạnh — 60° chưa hẳn là chuột chết, vì phần lớn nước trong cơ - thể chưa kết - tinh (hiện tượng chậm đông), sự dịch hóa chưa ngưng hẳn, vẫn tiếp-tục với nhịp rất chậm nhưng đáng kể.

Năm 1958, ông Louis Rey người Pháp tiến thêm được bước nữa, ông ướp được một trái tim của bào thai gà trong đạm-khí lỏng (— 196°). Có hiện tượng kết tinh thực sự : trái tim trở nên cứng như đá. Sau khi làm nóng tới 37° và giữ nguyên nhiệt-độ ấy, trái tim gà lại đập.

Tháng ba 1963, nhà sinh vật học Nga Losinalozinski đã nhúng 20 con sâu bắp ngô vào hélium lỏng lạnh — 269° . Làm nóng lên có 13 con sống lại.

Những khó khăn của người chết sống lại

Phương-pháp của Giáo-sư Ettinger đưa ra để nghiên-cứu không có gì là khó thực hiện, bởi vì chỉ thí-nghiệm với những xác chết, dẫu nào cũng chết rồi, nếu thành-công thì càng hay, đưa được một người từ cõi âm ty trở về hẳn là nhiều chuyện lý-thú.

Louis Rey là một nhà chuyên môn rất thận trọng, năm ngoái ông viết rằng « trong trình độ kiến thức hiện thời, hình như chất Glycérol có thể bảo vệ hữu hiệu được tế bào các loài vật máu nóng đã lớn hay còn là bào thai... Có những lý do đứng đắn để nghĩ rằng người ta có thể thực hiện được một trạng thái quân bình để có thể làm cho đời sống bất diệt ».

Nhưng tại sao người ta không bắt đầu thực hiện cuộc thí nghiệm ?

Có lẽ tại người ta thấy ý kiến vĩ đại và có vẻ viễn vông nên hoang mang không muốn nghĩ đến nhiều.

Ettinger đã nghĩ đến những người chết được ướp lạnh để sau này có hy vọng sống lại. Con số những phòng ngủ lạnh để chứa xác sẽ nhiều, những hầm chứa sẽ rộng lớn như những kim tự tháp của các vua Pharaon. Nhưng vấn đề gay go nhất là trong tương lai làm cách nào để thu nhận số người tái sinh lên tới hàng triệu ?

Về phương diện cá nhân vấn đề ướp xác và tái sinh nêu lên những khó khăn sau đây :

Ettinger tính phí tổn việc ướp lạnh là 40.000 quan Pháp năm 1963. Tuy nhiên phải có những xưởng lớn chế hơi lạnh như ở Mỹ mới có phương tiện thực hiện sự ướp lạnh cả một cái xác người với giá nói trên.

Phương diện pháp lý của vấn đề như sau : một người đem ướp lạnh là tự đặt mình ra ngoài luật pháp. Bác sĩ có quyền ký giấy cho phép chôn không ? Luật hiện hành về thừa kế có thể đem áp dụng cho gia sản của người ấy không ? Hẳn là chính phủ phải nghiên cứu lại nhiều điều khoản pháp luật.

Về phương diện tôn giáo vấn đề tái sinh không gây ra nhiều khó khăn, vì Giáo Hội không thể kết án một cuộc thí nghiệm khoa học. Vả chăng không ai giám nói rằng một người chết được hồi sinh sau này không bao giờ chết nữa. Nếu cần thì có thể lấy trường hợp thánh Lazare trong Thánh kinh ra làm tiền lệ. Dầu sao, về phương diện thực hành, thí nghiệm đó cũng vẫn nêu lên các vấn đề thuộc về luật Giáo hội

Thuyết của Ettinger có thể thực hiện được không ?

Dưới mắt nhà bác học Louis Rey thì câu chuyện đem ra bàn sớm quá. Người ta chỉ biết cách tàng trữ từng mảnh thịt riêng của cơ thể. Mỗi loại cần một kỹ thuật riêng để ngâm vào nước có thuốc bảo vệ, để ướp lạnh, tàng trữ và sưởi nóng lại : Người ta chưa thể dung hòa được những phương pháp khác biệt có khi mâu thuẫn nhau để ướp lạnh toàn khối một thi thể. Vả chăng, còn nhiều vấn đề quan trọng đương chờ các bác

sĩ tương lai giải quyết, khi hồi sinh xác ướp, thí dụ sửa chữa những bộ phận cơ thể bị sức lạnh làm hủy hoại.

*
*
*

Có cách nào dung hòa thái độ lạc quan của giáo sư Ettinger và thái độ dè dặt của các nhà bác học khác không ?

Lần thứ nhất một nhà giải phẫu thử ghép một quả thận, tất cả các sinh vật học gia đều bi quan. Thực ra cuộc thí nghiệm thất bại, nhưng bây giờ ghép thận đã thực hiện được rồi. Nhờ những cuộc thất bại người ta rút ra kinh nghiệm để đi đến thành công.

Khi giáo sư Jamet muốn ghép tủy xương sống cho các nạn nhân phóng xạ Nam tư các nhà nghiên cứu vẫn dè dặt phóng xạ cho rằng không có kết quả. Nhưng Bác-sĩ Jamet đã thành công.

Bài học rút ra của những cuộc thành công ấy là trí tưởng tượng của người ta có tiềm năng tạo các phong phú vô cùng ; nhiều khi bước tiến khoa học không thể trông cậy vào sự thận trọng, mực thước, nền nếp, kết quả của lý trí, mà phải thả trí tưởng tượng vượt ra ngoài khuôn khổ bình thường, thử làm cái không thể được.

Năm ngoài Bác-sĩ Connel ở New Uớc nói rằng : « với trình độ kiến thức ngày nay, nếu tất cả y sĩ tập trung cố gắng lại để giải quyết, có lẽ 5 năm nữa sẽ đạt được kết quả ». Có lẽ người ướp lạnh thứ nhất không có hy vọng tái sinh thật, nhưng đến người thứ hai, người thứ ba thì kết quả sẽ ra sao ?

B. N. C. I.



BANQUE NATIONALE **pour le Commerce et l'Industrie**

S. A. au capital de 80.000.000 N. F.
siège social : 16 Bd des Italiens Paris 9^e

SAIGON

36 Rue TÔN-THẤT-ĐẠM
135, Đai-lộ NGUYỄN-HỮU
(ex Charner)
Téléphones : 24.902 — (3 Lignes)
22.797 — P.P.E. 5

PHNOM-PENH

26, Moha Vithei Preah Bat Norodom
(ex Dudart de Lagrée)
Téléphones : 385 et 543
B.P. 422

Succursale de Hongkong

Central Building Queen's Road Central

Tel. 35.601
P.O. Box n° 763

La B. N. C. I. et ses filiales possèdent plus de 1.000 sièges en France dans les territoires d'Outre-Mer et à l'Étranger, notamment en : O. F., A. E. F. Antilles, Colombie, Uruguay, Sarre — Francfort-sur-le Main (Bureau de Représentation), en Afrique du Nord, Irak, Syrie et Liban (B.N.C.I. « A ») ; à Madagascar et à la Réunion, à Djibouti, à Addis-Abeba (Bureau de Représentation) (BANQUE NATIONALE POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE — OCEAN INDIEN) ; à Londres, Lagos, Apapa, Kane, Ebute Matta (British and French Bank) ; à Bâle (Banque pour le Commerce International) ; à Mexico Banco del Atlantico ; à Panama (Panama Trust Co. Inc.).

SÓNG GIÓ CHÁNH TRỊ Ở NAM-HÀN

VIỆT-ANH

HÀN-Quốc và Việt-Nam tuy cách xa nhau hàng vạn dặm nhưng đã có một hoàn cảnh lịch sử tương tự như nhau. Hai nước cùng có một nền văn minh giống nhau, cùng lệ thuộc Trung-Quốc hàng ngàn năm, cùng bị cách ngoại xâm đô hộ và sau thế chiến II cũng bị chia đôi và miền Bắc cũng bị Cộng-sản chiếm đóng, miền Nam cũng có một ý chí kiên quyết chống Cộng. Hai nước cùng quyết tâm đứng về phe thế giới tự do, và nhất định không chịu theo Trung-lập chế mà một số lớn nước Á-Phi đang đi vào. Hai nước cùng là những quốc gia chậm tiến chuyên về nông nghiệp, cùng gặp phải những khó khăn kinh tế và tài chánh đáng kể.

Nhưng hai nước cũng có nhiều sự khác nhau căn bản.

1) Về phương diện địa dư, Nam-Hàn có nhiều lợi thế hơn Việt-Nam. Miền Bắc có vĩ tuyến 38 cắt ngang, do hàng chục vạn quân Liên-Hiệp-Quốc và Nam-Hàn

trấn đóng. Còn ba mặt kia đều là biển cả, có một hạm đội rất mạnh tuần phòng. Thành ra Nam-Hàn ít phải e ngại nạn Cộng-sản xâm nhập. Trái lại ở Việt-Nam, Việt-cộng thường lợi dụng con đường Lào và Miên để xâm nhập và quấy rối.

2) Trận chiến tranh Cao-Ly 1950-1953 là một trận chiến tranh vô cùng tàn khốc, làm cho hàng triệu người chết và bao thành phố phải tan tành đến nay còn ghi rõ trong tâm khảm của mỗi người dân đất Hàn. Trước cuộc chiến tranh đó, Nam-Hàn bị Bắc-Hàn đe dọa ở phía Bắc, bị Hàn-cộng xâm nhập nặng nề trong nội bộ: Một điều cắt nghĩa cuộc tiến quân chớp nhoáng của Bắc-Hàn xuống đến gần Phú-Sơn là họ đi đến đâu đã có sẵn những kho tiếp tế mà quân du kích Nam-Hàn đã bố trí sẵn, không phải lo vận tải từ hậu phương đến. Nhưng sau cuộc chiến tranh đó thì tất cả các lực lượng Cộng-sản đều bị quét sạch khỏi đất Nam-Hàn.

SÓNG GIÓ CHÍNH-TRỊ Ở NAM-HÀN

Những ổ du kích, không được sự giúp đỡ, tiếp tế từ phía ngoài vào nên đã dần dần bị tiêu diệt. Ở Nam-Hàn ngày nay, nếu còn Cộng-sản thì chỉ là những hoạt động chính trị ngấm ngấm, tuyệt nhiên không còn võ trang tranh đấu. Cộng-sản chỉ còn hy vọng vào một cuộc nổi dậy của nhân dân mà họ sẽ đứng ở hậu trường để dặt dây và thủ lợi. Cuộc cách mạng sinh viên tháng 4-1960 là một dịp mà họ đã không bỏ qua, nhưng đã không thu lượm được kết quả nào vì sự cảnh giác cao độ của nhân dân và chính giới Nam-Hàn.

Còn ở Việt-Nam thì cuộc chiến tranh chủ yếu là một cuộc chiến tranh xâm nhập và du kích. Nó kéo dài dai suốt từ ngày đất nước chia đôi và luôn luôn được tiếp tế, bồi dưỡng, khiến cho tình chiến sự càng ngày càng trầm trọng. Tóm lại, ở Nam Hàn nhờ có cuộc can thiệp kịp thời của Liên-Hiệp-Quốc và nhất là của Hoa-Kỳ trong một cuộc chiến tranh đại qui mô mà toàn bộ lực lượng Cộng-sản đã bị đẩy lui hẳn lên miền Bắc. Còn Việt-Nam thì đang phải đối phó với một cuộc chiến tranh du kích khó khăn nhất của thời đại.

3) Vì không phải lo đối phó với Cộng-sản ở sau lưng, nên Hàn-quốc có thể chuyên tâm vào việc bồi đắp đất nước bị tàn phá trong cuộc chiến tranh vừa qua, chấn hưng kinh tế và thực thi dân chủ. Dân chúng đã trông vào những điểm đó để phê phán chính phủ. Chính vì không thực hiện được những tiêu chuẩn nói trên mà chính quyền chuyên chế của Tổng thống Lý-Thừa-Vân bị lật đổ vào tháng 4-1960 để một chính phủ dân chủ lên cầm quyền (chính phủ của thủ tướng Trương-Miến).

Giải pháp này không những không đem lại kết quả tốt đẹp mà còn làm cho nạn



Thủ tướng Trương-Miến

cộng sản tái xuất hiện và đe dọa nặng nề nền an ninh quốc nội của Đại Hàn. Trong thời kỳ này, nhiều phần tử Cộng-sản, từ trước vẫn hoạt động chìm, đã nắm lấy cơ hội để ra hoạt động gần như là bán công khai, chủ yếu dưới hình thức các cơ quan ngôn luận và nhất là trong giới sinh viên là giới vừa làm một việc cách mạng đầy tinh thần vô tư và mã thượng. Chỉ một năm sau khi cầm quyền, một phong trào nhân dân khuynh tả do Cộng-sản dặt dây đã nổi lên tranh đấu trong tới 90 thành phố ở Nam-Hàn (3-1961) nhân khi chính phủ Trương-Miến ban hành đạo luật an ninh. Những biến cố này đã dọn đường cho cuộc đảo chính quân nhân ngày 16-5-1961 đưa tướng Trương-Đỗ-Anh (Chang Do Young) lên cầm quyền. Ngồi ở ghế thủ tướng kiêm chủ tịch Hội đồng Tối cao kiến thiết quốc gia được vừa vặn một tháng rưỡi thì tướng Trương-Đỗ-Anh bị tướng Phác-Chánh-Hi (Park-Chung-Hi) thanh trừng cùng với một số sĩ quan cao cấp. Tướng

Phác-Chánh-Hi lên nắm chánh quyền từ ngày đó cho đến nay. Ông kiêm nhiệm chức quyền Tổng thống Đại-Hàn và Chủ tịch Hội đồng Cách Mạng và trong một thời gian cũng kiêm nhiệm luôn cả chức thủ tướng nữa. Những biến cố chính trị liên tiếp xảy ra trong 3 năm qua, từ một chính quyền mạnh chuyển sang một chính quyền dân chủ, rồi lại từ một chính quyền dân chủ chuyển sang một chính quyền quân nhân có lẽ còn mạnh hơn chính quyền trước, chứng tỏ là tình hình chính trị ở Đại Hàn vẫn chưa ngừng biến chuyển và người ta còn chờ đợi xem còn những biến cố gì xảy ra nữa, từ nay đến cuộc bầu cử Tổng thống và Tuyển cử Quốc Hội vào tháng 10 và tháng 11 sắp tới mà tướng Phác-Chánh-Hi đã hứa với nhân dân Đại-Hàn mới gần đây.

Trái lại ở Việt-Nam, như chúng ta đều biết, chính phủ của Tổng thống Ngô-Đình-Diệm đã đứng vững suốt 9 năm nay mặc dầu có cuộc biến cố tháng 11-1960. Nhờ có một chính quyền mạnh như vậy mà cuộc chiến đấu chống Cộng mới liên tục và đem lại nhiều kết quả khả quan.

* *

Hàn quốc trước thời kỳ chính phủ quân nhân cách mạng lên cầm quyền

Như chúng ta đều biết, sau cuộc đại chiến lần thứ 2, nửa phía Nam Cao-Ly do quân đội Mỹ chiếm đóng, nửa phía Bắc do quân đội Nga chiếm đóng lấy vĩ tuyến 38 làm ranh giới. Ở phần đất phía Nam, Mỹ đưa Tổng thống Lý-Thừa-Vân về nắm chính quyền, còn ở phía Bắc chính phủ Cộng sản do Kim-Nhật-Thành

(37 tuổi) lãnh đạo, miền Bắc có khoảng 10 triệu dân, miền Nam có trên 20 triệu dân, miền Bắc phần nhiều là núi đồi với hẻm mỏ, miền Nam phần nhiều là đồng ruộng phì nhiêu. Hán-Thành, Bình-Nhưỡng cũng như Hà-Nội, Sài-Gòn. Trong lòng mỗi người dân Hàn-Quốc đều ôm mộng thống nhất an lạc thái bình. Đó là mục tiêu chính yếu mà chính phủ Lý-Thừa-Vân đã đặt ra. Một mục tiêu thứ hai là chống tàn tích của đế quốc Nhật, nhất định không chịu mở cuộc bang giao với nước này. Do đó, trong thời kỳ đầu chánh phủ của Tổng thống Lý-Thừa-Vân được dân chúng triệt để ủng hộ. Năm 1949, Trung-Cộng bá chiếm lục địa và cổ nhiên là ảnh hưởng sâu sắc đến tình hình chính trị ở Nam-Hàn. Một mặt Bắc-Hàn ôm mộng thống nhất xuống phía Nam, một mặt trong nội bộ Nam-Hàn cũng có nhiều phần tử ngả theo Cộng-sản. Một yếu tố nữa cũng quan trọng là 2 nước chiếm đóng Nga và Mỹ cùng thỏa thuận rút quân khỏi Hàn-Quốc, tuy nhiên Mỹ còn để lại chừng độ hai sư-đoàn. Phòng tuyến của Mỹ ở trên vĩ tuyến 38 dần dần do quân đội Nam-Hàn thay thế đổi diện với một bộ đội Bắc-Hàn đông đảo hơn và võ trang đầy đủ hơn. Lợi dụng ưu thế đó ngày 25-6-1950, Bắc-Hàn đã mở cuộc tấn công vũ bão, chọc thủng phòng-tuyến Mỹ Nam Hàn, sư đoàn thứ 25 của Mỹ phải rút lui để tránh khỏi bị bao vây, quân đội Nam-Hàn tan rã, quân Bắc Hàn tiến chiếm thủ-đô Hán-thành. Chính phủ Lý-Thừa-Vân phải thiên đô xuống Phú-Sơn. Quân Bắc-Hàn tiến một mạch bằng hai đường gọng kìm, một từ bờ biển phía Đông, một từ Hán thành tiến dọc theo bờ biển phía Tây, xuống sát

bờ biển phía Nam. Hai sư đoàn 24 và 25 của Hoa-Kỳ được sư đoàn I thủy binh lục chiến tiếp viện kháng cự mỗi ngày một mãnh liệt, hòng làm chậm bớt sức tiến của quân Bắc-Hàn để củng cố đầu cầu Phú-Sơn. Một kế hoạch phản công bất đầu. Mỹ cho đổ bộ sư đoàn II thủy binh lục chiến lên Inchon đe dọa Hán-Thành rồi từ đó cắt đứt đường rút lui của quân đội Bắc-Hàn. Một mặt khác quân đội Mỹ ở khu vực Phú-Sơn phản công kịch liệt, dội bom như thác đổ xuống quân đội Bắc-Hàn làm tan rã tinh thần chiến đấu của Hàn cộng. Biết là không thể thắng nổi và lại lo bị cắt đứt đường về, quân Bắc-Hàn cấp tốc rút lui. Thừa thắng, quân đội Liên-Hiệp-Quốc (chủ yếu là Mỹ) vượt qua vĩ tuyến 38 chiếm Bình-Nhưỡng và tiến thẳng đến bờ sông Áp-Lục (Yalou). Lúc này Trung-Cộng mới ra mặt can thiệp, dồn hàng triệu quân đã tập trung sẵn ở phía Bắc bờ sông Áp-Lục sang tấn công quân đội Liên-Hiệp-Quốc khiến quân đội này bỏ chạy xuống vĩ tuyến 38. Hán thành tướng đã bị lâm nguy lần nữa. Nhưng nhờ viện binh ồ ồ kéo đến nên phòng tuyến dần dần đã đứng vững quanh vĩ-tuyến 38, không di chuyển mạnh như trước nữa. Hai lực-lượng dần dần quân bình nhau và không bên nào dám nghĩ đến tấn công nữa. Một cuộc hòa đàm khai diễn và tiến triển chậm chạp ở khu vực Bàn Môn Điểm (Pamunjom) mà hai bên đều thỏa-thuận là khu phi quân sự. Mãi đến ngày 27-7-1953 mới kết được một thỏa ước đình chiến, giữ mãi tình trạng đất nước chia đôi cho tới ngày nay.

Cuộc chiến tranh vừa qua tuy là rất tàn khốc, nó đã gây tổn kém cho Hoa-Kỳ hơn là cuộc đại chiến thứ II và cố

nhiên là nó còn tổn kém thập bội cho Hàn quốc cả về sinh mạng lẫn tài sản, nhưng nó cũng đem lại một vài cái lợi cho chính nghĩa chống cộng.

— Nó đập tan cái tâm lý trong nhân dân Nam-Hàn, cho rằng Cộng-sản là vô địch. Do đó mà tất cả lực lượng Cộng-sản còn sót lại ở Nam-Hàn dần dần bị quét sạch, và dân chúng không còn ủng hộ Cộng-sản nữa.

— Quân đội Nam-Hàn sau hơn một năm chiến đấu và gần hai năm phòng thủ đã được tu luyện, trưởng thành và đủ sức kháng cự với một kẻ thù lớn mạnh hơn nhiều. Số lượng hiện nay lên tới 600.000 người.

— Quân đội Liên-Hiệp-Quốc sau khi đình chiến có cơ đóng lại Nam-Hàn để phòng thủ và do đó bảo vệ cho chế độ Nam-Hàn khỏi phải nghiêng ngửa vì những biến cố tương tự.

— Chính phủ Lý - Thừa - Văn, vững mạnh và củng cố hơn càng trở nên chống Cộng quyết liệt hơn bao giờ hết. Tất cả những lực lượng chống đối đều bị tan rã. Chính phủ đã dựa vào chính nghĩa chống Cộng và lực lượng quân đội để hủy diệt tất cả những lực lượng đối lập.

*
* *

Chính sách của Lý Tổng-Thống là siết chặt bang giao với Hoa-Kỳ cùng những nước chống cộng quyết liệt nhất ở Á-châu, chống đối Nhật-Bản và tranh đấu lấy một chỗ ngồi ở Liên-Hiệp-Quốc. Ở trong nước, ông tập trung trong tay tất cả mọi quyền hành. Chính sách độc tài của ông đã gây sự bất mãn ngấm ngấm trong dân chúng.

Thành phần xã-hội mà ông dựa vào là thành phần đại địa chủ và đại tư bản sống một đời sống xa hoa, tráng lệ. Nông dân, thợ thuyền vẫn nghèo khổ cùng cực. Nhưng thành phần chống đối mạnh nhất lại là tầng lớp trung gian gồm các giới trí thức, sinh viên, tiểu thương, tiểu chủ, những người phải đóng thuế má nhiều mà quyền lợi lại không có là bao. Đời sống kinh tế trong nước không những không tăng tiến mà còn dần dần bị suy sụp vì lẽ dân đã nghèo lại phải nuôi một quân đội khá lớn, một bộ máy hành chánh quá cồng kềnh. Do đó sự bất mãn tăng gia càng ngày càng lớn. Đến tháng

thứ tư. Ông này là lãnh tụ của đảng dân chủ đối lập. Khi lên cầm quyền, ông lập tức ban hành quyền tự do báo chí và để cho các đảng phái chính trị công khai hoạt động, trừ đảng Cộng Sản là bị ngăn cấm. Tuy nhiên cộng sản vẫn lợi dụng được tình thế, trà trộn vào trong hàng ngũ những đảng phái khuynh tả để dặt dây, phá rối. Nhiều cơ sở bí mật của cộng sản dần dần được phục hồi trở lại. Chính phủ Trương Miến để tiếp tục thi hành đường lối dân chủ, đã ân xá cho nhiều chính trị phạm, nhưng đồng thời cũng bắt giam và đem ra xét xử nhiều vị Tổng Trưởng của chế độ cũ. Nhiều người trực tiếp nhúng tay vào việc tổ chức cuộc tổng tuyển cử gian lận bị lên án tử hình.

Những biện pháp của chính phủ mới được giới sinh viên, trí thức triệt để ủng hộ. Các đảng phái chính trị mọc lên như nấm. Người ta tưởng là một cơn gió mới đã bắt đầu nổi lên ở Nam-Hàn, quét sạch những tàn tích cũ. Nhưng chính sách của thủ tướng Trương Miến chỉ đem lại kết quả ở những nơi thành thị và nhất là ở Thủ đô. Còn ở các vùng quê thì chính sách đó không đem lại được điều gì mới. Đời sống của nông dân vẫn cực khổ. Lợi tức trung bình của người dân Nam Hàn vẫn thuộc vào loại lợi tức thấp nhất (mỗi người chừng 60 đô la một năm). Chính phủ chưa có những biện pháp gì cụ thể để nâng cao mức sống đó lên. Trái lại sau hơn một năm cầm quyền, đời sống kinh tế không những không tiến bộ mà còn suy sụp hơn lên. Ở các vùng thôn quê và tỉnh lẻ, luôn luôn có những cuộc tranh đấu của nông dân và thợ thuyền đòi nâng cao mức sống. Những cuộc tranh đấu này có tính



Trương-Miến-Anh

Chế độ Tổng thống Đại-Hàn sụp đổ vì bị coi là nguồn gốc của độc tài. Một chế độ đại nghị được đem ra áp dụng với ông Trương-Miến (Chang Myun) làm



Đại tướng Trương-Đỗ-Anh và Phác-Chánh-Hi

cách rộng khắp và do cộng sản ngấm ngấm dặt dây. Tình trạng bất an đó đã bắt buộc chính phủ Trương Miễn phải ban hành một đạo luật an ninh. Nhưng chính đạo luật này đã làm cho chế độ đệ nhị Cộng hòa Nam-Hàn bị lật đổ.

*
*

Cuộc đảo chính quân nhân ngày 16-5-1961.

Sự bất lực của chính phủ Trương-Miễn trong vấn đề giữ gìn an ninh trật tự ngay sau khi ban hành đạo luật an ninh (3-1961), những cuộc biểu tình nổ ra trong tới 90 thành phố tại Nam-Hàn, sự đe dọa của Cộng-sản càng ngày càng trầm trọng, thêm vào với nạn tham nhũng mà chính quyền không những không trừng trị được lại nhiều khi còn dung túng nữa.

Tất cả những sự kiện đó đã làm cho dân chúng mất hết tin tưởng vào chính phủ. Phe quân nhân do Trung tướng Phác-Chánh-Hi (Park chung Hi) lãnh đạo đã lợi dụng cơ hội ngàn năm một thuở ấy để đảo chính một cách chớp nhoáng và lên nắm chính quyền, bắt chấp cả dư luận quốc tế và nhất là chính giới Mỹ đang ngạc nhiên một cách khó chịu về hành động của một nhóm quân nhân. Họ dám ngang nhiên điều động một số quân đội từ vi-tuyến thứ 38 về, không kể gì đến sự phản đối của vị thống tướng chỉ huy quân đội Liên-Hiệp-Quốc ở đó, để ủng hộ cuộc đảo chính thành công. Tất cả chính phủ Trương-Miễn đều bị bắt giam. Và sau đó Tướng Trương-Đỗ-Anh được cử giữ chức thủ tướng kiêm chủ tịch Hội-đồng Tối-cao kiến thiết quốc gia. Nhưng quyền bính thực sự ở trong tay

tướng Phác-Chánh-Hi. Giữa 2 vị tướng lãnh này có một sự tranh giành quyền lợi rất gay go. Trong quân đội, tướng Trương-Đỗ-Anh hơn tướng Phác-Chánh-Hi một cấp. Nhưng tướng Trương-Đỗ-Anh lại không phải là người chủ mưu cuộc đảo chánh. Kẻ chủ mưu chính là tướng Phác-Chánh-Hi. Tướng này đưa tướng Trương-Đỗ-Anh ra là cốt để lôi kéo quân đội, vì tướng Trương-Đỗ-Anh vốn là một tướng giỏi được toàn quân mến phục. Nhưng khi lên cầm quyền rồi thì tướng Trương-Đỗ-Anh không muốn bị coi là bù nhìn, ông muốn thực sự tự coi mình là một nhà lãnh đạo cuộc cách mạng quân nhân. Ông lôi kéo một số tướng tá theo ông định âm mưu gạt tướng Phác-Chánh-Hi ra ngoài. Nhưng tướng này đã hành động nhanh hơn. Ông qui tụ quanh ông tất cả lực lượng cuộc đảo chánh, trước bỏ chức bộ trưởng quốc phòng và tham mưu trưởng quân đội của tướng Trương. Ngày 3 - 7 - 61, lấy cớ là tướng Trương đã cùng một số sĩ quan cao cấp trong Hội đồng Tối cao kiến thiết quốc gia âm mưu lật đổ mình, tướng Phác-Chánh-Hi đã mở một cuộc « thanh trừng nội bộ » trước bỏ hết quyền hành của tướng Trương, bắt hạ ngục cùng nội bọn (Tướng Trương sau bị kết án tử hình rồi giảm xuống khổ sai, cuối cùng được tướng Phác-Chánh-Hi ân xá cho về nhà với cha mẹ, vợ con). Từ đó tướng Phác-Chánh-Hi không còn ai là địch thủ nữa. Ông giữ chức chủ tịch Hội đồng Tối cao kiêm chủ tịch Ủy ban thường trực. Chức thủ tướng ông giao cho một vị đại tướng có uy tín trong quân đội và ngoại giao đoàn (tướng Song Yo Chin) nhưng lại dễ sai khiến. Muốn hiểu

rõ vai trò của tướng Phác ta nên biết rằng sau khi nắm vững được tình thế, các nhà lãnh tụ đảo chánh đã ban hành một đạo luật đặc biệt thay thế cho Hiến pháp. Đạo luật này đặt ra một Hội Đồng Tối cao Quốc gia có quyền hành vô cùng rộng rãi gồm 32 hội viên mà Tướng Trương làm chủ tịch và tướng Phác làm phó chủ tịch. Chùm lên trên Hội đồng này có một ủy ban thường trực gồm có 7 ủy viên mà tướng Phác làm chủ tịch. Bảy ủy viên đó tức là 7 vị chủ tịch của 7 tiểu bang Hội đồng Tối cao Quốc gia (Tư pháp, Nội vụ, Ngoại giao và Quốc phòng, Tài chánh và Kinh tế, Giáo dục và Xã hội, Vận tải và Giao thông, Hành chính). Như vậy là Ủy ban thường trực nắm trọn trong tay cả quyền lập pháp lẫn hành pháp.

Lý do thành công của cuộc đảo chánh quân nhân

Chánh phủ Lý-Thừa-Văn tuy là một chính quyền mạnh, kiên quyết chống cộng nhưng lại thối nát, tham nhũng, tàn bạo, làm mất lòng dân. Chính phủ Trương Miến thì lại quá yếu ớt để cho cộng sản lung đoạn. Quốc dân chỉ còn trông vào quân đội. Vì các cấp chỉ huy tướng tá trong quân đội Nam Hàn phần nhiều là những người có lý tưởng, quả cảm, nghị lực. Họ lại trong sạch, bất vụ lợi, nên họ rất khinh những bọn hoạt động chính trị, tham nhũng hại dân. Vì thế mà họ đã được nhân dân tín nhiệm và cuộc đảo chính đã được thực hiện một cách êm đẹp.

Chính phủ quân nhân lên cầm quyền liền ban hành nhiều biện pháp khắt khe nhằm lãnh mạnh hóa xã hội, trừng trị thẳng tay những phần tử thân cộng như giải

SÓNG GIÓ CHÍNH-TRỊ Ở NAM-HÀN

tán các chính đảng khuynh tả, bắt giam hơn 10 vạn người có xu hướng chống đối và đóng cửa tới 2300 cơ quan ngôn luận mà họ cho là tuyên truyền có lợi cho cộng sản. Muốn để đập tan phong trào chống đối, chính phủ quân nhân đã ban hành lệnh thiết quân luật ở Đại Hàn. Biện pháp này mãi đến cuối năm 1962 mới bãi bỏ. Sau khi tổng thống Đại Hàn từ chức, tướng Phác-Chánh-Hi kiêm nhiệm luôn cả chức quyền Tổng Thống và trong một thời gian giữ cả chức thủ tướng nữa. Quyền hành tập trung tới cao độ. Muốn để an lòng dân, tướng Bắc hứa là sẽ trao trả quyền lại cho một chính phủ dân chủ khi nào nắm vững tình thế và nền an ninh văn hồi. Ông cũng ra lệnh cho một ủy ban soạn thảo một bản tu chính hiến pháp. Bản tu chính hiến pháp đó đã được đưa ra trưng cầu dân ý ngày 17-12-1962. Kết quả trong số 12 412.798 cử tri, có 85% người đi bầu và 78% chấp thuận bản tu chính hiến pháp, 20% chống, 2% không hợp lệ. Sau cuộc trưng cầu dân ý này, bản tu chính hiến pháp được coi là bản hiến pháp của nền đệ tam cộng hòa Nam Hàn. Theo bản Hiến pháp đó, chính phủ quân nhân hứa trao trả quyền hành cho phe dân chính sau cuộc bầu cử Tổng Thống và tổng tuyển cử dân biểu quốc hội được tổ chức vào giữa năm 1963. Trong thời gian đó, tướng Phác-Chánh-Hi vẫn là Tổng Thống lâm thời của Đại Hàn.

Chính sách đối ngoại

Việc đầu tiên của tướng Phác-Chánh-Hi khi lên cầm quyền là tìm cách đánh tan mối nghi ngại của Hoa-Kỳ. Hoa-Kỳ ủng hộ chính phủ hợp pháp Trương Miến rất khó chịu vì cuộc đảo chánh

của nhóm quân nhân trẻ tuổi. Tháng 11 - 1961 Tướng Phác-Chánh-Hi phải đích thân sang Hoa-thịnh-Đôn mới thuyết phục được Tổng Thống Kennedy ủng hộ chính phủ mình và tiếp tục viện trợ. Tuy chịu ủng hộ chính phủ quân nhân nhưng Hoa - Kỳ vẫn muốn rằng chính phủ này phải nhường bước cho một chính phủ dân sự càng sớm càng hay. Đối với Nhật-Bản, chính phủ quân nhân cách mạng tiếp tục mở cuộc điều đình để bình thường hóa quan hệ ngoại giao và để nhận tiền bồi thường chiến tranh của nước này. Cộng sản còn tuyên truyền rằng giữa ba nước Hàn, Nhật và Trung-Hoa quốc gia có những cuộc tiếp xúc bí mật để thành lập một khối Liên phòng Đông Bắc Á được Mỹ ủng hộ, nhưng dự định không thành vì không đồng quan điểm với nhau trong vấn đề chống cộng. Đối với các nước Á-Phi và Châu-Mỹ La tinh chính phủ quân nhân cách mạng áp dụng một « chính sách ngoại giao tích cực », đặt quan hệ ngoại giao và thương mại với rất nhiều nước trên thế-giới nhất là các tân quốc gia độc lập ở Á và Phi-Châu. Và do đó đã thu lượm được nhiều sự ủng hộ ở Liên-Hiệp-Quốc.

Những biến cố xảy ra trong nửa đầu năm 1963.

Năm 1963 là một năm có tính cách quyết liệt trong nền chính trị Đại-Hàn. Ngay từ tháng 1-63, một đạo luật được ban bố quy định việc tổng tuyển cử 175 dân biểu quốc-hội. Quyết-định đó đã làm cho bầu không khí chính trị Đại-Hàn sôi sục hẳn lên. Một bên ta thấy giới quân nhân ủng hộ chính phủ đứng ra thành lập một đảng « Dân chủ cộng hòa » do tướng

Kim-Chong-Pil, giám đốc cơ quan tình báo Trung ương đứng ra tổ chức và giữ ghế chủ-tịch. Tướng Kim-Chong-Pil, cánh tả, phải của Tổng Thống Phác-Chánh-Hi, đã phải từ bỏ chức vụ của ông để ra hoạt động chính trị, mục đích để đưa đảng của ông ra tranh cử Quốc-hội hy vọng chiếm đa số ghế, củng cố địa vị của chính phủ quân nhân lúc đó sẽ biến thành dân sự. Phe đối lập cũng hoạt động ráo riết, hai chính đảng lớn nhất là đảng Dân Chính của cựu Tổng Thống Yan Posau và đảng Dân chủ. Hai đảng này liên kết với nhau và yêu sách chính phủ quân nhân phải từ chức để nhường chỗ cho một chính phủ dân sự. Yêu sách này được đa số dân chúng ủng hộ và cũng được cả Hoa-Kỳ tán thành. Muốn trấn an dư luận, tướng Phác-Chánh-Hi đã phải cải tổ chính phủ, đưa vào 5 vị tổng trưởng dân chính. Đồng thời ông cũng tuyên bố sẽ không ra tranh cử Tổng Thống với một số điều kiện như: không báo thù chính trị, thừa nhận cuộc cách mạng quân nhân là chánh đáng và tiếp tục lý tưởng cách mạng đó, (17-2-63).

Tháng 3-63 mới là tháng sóng gió nhất trên trường chính trị Đại-Hàn. Một vụ âm mưu đảo chính do một nhóm quân nhân tổ chức, được phát giác kịp thời. Hơn 30 người bị bắt trong đó có nhiều tướng lãnh cao cấp. Chính phủ lại cải tổ một lần nữa. Ông Thời-Đức-Tân bị mất chức Tổng trưởng Ngoại giao mà ông vẫn giữ từ trước đến giờ (trong thời chính phủ Lý-Thừa-Vân, ông này đã từng làm đại sứ Hàn-Quốc ở Việt-Nam). Tướng Phác-Chánh-Hi đột nhiên thay đổi thái độ và tuyên bố là sẽ mở một cuộc trưng cầu

dân ý về vấn đề triển hạn nhiệm kỳ của chính-phủ quân-nhân là thêm bốn năm.

Lời tuyên bố này đã gây một xúc động rất mạnh trong quần chúng nhân-dân và nhất là trong giới chính-trị Đại-Hàn. Trong vòng tháng ba nhiều cuộc biểu tình của giới sinh-viên, thanh-niên cùng các đảng phái chính-trị nổ ra ở nhiều thành-phố và được đông đảo nhân-dân hưởng ứng. Chính-phủ quân-nhân đã phải ra lệnh cấm biểu tình. Mặc dầu vậy, ngày 20-3-63, các chính-trị gia đối lập, dẫn đầu là cựu Tổng Thống Yun Posan, được đông-đảo nhân-dân hưởng ứng, là bất chấp cả lệnh cấm của nhà cầm-quyền, đã biểu tình rầm rộ, yêu cầu Tướng Phác-Chánh-Hi rút lại ý định triển hạn chính-phủ quân-nhân thêm bốn năm và phải giữ đúng lời hứa với quốc-dân

Thêm vào đó thái độ của Hoa-Kỳ cũng rất bất lợi chánh phủ quân nhân. Hoa - Kỳ công khai phản đối việc Tướng Phác-Chánh-Hi định mở cuộc trưng cầu dân ý triển hạn thêm bốn năm chính-phủ của ông, và yêu cầu ông phải giữ đúng lời hứa với Hoa-Kỳ là sẽ trao trả chính-quyền cho phe dân chính trong một ngày gần đây. Tình hình bang giao Hàn Mỹ có vẻ căng thẳng.

Trước áp lực của cả bên trong lẫn bên ngoài, Tướng Phác-Chánh-Hi bèn thay đổi chiến lược. Một mặt ông cho thêm ra một đảng chính-trị mới nữa bên cạnh đảng Dân Chủ Cộng Hòa: Đó là đảng Pan National để sau này có thêm số phiếu ủng hộ ông trong quốc-hội tương lai, một mặt khác ông để đảng Dân Chủ Cộng Hòa đề cử ông ra làm ứng cử viên Tổng Thống. Như vậy là ông đã định dùng con đường

hợp pháp để trở lại chính-quyền với một đa số quốc-hội ủng hộ mình. Các đảng phái đối lập cũng không vừa. Họ đòi xét lại đạo luật Tổng tuyển cử quốc hội và đặc luật về tổ - chức đảng phái chính - trị để tránh những sự gian lận có thể xảy ra sau này.

Cuộc tranh chấp có vẻ rất gay go. Thêm vào đó, ngày 20-4 là ngày kỷ niệm cuộc cách mạng sinh viên, sinh viên lại biểu tình, rải truyền đơn chống việc triển hạn chính phủ quân nhân. Trước tình trạng đó chính phủ đã phải đưa ra một biện pháp dung hòa như bãi bỏ lệnh cấm hoạt động chính trị, chỉ yêu cầu các đảng tự giác thanh trừng nội bộ và hoãn đến tháng 9-63 mới quyết định xem nên trưng cầu dân ý, hay là tổ chức tổng tuyển cử quốc hội và bầu cử Tổng thống.

Sự luôn luôn thay đổi thái độ của chính phủ quân nhân đã làm cho dân chúng Đại-Hàn mất tin tưởng và các giới chính trị đối lập phải luôn luôn cảnh giác đề phòng những biến cố có thể xảy ra.

Về phía tướng Phác-Chánh-Hi, có lẽ những biến cố chính trị dồn dập sắp đến trong mấy tháng vừa qua đã làm cho ông bối rối: có nên đi ngược lại phong trào nhân dân, bất chấp ý kiến của chính phủ Hoa-Kỳ mà đại sứ Samuel Berger là đại diện, khẳng khái cố bám lấy chính quyền không, hay là nên nhượng bộ trao trả chính quyền cho phe dân chính với một số đảm bảo nào. Cuối cùng ông đã theo giải pháp thứ 2. Ngày 27-7, ông đã chính thức hủy bỏ đề nghị tu chính hiến pháp mà ông đã đưa ra hồi tháng 3 (bản tu chính án đó dự định triển hạn nhiệm kỳ chính phủ quân nhân thêm 4

năm). Đồng thời ông cũng cho công bố một chương trình hành động tiến tới việc thay thế chính phủ quân nhân bằng một chính phủ dân chính, như là bầu cử Tổng thống sẽ tổ chức vào ngày 15-10, Tổng tuyển cử Quốc-hội sẽ mở vào ngày 26-11, và đến ngày 12-12 sẽ tuyên cáo nền đệ tam cộng hòa Nam-Hàn. Ông cũng hứa sẽ duyệt lại ngay đạo luật về tuyển cử để tránh những gian lận có thể xảy ra trong cuộc bầu cử Tổng thống. Nhưng ông chưa đưa động gì đến việc ông có thể ra ứng cử Tổng thống hay không mặc dù Hoa-Kỳ không tỏ ra phản đối hay tán thành việc đó. Các giới chính trị nhất là phe đối lập rất lấy làm hài lòng về lời tuyên bố nói trên của tướng Phác-Chánh-Hi. Tuy nhiên họ vẫn còn dè dặt chưa dám tin hẳn ở thiện chí của chính phủ quân nhân vì trong vòng mấy tháng vừa qua tướng Phác-Chánh-Hi đã thay đổi thái độ tới mấy lần. Nói tóm lại, chính phủ quân nhân Đại Hàn ngày nay đang trải qua một cơn sóng gió nội bộ rất trầm trọng cả về phương diện chính trị, lẫn kinh tế, nên tuy rằng có một vài thắng lợi trên phương diện ngoại giao mà vẫn khó lòng vượt khỏi một cơn khủng hoảng sắp tới nếu cứ ngoan cố giữ lấy chính quyền.

Tuy nhiên chính phủ dân chính tương lai cũng không thể là một chính phủ dân chủ hoàn toàn theo kiểu Tây phương được. Chính phủ đó cũng phải là một chính phủ mạnh thì mới mong giải quyết được những khó khăn nội bộ và đối phó được với những mưu đồ của Cộng sản. Nếu không thì số phận của chính phủ Trương Miễn cũng lại chờ đợi họ.

VIỆT-ANH

BÁCH KHOA CLIX

Cụ Huỳnh-Thúc-Kháng nói chuyện về thơ, tại Nghệ-An trong đó có bài « Con Muỗi »

● TRÁC-NGỌC

L.T.S. — Chúng tôi được Bao La cư sĩ giới thiệu một bài góp ý của ông Trác-Ngọc về bài thơ « Con Muỗi ». Chúng tôi xin mạn phép tác giả trích đăng những phần quan trọng liên hệ trực tiếp đến xuất xứ bài thơ trên đây để vấn đề đang ở tình trạng nghi vấn được thêm phần nào sáng tỏ.

TRONG thời gian 1944, 1945, tôi phục vụ tại huyện Quê-Sơn, tỉnh Quảng-Nam. Tại đó có đồn điền Phước Sơn của cụ Tây-Hồ Phan-Chu-Trình, hồi ấy do con gái Cụ là Bà Đốc Âm quản trị, cùng con gái Bà Âm là các chị Khoách, Kinh, Truyền v.v... (Cụ Lê-Âm lúc ấy là Giáo sư trường Trung học Qui - Nhơn, sau Nội Các Trần - Trọng-Kim cử làm Tỉnh Trưởng Bình-Thuận).

Lúc ấy, anh P.K. cũng người huyện Quê-Sơn, bạn học tôi lúc ở trường Quốc - Học, thường đi lại, và có mượn giúp cho tôi tập di cảo của Cụ Tây - Hồ. (Anh P.K. là một văn sĩ có tên tuổi, nay không biết ở đâu). Chúng tôi xem đến bài thơ « Con Muỗi », cũng đều có ý thắc mắc, vì thấy có ghi một giọng chữ Nho lâu ngày tôi không nhớ nguyên văn, nhưng chỉ

nhớ đại ý là không chắc do Cụ Tây-Hồ sáng tác một mình. Tập ấy có lẽ là một bản sao do Cụ Tân-Sĩ Nguyễn-Đình-Hiền, nguyên Hiệp-Tá, là nhạc phụ bạn P.K. chép lại tôi cũng có đánh máy sao lại nhiều bản, nhưng lúc Việt - Minh cướp chính quyền, tất cả tài liệu của tôi đều bị niêm phong tịch thu hết.

Đến cuối 1946, đầu 1947, Cụ Huỳnh-Thúc-Kháng, Bộ trưởng Nội vụ Chính phủ Hồ-Chí-Minh được đặc phái vào Liên-khu 5 cùng Phạm-Văn-Đồng. Khi đến Nghệ-An, trong lúc chờ đợi liên lạc để Ủy-ban Hà-Tĩnh ra lãnh trách nhiệm hướng dẫn Phái-đoàn, Cụ Huỳnh đã phải lưu lại Bạch-Ngọc thuộc quận An-Sơn, cách Đô-Lương 7 cây số. Ủy ban Kháng- chiến Hành chánh Nghệ - An đã cử một số cán bộ Hành chánh, Đoàn thể và

CỤ HUỖNH-THỨC-KHÁNG NÓI CHUYỆN TẠI NGHỆ-AN...

Công an (có Lê-Kim-Giờc Giám đốc Công an, Liên khu 4, Nguyễn-Duy-Hải tức Phua, Ty trưởng Công an Nghệ-An, Nguyễn-Ngọc-Tuyết, Ủy viên Tổng Thư ký U.B.K.C.H.C. Nghệ-An) để thừa tiếp Cụ và phái Đoàn. Cụ Huỳnh có hỏi về vấn đề tư pháp, nên Ủy ban Nghệ-An vội vàng triệu tập anh Lê-Nguyên-Kháng, biện lý, và tôi là dự thăm đến hầu Cụ. Ngoài các vấn đề hành-chánh, trị an, Cụ có dạy riêng 2 cơ quan Tư-pháp và Công-an phải áp dụng triệt để và phổ biến rộng rãi sắc-lệnh 40 về bảo đảm tự do cá nhân. Sắc-lệnh ấy do Cụ đã ký với tư cách quyền Chủ tịch Chính phủ trong lúc Hồ-Chí-Minh sang Pháp thương thuyết với Marius Moutet, Bộ trưởng Pháp quốc Hải ngoại để ký thỏa hiệp 2-9-46 (Chính nhờ Sắc-lệnh 40 ấy mà trong thời gian từ 1946 đến 1952, các cán bộ tư-pháp thực tâm dân chủ đã ngăn trở Công-An Việt-Cộng bắt bớ giam cầm trái phép trong nhiều trường hợp). Vì chờ đợi Ủy-Ban Hà-Tĩnh lâu ngày, nên trong những lúc nhàn rỗi, Cụ cũng vui vẻ trò chuyện cùng chúng tôi. Nhưng nhận thấy thái độ các cán bộ chính thức Việt-Cộng có ý theo dõi xem xét chúng tôi (bên Tư-pháp, mà chúng cho là phản động) có thừa chuyện riêng gì cùng Cụ Huỳnh hay không, nên Cụ cũng chỉ nói về văn chương, và đặc biệt về một số nhân-vật Quảng-Nam vì anh Lê-Nguyên-Kháng là người Quảng-Nam, lúc học trường Quốc-Tử-Giám Huế, đã từng giúp Cụ cùng Cụ Trần-Đình-Phiên trong tòa-soạn báo Tiếng-Dân. Sau Cụ nghe anh

Kháng giới thiệu tôi có từng sự tại Quê-Sơn, Cụ nói nhiều và Cụ Phan-Quang Tân-Sĩ (và là ân sư của thân-phụ tôi), Cụ Nguyễn-Đình-Hiền Tân-Sĩ, nguyên Tổng-Độc Binh-Định đều là người huyện Quê-Sơn, và là bạn đồng học với Cụ. Sau Cụ cũng có nhắc đến Cụ Tây-Hồ Phan-Chu-Trinh, và hỏi thăm tôi về đồn điền Phước-Sơn.

Cụ có cho biết lúc Cụ Tây-Hồ bị giam tại nhà lao Hộ-Thành ở Thành-Nội Huế cùng nhiều chí-sĩ khác, cổ mang gông, chân tay bị xiềng xích, mỗi khi bị giải lên công-đường để hỏi khẩu-cung bước đi một bước « thời vương » (như câu đối ô. Cao-Bá-Quát), và tiếng xiềng xích khua ròn rảng. Những khi ấy Cụ Tây-Hồ luôn miệng mắng chửi tham-quan ô-lại, thực dân cướp nước, cùng bọn chó săn vong bản, khiến cho mấy công-chức phụ trách biên cung cũng phải ngán. Trong những lúc được chúng đề yên, các Cụ cũng cùng nhau ngâm vịnh, có lắm bài hay được truyền tụng, nhưng theo Cụ Huỳnh nhận xét, thời trong thời gian ở trong Lao Hộ-Thành chỉ có bài thơ tứ-tuyệt Hán-văn của Cụ Tây-Hồ lúc sắp lãnh án đi Côn-Lôn là đặc sắc hơn cả, theo lời Cụ Huỳnh đọc tôi nhớ như sau :

*Luy luy thiết-tỏa xuất đô-môn
Khảng-khái bi-ca thiết tự tôn
Quốc-thổ luân-vong, dân-tộc luy
Nam-nhi hà sự phạ Côn-Lôn.*

Cụ vừa ngâm, vừa giải thích từng câu, từng chữ, có vẻ cảm động lắm, và đến câu thứ 2 Cụ nói : « ảnh (chỉ

Cụ Tây-Hồ) so sánh cái lưỡi của Tô-Tần, chân tay xiềng xích cũng không cần, miễn còn được cái lưỡi là may lắm rồi, có thể kêu gào cho nước, và chười rửa thực-dân cùng bọn bán nước ».

Nhân đó anh Lê-Nguyên-Kháng và tôi có trình hỏi Cụ về bài « Con Muỗi » thì Cụ Huỳnh mỉm cười và nói rằng : « Lúc bị giam ở Hộ-Thành, cổ bị gông, chân bị cùm, tay bị xích, mà xích chùm tay người này qua tay người khác, đêm đến thì muỗi tha hồ mà đốt, không tài nào đuổi được, do đó không ngủ, nên bày ra tiêu-khiển bằng cách làm thơ tập-thể, mỗi người ứng khẩu một câu. Phần Cụ Tây-Hồ lanh trí quá, nên Cụ đã góp vào bài ấy nhiều câu hơn. Cụ Huỳnh có kể cho nghe câu nào của Cụ nào sáng - tác, nhưng vì đã hơn 16 năm qua, thân tôi cũng như tinh-thần đã trải qua nhiều phong-trấn biến - cố tại hậu - phương, lúc vượt tuyến tròn về Miền-Nam, chỉ bận một bộ đồ nâu, mang chỉ một đôi dép lốp cao-su, cho nên không còn nhớ rõ, mà cũng rất tiếc không có tài-liệu để tham khảo lại.

Cụ còn cười mà bảo anh Lê-Nguyên-Kháng rằng « Lúc anh cộng-tác với tôi ở báo Tiếng - Dân, có nhiều anh em sinh-viên Quốc-Tử-Giám cũng đã hỏi tôi nhiều về bài ấy. Có người lại cho là bài ấy được sáng-tác tập-thể trong lúc họp tại nhà Cụ Tiểu-La, nhưng tôi thấy trong các anh em có bọn mặt-thám trà-trộn, nên tôi chỉ trả lời qua loa, để các anh em khỏi bị theo dõi đả lụy ». Cụ lại dạy

thêm : « Bài ấy sáng tác tập - thể trong một khung cánh tù túng, bị muỗi đốt, bị nóng như thiêu, mỗi người mỗi tư khác nhau, hợp chung lại không được thuần-nhất, cho nên không thể cho là đặc sắc được. Phương chi con muỗi nhỏ bé, đã nung thê lực « dạ thần » (Thần-đêm) dung-túng, thừa lúc người ta mê ngủ, hoặc đau có thức mà cô-thê, bị xiềng-xích, không chống cự được, để hoành-hành hút máu, thì so-sánh lại bất kỳ thời đại nào, đất nước nào cũng vẫn có những hạng người ăn nói, và hành động như con muỗi, có gì đâu là lạ. «Cụ còn nói nhiều nữa, ám chỉ hạng người «áo mượn oai hùm», và Cụ đọc câu chữ Hán «Hổ giả hồ oai», rồi nhìn anh Kháng và tôi một cách ý nhị...

Mới rồi, Bao-La Cư-Sĩ đến chơi, thấy tôi đang cầm hai quyển «Bách-Khoa» số 154 và 156 có bài về «Con-Muỗi» Bao-La Cư-Sĩ mới hỏi tôi : «Nghe nói lúc bạn ở Quê-Sơn có sao được di-cảo của Cụ Tây-Hồ, sao không lên tiếng góp thêm ý-kiến cho công luận ? »

Tôi không dám có tham-vọng lớn lao góp phần công luận như Bao-La Cư-sĩ đã bảo, nhưng cũng cố gắng ghi lại mấy dòng trên để tỏ lòng sùng-bái tưởng-niệm các bậc chí-sĩ tiền-bôi đã xả thân vì nước, đồng thời cũng để tạ lòng người tri-ký đã khuyên khích, và xin trân trọng đề bạn tùy nghi sử dụng...

THE CHARTERED BANK

Anh-Quốc Ấn-Chiều Ngân-Hàng

(Thành-lập tại Anh-Quốc do An-Chiều năm 1853)

SỐ VỐN : 6.600.000 Anh-kim
DỰ TRỮ : 7.150.000 Anh-kim



LUÂN - ĐÔN TỔNG - CỤC

38, Bishopsgate, London E. C. 2



SAIGON CHI - CỤC

CHI - CỤC CHÍNH : 3, Đường Võ-Dĩ-Nguy

CHI - CỤC PHỤ : Đại - lộ Thống - Nhất

(Immeuble Esso Standard Eastern Inc.)



NAM - YANG CHI - CỤC

10, Phlaup Preah Kossamac



CHI-NHÁNH THÀNH-LẬP TẠI CÁC NƯỚC VIÊN-ĐÔNG



Phụ-trách tất cả các công việc ngân-hàng

Có Đại-diện khắp hoàn-cầu

**TỔNG PẢO HIỂM CÔNG TY
HỎA HOẠN**

TAI HẠI GÂY BỞI CHẤT NỔ

VON : 1.500 TRIỆU PHẬT LĂNG

**Cie d'Assurances Générales contre
l'Incendie et les Explosions**

Capital 1.500.000.000 Frs.

**TỔNG PẢO HIỂM CÔNG TY
TAI NẠN**

GIAN PHI — HÀNG HẢI — RỦI RO

VON : 3.000 TRIỆU PHẬT LĂNG

**Cie d'Assurances Générales Accidents
Vol — Maritime — Risques Divers**

Capital : 3 Milliard de Frs.

CÔNG TY BẢO HIỂM PHÁP A

BẢO HIỂM MỌI NGÀNH

VON : 288.750.000.000 PHẬT LĂNG

Assurance Franco Asiatique

Assurances Toutes Branches

Capital : 288.750.000.000 F

**NHỮNG CÔNG TY BẢO HIỂM LỚN NHẤT
VÀ ĐÃ HOẠT ĐỘNG LÂU NĂM NHẤT CỦA PHÁP**

CHI NHÁNH TẠI SAIGON

26, đường Tôn-thất-Đạm (tên cũ Chaigneau)

Điện thoại : 21.253 — 23.913

CÁC TRẺ SƠ SINH

VÀ TRẺ EM

NUÔI BẰNG

SỮA BỘT



Guigoz

— Mau mạp

— Ít đau

— Chóng lớn

— Khỏe mạnh

Tổng phát hành : TRUNG VIỆT DƯỢC PHẠM CUỘC

66, GIA-LONG — SAIGON

Văn-ngệ với chánh-trị tại Liên-Xô

TRONG lãnh-vực văn-chương, danh-từ « bồi bút » đã được dùng đầu tiên để chỉ một số văn-sĩ tại các nước độc-tài Cộng-sản, trong buổi đầu là tuân lệnh các nhà độc-tài để được yên thân, về sau là tìm đón ý-muôn của những người có quyền thế để tán-dương.

Mới đây báo-chí Việt-Nam đã đăng nhiều tin liên-quan tới tình-trạng của giới văn-ngệ tại các nước Cộng-sản. Ta hãy thử tóm-tắt các giai-đoạn giữa nghiêng của các nhà văn từ Thề-Chiến thứ nhì tại Liên-Xô, hiện giờ còn là nước Cộng-sản số 1.

Thề chiến thứ nhì và những năm sau

Trong thời-kỳ chiến-tranh Đức-Nga, Staline đã phải áp-dụng một chính-sách cởi mở hơn để tạo điều-kiện tâm-lý cần-thiết để thúc-đẩy sự tham-gia của toàn dân. Như vậy là trước

một nguy-cơ cấp-bách con người độc-tài số 1 cũng đã phải lộn về một định-lý thông-thường : muốn thúc-bách nhân-dân tranh-đấu phải gây một không khí cởi mở, người dân có thể tin vào chính quyền. Trong không khí cởi mở ấy, các văn-sĩ Liên-Sô đã nói ra được nhiều điều, đối với người ngoại-quốc thì chỉ là những lẽ phải thông-thường, những định-lý căn-bản như đã trình-bày ở trên, nhưng tại Liên-Xô thì là những điều tương-đối lạ tai vì không khí ngột thở đã đẳng-đẳng đè nén người dân trong 20 năm trường.

Trong tập bút-ký của Eugène Evtouchenko, do báo Express sưu-tầm, có nhận xét sau đây : « Trong thời chiến-tranh, sinh-hoạt của nhân-dân Nga đã giản-dị hơn vì thành-thực hơn. Đó là một lý-do của sự thắng-trận ».

Trong cuốn « B. S. Jivago », Boris Pasternak viết « Mặc dầu không-khí

VĂN-NGHỆ VỚI CHÁNH-TRỊ TẠI LIÊN-XÔ

giải-phóng mà nhân-dân mong đợi trong khi tác-chiến đã không thực-hiện cùng với sự thắng trận, *những tiến-triệu tự-do* vẫn lớn vồn trên không-trung trong suốt thời-kỳ hậu-chiến và là *nội dung lịch-sử duy nhất của thời kỳ ấy* ».

Trong cuốn « Người, thời-gian và đời sống » (Les hommes, les années, la vie), Ilya Ehrenbourg đã xác-nhận hy-vọng rằng chế-độ độc-tài Liên-Xô sẽ dần dần dân-chủ hóa, hy-vọng ấy chính là động-lực đã thúc-đẩy các binh-sĩ Nga chiến-thắng Đức-quốc. Ông viết : « Năm 1942, thi-sĩ Goudzenko nói về tương-lai một cách nghiêm-trọng và đầy tin-tưởng. Cũng như các bạn của ông trong quân-đội và đại đa-số nhân-dân, ông tin chắc rằng đời sống sẽ tốt hơn, trong sạch hơn, công bằng hơn, sau khi chiến-thắng ».

Tất cả các hy-vọng ấy (chỉ là những sự-thực tại các nước không độc-tài) đã biến thành thất-vọng. Sau ngày chiến-thắng, các văn-sĩ Liên-Xô đã trải qua những năm khó thở nhất, còn ghi sâu vào ký-ức của nhân-dân Nga, và gọi là « thời kỳ Jdanov ». Chế-độ độc-tài Cộng-sản đã khai-thác những nguy-cơ cấp-bách để lợi-dụng lòng ái-quốc của người dân và của văn nghệ-sĩ, nhưng sau khi củng-cố địa-vị, người độc tài đã lật-lọng dân vì bản-chất của độc-tài bao giờ cũng là nghi-ngờ dân chúng.

Sau khi Staline chết

Với cái chết của Staline đã bắt đầu một thời-kỳ tranh-đấu giữa văn-nghệ-

sĩ Liên-Xô và Đảng. Cuộc tranh-đấu ấy, khi công-khai khi ngấm-ngấm, hiện-giờ chưa kết-liệu và mỗi năm mang thêm một tia sáng rõ ràng hơn về lập-trường của đôi bên.

Ta đọc thấy trong cuốn « Văn-Học Sử Liên-Xô » do Viện Hàn-Lâm Khoa Học Liên-Xô xuất bản năm 1960 : « Một tâm-trạng hoang-mang, chính-kiến bất-định, ngờ-vực và e-dè đối với các văn-đề lý-thuyết, đã bộc-lộ trong giới văn-sĩ và các giới nghệ-sĩ khác. Năm 1953 và 1954, tập-san Novy Mir đã đăng nhiều bài của Pomérantzev và một số văn-sĩ khác, tỏ ra thái-độ hoài-nghi đối với nền văn-chương Xô-viết, chống đối các nguyên-tắc của chủ nghĩa xã-hội thực thể và chính-sách của Đảng trong lãnh vực văn-chương ».

Sự thực các văn-sĩ Liên-Xô có đòi hỏi điều gì kỳ-lạ đâu, họ yêu cầu ít lắm : giảm bớt sự chi-phối của Đảng, được phép nói ra những ý-nghĩ và xúc-động thực-sự của con người, được quyền thấy con người như thế nào thì mô-tả như thế chứ không phải sắp-xếp theo ý-muốn của Đảng, Nhà văn Pomérantzev viết trong tập san Novy Mir, số 12, năm 1953 : « Cách-thức trình-bầy các sự việc có thể là một việc nhân-nghĩa giả. Tất cả những gì không phải do chính tác-giả cảm thấy hoặc nghĩ thực đều là nguy-biến. Dù tô-điểm sự-thực một cách tinh-vi đến đâu, người ta cũng sẽ nhận những điểm giả-tạo. Nguy-biến thô-sơ nhất là làm như cái gì cũng tốt đẹp cả ».

Ilya Ehrenbourg đã trình-bầy những nguyện vọng của giới văn-nghệ sĩ trong cuốn « Le Dégel » (sự tan giá, tình trạng tan ra nước). Khrouchtchev đã phê-bình danh-từ « tan giá » như sau : « Danh từ bóng bầy ấy không cho chúng ta một ý-niệm đích-xác về tính chất của các thay đổi nguyên-tắc từ ngày Staline chết ». Tám năm sau, cuốn Văn-Học Sử Liên-Xô đã phê bình cuốn Le Dégel là : « bi-quan, có tác-dụng làm nổi bật lên một cách đơn phương những thiếu sót trong xã-hội Xô-viết ».

Lời ám-chỉ của Khrouchtchev đã rơi và chỗ không người : các văn-nghệ sĩ vẫn e-dè đối với chế-độ. Vì thế cuối năm 1953, tức là ngay trong năm Staline chết, Chính-phủ Xô-viết đã triệu tập một « Hội-Nghị Văn-Sĩ Liên-Xô » với mục đích tố-cáo mọi « mưu-mô thoát-ly Đảng ». Các cuộc thảo-luận đã gay go ngay từ ngày khai-mạc, phản ánh một luồng tư-tưởng chống đối mọi mệnh-lệnh đơn-phương (diktat) của Đảng trong địa hạt Văn-Chương. Các cấp lãnh-đạo Đảng đã dùng lời-lẽ dọa-nạt, nhưng chỉ có người yếu bóng vía mới chịu khuất-phục (Souvarine phê bình như vậy). Hội nghị đã thất-bại, không-khí nghi-kị vẫn tồn-tại.

Vì thế cuối năm sau, Chính phủ Xô-Viết đã triệu tập « Hội-Nghị Văn-Sĩ Liên-Xô thứ 2 » từ 15 tới 26 tháng 12 năm 1954. Nhà văn Constantin Simonov (đã bị Đảng mua chuộc) nhân danh các nhà chức-trách Liên-Xô tuyên-bố phủ đầu như sau :

« Tôi thấy cần xác nhận một lần nữa rằng nguyên tắc trung thành với Đảng trong địa hạt văn chương, và nguyên tắc tích cực tham gia vào công cuộc tranh đấu của chủ nghĩa cộng sản, không thể đem ra bàn cãi. Tất cả những ý kiến trình bày, rõ ràng hay úp mở, có mục đích khiến cho văn chương chuyển hướng ngoài cuộc tranh đấu của chủ nghĩa Cộng-sản, không những là những ý kiến hồ nghi mà còn là những quan điểm chống đối tinh thần của nền văn chương Liên Xô ».

Không phải rằng tất cả giới trí thức Liên-Xô đều hèn hạ. Mặc dầu lời cảnh cáo trên, nhiều văn sĩ đã chống đối lễ lờ chi phôi của Đảng. Nhà văn Kaverine đã nói như sau tại Hội-Nghị :

« Tương lai mà tôi tưởng vọng có nhiều điều hiện giờ còn là ảo tưởng.

« Tôi tưởng tượng một nền văn chương có một tinh thần xét luận mạnh mẽ và độc lập, tự mình ấn định con đường phải theo để phát huy bản năng của người văn sĩ và các hy vọng tương lai trong địa hạt văn chương.

« Tôi tưởng tượng một nền văn chương trong đó tòa soạn các tạp san dám đứng cảm bảo vệ các tác phẩm đã đăng tải, dám tranh đấu cho lập trường của mình liên quan tới mọi vấn đề và không bỏ rơi những tác giả bị lãng nhục.

« Tôi tưởng tượng một nền văn-chương trong đó những lời phê bình, dù rằng do một nhân vật có nhiều quyền thế nói ra, cũng không ngăn

VĂN-NGHỆ VỚI CHÁNH-TRỊ TẠI LIÊN-XÔ

cần nổi một tác phẩm, vì sở phạm của tác-phẩm ấy cũng là sở phạm của tác giả.

« Tôi tưởng tượng một nền văn chương trong đó việc dán lên nhà văn những nhãn hiệu phỉ báng là một hành động ô nhục, có thể đưa ra Tòa trị tội ».

Kavérine đã gián tiếp nói ra những « cái nhục » của nhà văn Liên-Xô, và ông ta cũng nhận rằng ước vọng của ông ta còn là ảo tưởng. Thực ra những ước vọng ấy chỉ là lẽ phải thông thường, mà ông vẫn phải coi là ảo vọng. Điều đáng khen là ông ta đã dám nói ra một khung cảnh mơ ước coi như một mục tiêu tranh đấu. Khrouchtchev đã trả lời Kavérine :

« Thực là nhầm lẫn nếu tưởng tượng rằng với những điều kiện Xô-viết hiện tại người ta có thể phụng sự nhân dân mà không tích cực tham gia công việc thực thi chính sách của Đảng ».

Tờ báo Izvestia, tức là cơ quan ngôn luận của Chính Phủ Liên-Xô (tờ Pravda là cơ quan của Đảng) đã nổi lời Khrouchtchev và viết : « Tự do sáng tác chỉ là một nhận định nhu cầu. Cá tính của một nghệ sĩ chỉ có thể nảy nở nếu hắn chịu khuất phục trước các mệnh lệnh của cộng-đồng. Được thế cộng-đồng sẽ hiểu hắn và sẽ ủng hộ hắn ».

Hội-Nghị Văn Sĩ Liên-Xô 1954 đã biểu lộ ý định của Khrouchtchev muốn chỉ phôi giới nhà văn. Trước bộ máy mạnh-mẽ và thẳng tay của Đảng, các

văn sĩ Liên-Xô đành phải chọn con đường tiêu cực : không xuất-bản nữa. Hai năm sau Khrouchtchev mới hiểu, vì vậy trong năm 1956 đã có một « thời kỳ tan giá ». (Năm 1956 cũng là năm triệu tập Đại Hội Cộng-Sản thứ XX, Đại-Hội này đã khơi mào phong-trào hạ-bệ Staline được công khai phát-động tại Đại Hội thứ XXI).

Trong thời kỳ tan giá, những cuốn sách « phản động » sau đây đã được xuất bản : « Người ta không phải chỉ sống vì bánh mì » (*L'homme ne vit pas seulement de pain*) của W. Doudintzer, « Những đòn bẩy » (*Les leviers*) của A. Yachine « Bảy ngày trong tuần lễ » (*Les sept jours de la semaine*) của S. Kirsanov, « Ý-kiến cá nhân » (*L'opinion personnelle*) của D. Granine.

Nhưng thời kỳ tan giá đã không bền. Ngày 12 tháng 1 năm 1957 Chính-phủ Liên Xô tổ chức một phiên nhóm khoáng-đại của Hội Liên-Hiệp các Văn Sĩ Ukraine để « tố cáo tinh-thần quốc-gia, tinh-thần nghi hoặc, sự tự do hỗn loạn mà văn-chương Liên-Xô đã phản ánh ». Tiếp theo Hội-Nghị Ukraine, Liên-Xô đã tổ chức 48 hội-nghị tương tự tại khắp nơi trên lãnh thổ Liên-Xô chỉ có mục đích « tố cáo những nhầm lẫn trong địa hạt văn-chương ».

Trước hiện tượng « tái-băng » (*regel*) các văn-sĩ Liên-Xô danh tiếng lại lộn về thể tranh đấu tiêu cực như trước. Lần này Khrouchtchev hiểu nhanh hơn nhưng ông ta không triệu tập Hội-Nghị Văn Sĩ Liên-Xô, ông ta tổ chức một phiên nhóm khoáng đại các văn-sĩ từ 14 tới 17 tháng 5 năm 1957.

Sobolev, một nhà văn của Đảng tuyên bố như sau, trước sự hiện diện của Khrouchtchev :

« Sự im lặng của các ông đầy nguy hiểm. Nó làm lạc hướng độc giả. Nó có nghĩa gì ? Nó giấu giếm cái gì ? Một sự khinh rẻ ý kiến của người khác chăng ? Hay là một tin tưởng kiêu hãnh rằng các ông không nhầm ? Sự im lặng ấy nghĩa là gì ? »

Nikita Khrouchtchev nói lời : « Có những người chán-ngán trước những hiểu thị của Đảng và của Chính-Phủ trong địa hạt văn-chương. Cũng có khi họ chống đối ra mặt, nhiều khi họ trò chuyện ngậm-ngậm để trao đổi những tin-tưởng chống đối. Những tin tưởng ấy trái với các nguyên tắc lê-ni-lit...

Đảng tố cáo tất cả những người dựa vào lỗi-lầm của chế độ để chống đối sự xen lẫn của Đảng và của Chính-Phủ vào địa hạt văn chương và nghệ thuật».

« Tòa soạn một số tập-san văn-chương và nghệ-thuật, cũng như giám đốc một số nhà xuất-bản, không xứng đáng »

Tổng-cộng 98 nhà văn, nam và nữ, bị tố giác. 15 tập-san văn chương, một số kịch-đoàn, một số nhà xuất-bản bị phê-bình. Chỉ có một nữ văn-sĩ, Marguerite Aliquer, chịu « tự thú ».

Thế rồi sự im lặng tiếp-tục... mười tháng sau, xảy ra vụ Pasternak.

(Còn tiếp một kỳ)

NGUYỄN-HỮU-DUNG

SOCIÉTÉ D'OXYGÈNE ET D'ACÉTYLÈNE D'EXTRÊME-ORIENT

(S. O. A. E. O.)

DIVISION VIETNAMIENNE :

2, Nguyễn-Trường-Tộ (Khánh-hội) — SAIGON

Tél. : 23.741 — 23.742

★★

Fabrication : **Oxygène — Acétylène — Gaz Carbonique**

Vente : **Hydrogène - Ammoniaque - Cyclopropane
Protoxyde d'Azote — Argon etc...**

● *Matériel pour soudures oxy-acétylémique et électrique.
Installations de gazothérapie.*

Note service technique d'application est à la disposition de la clientèle pour toutes études et installations.

người
em
quê
hương

Mến gửi NG. TH.
(Vinh-Điện)

Khi chiếc lá khởi hành trong bờ ngõ
sóng từng cơn xô tập nẻo bờ xưa
vì sao lạnh đã một lần băng vỡ
nỗi hoài mong vàng úa tự bao giờ
trong thăm lặng lớp sương mờ mịt.
đã lan ra bao phủ cả linh hồn
rồi một đạo bông nắng vàng le lói
những mầm non dần phôi-phôi lên xanh
và hơi ẩm cũng len dần trong máu
dù mơ hồ hứa hẹn ánh bình-minh
một buổi sáng ghé qua miền yêu dấu
để nhen thêm đốm lửa mới lên màu
đôi mắt sáng thêm đẹp miền cây cảnh
làn môi tươi thêm ngọt nước đồng sông
hương mái tóc ngát thơm mùi lúa chín
nét ngáy-thơ hồn thôn dã mệnh-mông
niềm thương nhớ lẫn tình quê man mác
chưa một lời nhưng rào-rạt men hương.
giữa sa-mạc bao-la màu biển cát
những bàn chân xiêu lạc bước đi hoang
để xoa dịu đôi bờ môi khô rát
người lữ-hành mơ tưởng một dòng sông
một con suối, giải hồ xanh thơm ngát
với lùm cây bóng mát đứng chờ trông
mảnh hồn đơn một hoàng cung diễm-tuyệt
nằm im-lìm hoang-phế đã từ lâu
nên đã chọn bóng hình xinh xắn ấy
đặt lên ngai bằng hoa cò muôn màu
dù thần tượng chẳng bao giờ có mặt
cũng từng đắm hương ngượng vọng dâng đầy
chẳng mong nếm mật thơm bằng chót lưỡi
giá trần gian thường vượt quá tầm tay
chỉ nghe lại âm thanh huyền diệu đó
từ những dây đàn lạnh đã lâu ngày
đủ sung sướng vì được còn đau đến
bởi bàn tay bé nhỏ bấm vào tim
xin cảm-tạ với trọn nguồn nước mắt
nâng quyền ai làm xác chết hồi sinh
khi số phận đã hết quyền chọn lựa
cũng đành mong hạnh phúc của đau thương

Định Hoàng Sa
(hành trình)

BẢN KHOẢN

Rung rung bọt bề đau lòng
biết thân rã mục cũng mong vững bền
lời rằng : hạt cải đức tin
đủ gieo cội đức lớn sinh con người
sao tôi những lắm bồi hồi
hồn hoang biển vắng nụ cười héo hon ?
tay nào xưa đuổi cô đơn
tay nào run rẩy níu dòng thời gian
chốc nghe băng tuyết giữa đường
kiếp phù sinh đó lỗ làng, xót xa !



LỮ TRÌNH

Đã qua rồi mấy hoàng hôn
bóng mình nhìn lại vẫn còn ngẩn ngơ
bốn phương thăm thăm dấu bờ
thuyền mây cô lữ ngại giờ bỏ neo
đã bao trận gió thổi vèo
với bao luồng sóng nặng đèo phía sau
con làu lái giạt về đâu ?
ôi ! hun hút mãi nẻo sâu tâm hồn
nghe lòng đã quá bốn chôn
niềm đau lục địa, nỗi buồn đại dương
vây quanh màu cỏ miền trường
kiếp người hóa cuộc hành hương lạnh lùng
nào ai mơ chốn non bằng
nào ai mơ đến tận cùng kiếp mây ?
buổi tẻ một mảnh thân gầy
lữ trình cùng nghĩa lưu đầy đó chăng ?

hữu-phương

4 | Người tìm tuyệt đôi

Mây bay :

Ôi, tiếng gọi xa-xăm
Muôn đời theo ám-ảnh
Là khát vọng sưu-tầm
Ra suối nguồn lý-tưởng

Hiếu người là giới-hạn,
Hắn ngược lối trần-gian,
Để bảo-vệ ngọc vàng
Sáng ngời kho ý-thức.

Chân lý trong cô-đơn
Như hoa rừng rữ chết,
Xin cầm tay chứng nhân
Để thấy mình bất-diệt.

Với cõi lòng tha-thiết
Đưa con hoang hồi-hương.
Tóc đượm mùi nguyên-thủy
Hoa lá nhạt bên đường

Và áng mây nào trôi dưới khe ?
Giữa trưa thương nhớ, gió xa về.
Đường xưa ngập bóng hàng thông ấy,
Ai hát ven rừng, ôi, đắm mê.

Hôm nay quay trở lại,
Linh-hồn không dấu-che.
Những lý-do xưa không chính-đáng
Đã lừa dối đời ta ngao-ngán,
Phải tiêu-tan như mây khói chôn hư-không
Đà sông trào-dâng cuộn-cuộn trong lòng,
Tim non dại đã bắt nguồn sự thật !
Nắng cao-cả trút hồng trên mặt đất !
Ôi, ta nghe hòa điệu buổi chim về,
Gió trong cành vừa thổi nhạc đê mê...
Dạ chập hẹp thành bao-la sông-núi

Nhập vào tình nhân-loại thuở sơ-khai.
Không phân biệt thiên-thần hay ác-quỉ,
Đây trần-ai, trần-ai và trần-ai.

Lời giới thiệu :

Tiếng ca bắt mạch cuộc đời
Hôm nao đã mắt đón mời chàng
trai.

Hắn về trái mộng dưới hài,
Để trong tương-đôi dệt lời muôn năm

Ta góp hương-hoa muôn-phương dựng
một trời,

Em đi trong trời mộng đó, em ơi !
Trước mắt sâu thê-gian dầu đỏ vỡ,
Dầu tóc xanh còn đượm mùi man-rợ,
Ta vẫn về định nghĩa lại con người
Rượu linh-hồn dục-vọng có làm vơi,
Sẽ rót ngập bằng men nồng thanh-khiết.
Em sẽ thấy cuộc đời là bất-diệt,

Nỗi thương đau tô thắm nét môi đào.
Ôi, mắt ngời trong sạch như ca-dao,
Vì chân lý biện minh trong giới-hạn
Nắng phương nào, nắng buổi chiều lai-
láng,

Bức hương nồng từ đất mẹ thom-tho.
Buổi ra đi ngõ cũ không hẹn-hò
Lúc trở lại lá thu tàn lảnh-lẽ.
Tình-yêu âm-thầm tạo-xây trần-thê,
Âm-thanh đời nở hoa trắng rừng-rưng,
Ta nghe tim rung-động nhịp vô-cùng...

Cuối hành-trình, một vì sao xuất-hiện
Trên vòm trời hoàng-hôn vừa tan-biến.
Ta đi vào bóng tối hái tương-lai,
Xin hiến-dâng cho tóc đẹp em cài...

dạ-thảo

Sự an nghỉ của người chiến sĩ

(Giới thiệu tác phẩm *Le Repos du Guerrier*
của Christiane Rochefort giải thưởng Nouvelle
Vague 1958 của Pháp)

LE THEIL là một nữ sinh viên Triết học, một mẫu phụ nữ đợt sống mới toàn vẹn nhất. Nàng mồ côi cha, mẹ đi lấy chồng; nàng sống cuộc đời hoàn toàn tự do của một người độc thân, đã trưởng thành, biết sử dụng tự do và nhận lấy trách nhiệm.

Nàng về một tỉnh nhỏ thừa hưởng sản nghiệp của một bà cô để lại, và nhân dịp ấy làm quen với một thanh niên trong một trường hợp đáng làm người khác sợ dựng tóc gáy. Quả vậy, lần đầu tiên vì mở lổm cửa phòng nàng gặp Renaud Sarti thì Renaud đã uống hết hai ống thuốc ngủ và đã lạnh giá như một cái cây ma.

Khi người ta khám phá ra một cái cây ma người ta bắt buộc phải làm gì, ai cũng biết: trình báo, làm chứng, thăm hỏi v.v... nhưng người ta không bắt buộc phải yên cái cây ma ấy. Đành rằng thế,

nhưng trường hợp cô sinh viên này là trường hợp tiếng xét ái tình...

Nàng đầy đủ lý trí và tự chủ để chọn con đường si mê, và có đủ nghị lực để chịu đựng mọi thông khổ. Còn Renaud Sarti là một người điên sáng suốt vô cùng, một người đã mất hết cả chỉ còn có lý trí mà thôi. Đó là những bề ngoài mâu thuẫn của hai tâm hồn bí hiểm thực ra không thiếu tính chất phong phú. Tư tưởng « đợt sống mới » vượt những khuôn khổ cố định những cách nhìn bất di dịch, muốn tìm trong những yếu tố có vẻ không hợp lý của đời sống, sự thật sâu xa và mẫu nhiệm cầu thành muốn về linh động của đời sống đó. Quan niệm duy lý suy diễn ý nghĩa một vài nét vẽ của đời sống theo một chiều nào đó và gọi là hợp lý, là thực chất của trật tự và tiến hóa. Nhưng Renaud, người điên của ta, không chấp

SỰ AN NGHỈ CỦA NGƯỜI CHIẾN SĨ

nhận quan niệm ấy. Le Theil biến mình vào trong sự say mê, đồng nhất hóa với ái tình để tìm một lẽ sống. Còn Renaud không có trái tim, từ khước giá trị tâm tình của ái tình. Hai tâm hồn kỳ dị ấy cầu thành một tấn kịch đời nhờ đó Le Theil nhận chân được bộ mặt thâm kín nhất của tâm hồn nàng. Tuy cạnh khía nhìn tấn kịch ấy người ta sẽ thấy ý nghĩa hay vô nghĩa, nhưng ít ra người ta cũng đồng ý về một điểm là những yếu tố thêu dệt nên cuộc sống không phải là thuần lý hay thuần lý hoàn toàn. Trên bước đường tiến tới người ta bị dẫn dắt bởi một sức mạnh không thể hiểu được bằng lý trí, một sức mạnh tiêu biểu cho sinh lực của tiềm thức, của những bản năng thâm kín, những mặc cảm sâu xa; sinh lực đó có cái gì là xây dựng cho cuộc sống không?

Chúng ta phải lắng nghe Le Theil nói non kể lẽ một vài khúc truyện tâm tình mới biết :

*
* *

Một việc nghĩa. Tôi muốn làm gì cho hân. Rồi từ đây sẽ hết thắc mắc và thăng cha Renaud này, bỗng khi không nhảy vào bước đường đi của người ta mà tự tử. Từ hôm qua tới nay cứ nghĩ đến hân là sốt cả ruột. Xét cho cùng tôi cũng lấy làm hối hận (vì đã cứu hân để hân phải sống). Phải trả món nợ này.

Bởi vậy ngày hôm sau tôi bước vào cửa nhà thương, trong lòng nhẹ nhõm vì chắc chắn mai này sẽ làm được việc thiện.

Tôi thấy con mắt của tôi ngồi trên ghế đang ngắm nghĩa cô khán hộ.

Người y dài như một cây ngô, một cây hồng dây. Y ăn mặc đúng thời trang, rất lịch sự. Như vậy không phải vì nghèo khổ mà tự tử, có thể gần đây y mới bị khánh tận gia tài.

Cô khán hộ bảo tôi :

— Cô sẵn sóc cẩn thận ông ấy mới được, ông ấy đi chưa vững đâu. Bây giờ phải ăn cử. Ông Sarti, ông còn giữ đơn của thầy thuốc không ?

— Giữ đơn làm gì ? Cô tưởng tôi thích đau ốm lắm hay sao ?

— Thôi chào ông. Và đừng có điên rồ như thế nữa !

— Tôi cũng mong thế.

Nhưng chàng lắm bâm : « Lần sau tôi sẽ tìm nơi khác, ở đây người ta chưa chạy cẩn thận quá ».

Cô khán hộ nghiêm mặt :

— Ông không được nghĩ thế, nếu ông còn đại dột nữa ông sẽ biết.

— Cô cứ yên tâm, bây giờ khó lắm, tôi đã nản lòng rồi. Phải có thì giờ lấy lại sức mới có thể « đại dột » được nữa chứ !

Cô khán hộ so vai :

— Vậy mà chúng tôi đã chứng nhận rằng ông ta không điên, trí óc sáng suốt !

Người ta cho là một việc làm rất tự nhiên khi giao người ốm này cho tôi, làm như tôi là người nhà của hân vậy. Renaud cầm lấy cái cặp da rồi

« chúng tôi » đi ra. Y đi bên cạnh tôi, bộ điệu rất ngây thơ. Tôi có một cảm giác ngượng ngịu không rõ rệt.

.

— Tại sao ông lấy lại được cái cặp da ?

— Sở cảnh sát có nhĩa ý mang lại cho tôi, lấy cơ muốn biết rõ tôi là ai, có ai ám sát tôi không ? Tôi mong rằng cô không bị tình nghi, — người ta không khám phá ra một cái tử thi mà lại không mắc tai họa gì.

— Ông khỏi lo, tai họa nhẹ thôi. Tôi có đủ bằng chứng để tỏ ra mình không dính líu.

— Tôi đã đánh tan sự nghi ngờ cuối cùng : Tôi khai rằng chính tôi ám sát tôi. Duyên cớ : quyền tự vệ chính đáng để chống lại chứng thao thức, mất ngủ, nhưng tôi đã đại dột. Xin có lời căn dặn : đừng bao giờ thú thật như vậy cả. Ấy, tôi dặn cô như thế tuy cô không có sẵn khuynh hướng tự sát, nhưng biết đâu đây ! Tốt hơn hết nên nói tự tử vì tình, chỉ có cách ấy là được tha thứ mà thôi. Ai cũng có cảm tình với người đau khổ vì tình. Tôi đã làm thế đó.

Bỗng chàng quay lại nói thêm với tôi, làm như là tôi chú ý đến câu chuyện lắm : « nhưng không phải thế ».

— Không phải thế thì tại gì ?

— Tại chán đời, nhưng nói chán đời thì người ta ghét. Người ta trách tôi đã liệng giầy cản cước đi mất. Thì tôi đã tưởng không cần đến nữa, nhưng tôi đã làm to. Tôi lại trở về

với xã-hội với đủ tên tuổi, chức nghiệp, vậy tôi có thể tự giới thiệu : Renaud Sarti, không có nghề gì nhất định. Sự giao thiệp của tôi với cô có thể trở nên bình thường.

Chúng tôi tiến về phía trung tâm thành phố, tiến chậm chạp vì y có vẻ mệt nhọc. Đáng ra tôi mượn tắc-xi đi thì phải hơn.

— Cái cặp của ông có nặng không ?

— Có cái bàn chải răng, — người ta giữ cẩn thận cái bàn chải răng như vậy khiến ta phải nghĩ rằng xã hội cưỡng chế người ta ghê gớm đến thế nào. Cái bàn chải răng, hình ảnh cụ thể của Siêu-Ngã, của ý thức kiểm soát, sắc mùi thuốc sát trùng, để trừ tà ma, chướng khí. Tà ma, chướng khí ngày nay đã bị tiêu mòn đồn mặt đến nỗi phải soi kính hiển vi mới thấy. Đó là tình trạng thoái lui của mê tín dị đoan ; nhân tiện tôi nói qua thế thôi. Tóm lại chỉ có cái bàn chải răng và quyền Don Quichotte, cuốn sách đầu giường của tôi. Cô thấy không ? Tôi cũng có máu hiệp sĩ.

— Ông nên biết, tôi không có ý cứu ông, chỉ vì tôi vào lầm nhà mà thôi.

— Ừ, tôi chỉ đợi cô nói ra. Nhưng điều đó đáng nói lắm. Nếu cô có chủ ý cứu tôi, tôi sẽ nhò vào mặt cô, chứ đâu có tiếp đãi cô nồng hậu như vậy. Cô cũng công nhận rằng tôi lịch sự lắm đây chứ !

.

— Khung cảnh thật là trợn vện. Bây giờ cô lại phải che chở cho một tâm linh hồn vì cô đã cứu nó, tuy

SỰ AN NGHĨ CỦA NGƯỜI CHIẾN SĨ

nhien, cô vẫn có thể quảng nó đi cũng chẳng sao. Nó chẳng đòi hỏi gì cô cả, nó cũng chẳng đòi hỏi gì ai. Nó bắt cần tuốt cả.

Tôi không ngờ rằng y nói thật. Dầu sao y cũng đã qua cuộc thử thách, y có thể giỡn chơi. Người này nói cái gì tôi cũng thấy hoàn toàn hợp lý. Tôi bị lôi cuốn theo. Tôi có một cảm giác kỳ lạ.

— Nhưng trước hết tôi mong ước một điều cuối cùng, đó là một cốc rượu rum hay rượu gì tương tự, vì tôi là một tên tội phạm quá tầm thường, đến phải phát ngán. Nhưng cô phải mời tôi mới xong vì tôi chẳng có gì dính túi.

— Thì hẳn rồi. Đó chẳng phải là bốn phận tôi hay sao ?

Tôi đã sơ hở. Người này có tài làm tôi ngu muội. Nhưng không sao, tôi định cho hắn ít tiền, vậy tôi có thể đãi hắn một ly rượu và một gói thuốc.

Y uồng ly cỏ-nhắc, thông thả nhấp từng hớp nhỏ, rồi thở khoan khoái :

« Giờ tôi xin theo cô ».

Thật là trời xập, tôi đã đụng phải con ác quỷ. Đó chỉ là một câu lịch sự, nhưng ở miệng y nói ra, câu nói diễn tả một sự thật đúng với nghĩa đen. Y nói : Tôi xin theo cô, tôi nghe ra ngay là con quỷ ấy thuộc về tôi. Nhưng tôi biết làm gì nó bây giờ ? Mắt y nheo lại, có nghĩa là « cô vẫn có thể bỏ mặc tôi, không sao ».

Than ôi ! Tôi không còn tự do nữa. Tim tôi đập mạnh, cổ họng nghẹn

ngào. Tôi không chịu được cái nhìn của y, mắt tôi không rời được hai bàn tay dài thượt của y, hai bàn tay cầm đồ vật một cách thần nhiên mà đầy ý tứ. Chưa bao giờ tôi thấy vật gì linh động như thế. Máu sông lên làm tôi đỏ mặt. Tôi muốn hai bàn tay ấy sờ vào người tôi. Tôi hóa điên rồi. Người tôi đã biến đổi mãnh liệt. Tôi yêu. Tôi yêu người này, yêu từ lúc đầu.

Chàng ngồi trước mặt tôi mỉm cười, tay cầm cái muống như chiếc đũa của viên nhạc trưởng, chỉ dơ lên là loạt âm thanh ào ra như đợt sóng. Chàng thấy hết, chàng thuộc lòng bản nhạc. Cái muống khẽ đưa lên, tôi thỏ thẻ :

— Ông đưa xem cái đơn thuốc nào.

Thoát. Như người đau đẻ vừa hạ sanh. Tôi đã thú nhận rồi. Chàng biết rõ. Và chẳng chàng biết từ lâu. Chàng đã mở màn khai diễn từ lúc đầu. Con vật trong người tôi làm tôi khó chịu, mới được một phút nó đã lớn ra chiếm hết cả chỗ, nó là tôi. Suốt trong đời tôi, tôi không công nhận tôi có tiếng xét ái tình, tiếng xét ấy đã giết chết « tôi quá khứ ». « Tôi mới » vừa ra đời trước mắt Renaud, trước hai mắt thần nhiên của Renaud. Chàng đưa cái đơn thuốc cho tôi, chạm vào tay tôi, vô tình hay hữu ý ? Con vật rên lên. Mảnh giấy trên tay tôi rung mạnh. Chữ nghĩa đảo lộn, tôi không hiểu gì cả, tôi không biết đọc nữa.

Bây giờ mới thấy sự việc xảy ra có đủ ý nghĩa : tại sao tôi đi qua dưới chân cái thang, tại sao tôi chọn khách sạn Hòa Bình, tại sao tôi tắt tả trở về đây lúc 6 giờ, tại sao tôi mở lăm cửa, mà chìa khóa mở vừa ? bởi vì tôi yêu Renaud Sarti. Khi sức mạnh của ái tình đã an bài, người ta thấy rằng đời sống bị cái gì huyền bí chi phối chứ không phải những sự kiện hợp lý.

Khi đèn khách sạn tôi làm cho chủ quán phải sửng sốt. Nhưng ông ta hiểu, sự hiện diện của Renaud làm cho mọi việc đều rõ ý nghĩa. Ông ta không lăm. Chàng thanh niên ấy là « của » tôi. Người ta thấy rõ tôi yêu chàng cũng như vẫn thấy cái mũi ở giữa mặt một người.

Vậy hôm nay tôi yêu một người mà hôm qua tôi chưa biết có mặt ở trên đời, điều này mà xưa nay óc suy luận duy lý của tôi vẫn cho là không thể có được. Bàn tay ấy, khuôn mặt ấy cái miệng ấy, thân hình cao lớn ấy, tôi thấy gần tôi hơn chính thân thể tôi, đó là xương thịt tôi, thể chất tôi nôi dài ra, đúng hơn, tôi là phần nôi dài của nó, tôi tùy thuộc từng cử động nhỏ của nó.

Chàng cầm cánh tay tôi — lạy chúa —, con vật trong người tôi cựa sùng sục. Chính chàng chứ không phải người khác, chàng ở ngay kề bên tôi, chàng sờ đến người tôi, chàng làm cử chỉ đầu tiên ấy. Tất cả vũ trụ tự bố trí để thích ứng với sự hiện diện của người mới đến này. Chàng đã thành ông chủ, ra

lệnh cho tôi làm những việc mà tự tôi không bao giờ dám làm. Tôi nói bằng một giọng trắng trợn :

« Tôi phải đèn thăm căn nhà mới thừa hưởng của bà cô. Ông có thể đi với tôi được không hay ông còn mệt quá ? ».

Thực ra tôi chẳng cần thăm căn nhà nào cả. Nhưng tôi cần phải ngồi một mình với chàng, giữa hai bức tường, cách biệt tất cả.

Cửa vườn mở ra kêu rít lên, một điệu nhạc thần tiên. Thảm cỏ xanh đầy lá rụng, những gốc hồng uốn vòng cung đã tàn hoa. Nước mưa âm ướt, hương hoa thoang thoảng. Renaud thích mùa thu. Tôi mở cửa vào rồi đóng cửa lại. Renaud đặt cặp xuống rồi ôm lấy tôi một cách tự nhiên mỉm cười.

Chỗ của tôi trong tay chàng đã được sửa soạn từ lâu.

.

• •

Ái tình đã biến cô Le Theil ra một người khác, nhưng Renaud vẫn không yêu nàng. Chàng vẫn là người chết rồi, là cục đá, hòn sỏi, kéo lê cái xác không hồn theo nàng.

Nàng đem Renaud về Ba-Lê để cho chàng sống như một cái máy, cuộc sống rút lại chỉ có những hoạt động đơn giản : ngủ, ăn, uống, hút, làm ái tình. Nàng sống với một người chết, người chết thu hút nàng toàn vẹn đến nỗi nàng không nghĩ đến mẹ và bỏ rơi cả người yêu trước.

Renaud vẫn lạnh lùng với tất cả. Chàng sử dụng căn nhà đủ tiện nghi không phải với tư cách người được mời đến dự tiệc trà mà với tư cách một chủ nhân ông. Trong lồng son cóng sứ chàng có đủ : tiểu thuyết trinh thám, rượu whisky, thuốc lá, ngăn kéo riêng đựng xì-líp, bút tất, tủ đầy sơ-mi, áo len, giấy. Chàng sống như một cây cò đại ở giữa những vật ấy, không thấy gì cả, chàng cũng không ngó ra ngoài, trông lên trời. Đôi với chàng cũng không có thời gian nữa vì ngày nào cũng cứ thế trôi đi không có gì khác cả. Le Theil chiêm được chàng nhưng cũng chỉ chiêm được cái bóng của chàng mà thôi. Renaud đã bảo thẳng cho nàng biết rằng nàng theo đuổi làm gì vô ích, chàng không tin ái tình còn là cái gì khác hơn thú vui nhục dục, chàng không tin nàng giữ chàng lại vì lý do nào khác lý do chàng là người đem lại cho nàng những thú vui nhục dục đó.

Tình yêu của nàng là « một hình thức trả ơn những thú vui nhục dục của người đàn bà tri thức ». Chàng muốn chết để chôn tránh ái tình nhưng khi chết lại thấy ái tình ! Chàng xin « đánh cá một ly la-ve rằng lúc xuống mồ còn được một con sâu đất say mê như điều đó ».

Nàng sắp sửa cho rằng sắc đẹp của mình được cái vinh dự quyền rũ chàng ở lại, nhưng một ngày kia nàng đau đớn mà hiểu rằng nàng đã lầm, chàng ở lại vì ở đây có tiền mua rượu để uống để quên đời.

Nàng chịu đựng được hết chỉ vì nàng yêu và tin tưởng ở tình yêu của mình. Nhưng tin tưởng thế nào ? Nàng hãy biết dừng lại ở ý thức tin tưởng xuống, không

đi xa hơn, vì Renaud coi thường tình yêu ấy, và chỉ đợi nàng chán nản, có khi còn giúp thêm nàng điều kiện để chóng chán nản mà bỏ cuộc.

Hai người thành ra dự vào một cuộc thách đố nhau rất gay go. Renaud thách nàng chịu đựng sự hành hạ, chàng cố ý làm cho thêm cay nghiệt, Le Theil thách đố chàng có thể cứng rắn đến mức nào mới chịu hàng phục trước tình yêu cao cả mộng mên của nàng và trở lại với cuộc đời mà chàng ghê tởm quá rồi.

Người đọc tự hỏi : « Thực hay bịa ? » Người đọc không kịp suy nghĩ, không kịp phán đoán, vì người kể chuyện với một giọng chân thành cởi mở nhất nói với chúng ta những ý nghĩ thâm kín, thấp hèn nhất của con người, những điều táo bạo nhất xưa nay thói tục không muốn đặt vào miệng một người đàn bà.

Cái người ta gọi là kỹ thuật văn nghệ đợt sóng mới đó tác động dồn dập và mãnh liệt không để cho người đọc kịp thở. Kỹ thuật ấy là kỹ thuật bắt người ta chia sẻ cách nhìn của mình, kỹ thuật lẫn át, chỉ phôi người đọc, độc quyền tác động đến tâm thần để hướng cảm tưởng chung về một chiều nào đó. Nếu nói kỹ thuật vì kỹ thuật thì quả thật kỹ thuật này sắc bén, nhưng sử dụng kỹ thuật một cách tinh vi là một chuyện, văn nghệ đạt được cái gì bằng kỹ thuật ấy lại là một chuyện khác.

Ta hãy cứ nghe nốt câu chuyện tâm tình của nàng Le Theil.

* *

Quả thực tôi không thể làm gì được, ái tình của tôi đã phá sản rồi. Thôi, chàng bỏ đi như thể còng rảnh cho tôi thoái bộ hết cả.

Tôi trở giầy mặc áo như một cái máy. Ra phố mua một chai Whisky và một ông thuốc ngủ với đơn thuốc của Alex (y sĩ gia đình vừa là bạn của Le Theil). Trở về, tôi uống một ly lớn Whisky, rồi lại ly thứ hai, đầu tôi quay cuồng, tôi nằm xuống giường, tim tôi đau, từ đây tôi thọ bệnh.

Tôi khóc lâu lắm và thê thảm lắm. Tôi chợt hiểu rằng tất cả chỉ là một tấn hài kịch vô nghĩa lý, và tự hỏi, thực ra tôi có yêu Renaud không, hay câu chuyện này chỉ là cách thơ mộng hóa một cơn mê sảng mà có nhiều sự kiện may mắn thuận lợi đã giúp cho nó thành hình : câu chuyện tự tử rất cảm động, bước chân đến một nơi lạ, về người kỳ dị của Renaud, tình trạng mất hẳn thói quen hàng ngày, tóm lại những sự kiện mới lạ xảy ra cho mình. Giả thuyết này có vẻ được lắm, nhất là khi trái tim tôi đang ớn lạnh và trống trải, nó chấp nhận không chút phản đối.

Tôi qua một cơn khủng hoảng rồi mê man cho đến tang tảng sáng. Tôi đau mệt quá không giậy được. Cơn ho lại nổi lên, nhưng chưa có máu. Ngực nặng và nóng như than.

Sau đêm ấy Alex đến khám bệnh cho nàng thì may vừa kịp lúc để chở nàng vào

nhà thương. Bệnh nàng trầm trọng lắm. Thấy thuốc đã thất vọng.

Trong lúc mê sảng không bao giờ tôi nói đến bà Charron (bà khám hộ). Nghe thấy tiếng nói tôi mở mắt ra và thấy Renaud ngồi ngay trước mặt tôi, Renaud bằng xương bằng thịt. Chàng nói :

« Anh cần em, em làm anh có nhu cầu ở trần gian, có nhu cầu của loài người. Anh đã bầu víu vào cuộc sống.

Lúc ấy một nhân viên nội trú bước vào với bà Charron, chàng vội nói với họ : « tôi xin theo bà ra ».

Chàng hôn tay tôi rồi theo hai người cảnh binh ra một cách ngoan ngoãn. Tôi bấm chuông gọi bà Charron vào, và khi bà vào tới cửa, tôi ném ngay cái đồng hồ để bàn vào giữa mặt.

Mấy ngày sau bà thấy tôi vẫn không chết nên làm lạnh với tôi, làm lạnh với Renaud nữa. Chàng chỉ đến vào những giờ được phép vào thăm.

— Sống với em anh thấy cô liêu lạ lùng, anh thấy cô liêu như khi anh chỉ có một mình, như khi anh sống với người nào cũng thế, cô liêu như bất cứ bao giờ, cô liêu như mình thấy mình cô liêu lúc mở mắt ra. Người ta cô liêu vì tất cả mọi người đều có mặt với mình. Còn em, em khác anh ở điểm ấy, em thỏa hiệp với em lạ lùng. Ái tình của em nó lại cũng là em đó. Không biết vì ảnh hưởng tâm lý nào

SỰ AN NGHĨ CỦA NGƯỜI CHIẾN SĨ

mà không có em anh lại càng cô liêu hơn ? Trả lời : Anh không tự tức tự mãn như anh đã tưởng. Anh đã tự tạo ra tình trạng lệ thuộc để tự làm yếu mình đi. Trong người anh giờ có một đứa trẻ bị lạc. Cái đó chẳng vinh dự gì cho anh, nhưng anh tự đặt cho mình một nguyên tắc : trước khi phản ứng hãy quan sát hiện tượng. Anh đau khổ vì em bỏ anh, sự đau khổ càng mãnh liệt thêm vì thêm rượu.

Một sự thiếu thôn quan trọng — vì em làm anh thành người nghiện rượu nặng lắm.

« Anh đã xuống thấp quá, anh hạ mình xuống hỏi thăm người gác đàn. Con mụ nhìn anh một cách ghê tởm (Và lại lúc đó anh bán thlu kinh hồn) mụ cho biết em đi rồi. Anh xuống thấp một bậc nữa, hỏi em đi đâu. Mụ không biết. Xin thú thực anh thấy đau đớn. Nhưng cũng may, trước khi ập cửa vào mũi anh, mụ buột miệng nói « đi nhà thương ! ». Câu nói đó đã cứu anh. Em có tin anh không ? Ngay lúc ấy trái tim anh mềm yếu đi.

« Sự yếu hèn của con người. Em biết cho anh đang lúc cơ cực, không ăn uống gì, đang thiếu thôn. Vậy ra em ra đi không phải em có ý định ra đi, em bị bắt buộc phải đi, em không chủ ý đổi chỗ ở để đuổi anh đi. Người khác đã chủ trương việc này : anh thấy mẹ em lại với ba người đi theo hộ vệ (cũng phải cần đến số người ấy mới đủ). Nếu em chết, người giết em không phải ở đâu xa, nó ở ngay trong người anh này. Điều đó làm anh khó chịu. Trách nhiệm của anh đã

rõ rệt. Anh thấy rõ em ho, thấy thấy thuốc của em, hình rọi kiềng phôi của em. v.v..., Mina lại nói cho biết là em đau phổi. Nhưng đau phổi không ngăn cản được em trưởng thành, theo anh hiểu, em muốn làm gì thì làm, em hoàn toàn trách nhiệm về người em, anh không cần biết đến. Em thấy không, đó là ý tưởng của một người đầy đủ lý trí, anh không phải là người ấy nữa nhưng anh cũng không quên rằng quan niệm ấy hợp lý. Không ai trách nhiệm về ai cả, nghĩ thế là phải, nhưng bây giờ anh biết rằng anh đã nghĩ vậy. Bây giờ anh nhận có trách nhiệm về sự đau khổ của em. Em ạ, đời sống được xây dựng bằng những nhảm lẫn. Theo lẽ phải thì chết, đời trá thì sống. Anh biết rằng như thế thì ghê tởm quá, nhưng đời là thế !

« Quan niệm có trách nhiệm cá nhân là một ý nghĩ hèn mọn, một người thực sự không nên có, lúc nào cũng chỉ nên chấp nhận một quan niệm trách nhiệm không về ai cả. Ừ ! mà anh lạc lối rồi...

« Anh đã có ý thức về trách nhiệm cá nhân. Em chết vì một cái thầy ma đã chết rồi thì thật là một việc vô ích và ngớ ngẩn. Khách quan mà nói, anh không đáng thế, tuy anh kiêu ngạo thật, nhưng anh biết giới hạn của anh. Anh không muốn thế, như các viên tướng thường nói. Anh chỉ muốn đánh em ngã quỵ chứ không muốn em xuống mồ. Cái đứng đắn nghiêm trang nó làm người ta chết mòn khiến cho anh lộn ruột, anh phải căm mồm, thầy một cô ả có cái tròn đẹp dễ như vậy mà mắc bệnh khôn nạn ấy thì bức

mình vô cùng. Anh không yêu em, anh cũng không thèm muốn em — trừ ra trường hợp anh muốn cái gì sẵn sàng để hôn để yêu, — anh xua đuổi con quý, cầm dao sắc chém nó như em biết đây. Anh đã bắt được một con, chỉ buông nó khi nó ngã quỵ. Đứng đắn nghiêm trang bị phanh thây. Trong người em chẳng có cái gì đáng giá, chỉ có cái tròn là đáng kể, em đồng ý chứ ?

« Giả dối, dưới mái tóc chải đứng đắn, dưới chiếc áo trắng tinh tươm chỉ có sự giả dối ! Em cũng như hàng triệu người như em, em không phải là một ngoại lệ, em là trường hợp thông thường, cái mà anh ghét thậm tệ. Anh tự nhủ : ta đã bắt được một mạng rồi đây. Y như khi người ta có chấy, không thể bắt được hết, nhưng giết được một con cũng hả. Bây giờ anh mới thấy mình chông rỗng : anh không có gì nữa. Bởi vì, em biết đây, anh không quan tâm đến tình dục. Đừng làm ra vẻ ngạc nhiên thế, điều ấy đã rành rành. Nếu trong người anh có cái gì thiếu thốn, thì đó là tình dục. Anh không cần nó. Anh nói rằng muốn xua đuổi con quý ở trong người em chứ không muốn biết em cùng với nó. Mà anh muốn thế để làm gì ? Thật là ngu ngốc. Thế là thua cuộc, thua cuộc mà lại còn chịu trách nhiệm. Nói khác đi, anh không phải là một người nữa, anh đã ngã quỵ rồi. Từ trước đến nay anh vẫn khắc nhổ vào mọi thứ ở trần gian, anh trong sạch, anh là trời và anh không muốn dứt bỏ ý kiêu mạn đó. Nhưng bây giờ anh phải dứt bỏ

nó. Anh ngã quỵ rồi. Anh tìm thấy mình có lỗi, có kẻ thù : đó là tình yêu. Anh đã bị cột vào trần gian hữu hạn để nó giữ chặt lấy mình, nó thắt ruột mình lại, nó lôi kéo mình xuống. Từ trên cao thăm anh lẫn nhào xuống không có gì chông đỡ ».

*
* *

Con quái vật ấy mềm lòng và người yêu hẳn khỏi bệnh. Đó là hai sự kiện mở màn cho giai đoạn thứ hai cuộc phiêu lưu của hai người. Giai đoạn này có khác chẳng là khác về bối cảnh, chứ Renaud vẫn giữ nguyên những nét chính của tâm trạng người quái gở, tuy chàng tuyên bố chàng đã ngã quỵ, đã xuống dốc rồi. Không còn là khung cảnh âm thầm trong căn phòng kín đáo ở Ba-Lê. Le Theil thuộc về giai cấp khá phong lưu nên nàng có phương tiện du lịch sang Ý, sang Thụy Sĩ, đi lấy gió ở các bãi biển. Họ làm quen với những bạn bè mới. Những dịp họp bạn là những dịp để cho Renaud phô diễn những quan niệm ngang tàng về cuộc đời. Rồi việc đời dồn dập chẳng chịt dây ngang dây dọc như tơ nhện dần dần dạy cho Renaud học trở lại làm người, dạy chàng học rung cảm với một trái tim, học bận bịu về một cái gì.

Le Theil bị một sức mạnh huyền nhiệm dắt nàng tiến tới trên đường tình, nàng chịu đựng còn hơn trước, nàng tin tưởng tình yêu của nàng mạnh hơn lòng kiêu ngạo và sự chán nản của Renaud. Sự trí thích ứng với cuộc đời làm cho Renaud bỗng nhiên già đi, mỗi một, cần nghỉ ngơi, cần « ngủ như chết ». Chàng cần sự an nghỉ của người chiến sĩ. Á

ình và Le Theil bây giờ là liều thuốc chỉ thông mạnh để chàng chết khỏi đau đớn.

Rượu là thuốc hủy hoại thể chất Renaud chóng vánh, thấy thuốc cho biết chàng không còn sống bao lâu nữa. Có lẽ viễn tượng hãi hùng ấy đã làm cho tiềm thức nàng thấm ước có con với Renaud để lưu lại chút gì của chàng, để chiêm được Renaud bằng đường lối khác, trong khi đường lối bây giờ đã thất bại. Nàng có thai với Renaud. Renaud được tin ấy không đến nỗi phát điên mà bỏ chạy.



Renaud bình tĩnh đến ngồi cạnh giường :

— Anh với em sửa soạn làm hôn thú đi. Ai tình thẳng rồi, thẳng hiển nhiên.

— Em không muốn nhân lúc anh mềm yếu để đeo xiềng xích vào người anh. Hãy đợi lúc anh tỉnh lại.

— Anh không muốn tỉnh lại, anh muốn buông trôi hết. Không phải sự mềm yếu trong chốc lát đâu. Đây là anh tự thú sự yếu hèn chính cốt,

em nên nhân lúc ấy mà hành động, em biết nhiều khi anh có những phút kiêu căng ngu ngốc bất thần. Em hãy xích cổ anh lại, anh muốn xiềng xích, càng nhiều càng nặng càng hay. Anh đã ngã quy rồi, anh không được quên điều ấy. Đầu đuôi câu chuyện chỉ là anh tưởng mình là ông trời, anh uống rượu để tin tưởng như thế, nhưng không phải thế. Phải chấm dứt những trò hề lố lăng này ! Anh không thể một lúc ngồi lên hai cái ghế, một cái bập bênh, chỉ trong sạch lắm mới ngồi được, anh không trong sạch, truyện của anh chỉ là một truyện xấu xa quá đến có vẻ hoang đường. Còn cái ghế kia, là cuộc đời bình ổn giản dị mà anh hoài vọng.

.

Chúng tôi làm lễ cưới ngay, trong vòng thân mật. Alex làm chứng cho tôi, còn André làm chứng cho Renaud. Đó chỉ là hình thức. Nhờ hình thức ấy chàng nhượng cho tôi quyền bắt buộc chàng phải chấp nhận cuộc sống bằng những phương tiện tự tôi chọn lấy.

CÔ LIÊU

- Trẻ, là có một khối óc tính toán và một tấm lòng không suy tính.

René Bazin

- Muốn khởi sự làm một công trình gì, mà cứ chờ thân mình thật sẵn sàng, sức khỏe mình thật đầy đủ và sức lực mình thật vững chắc, thì đối với nhiều người, đó là tự giam mình trong bất động, là làm đời mình căn cỗi.

Henri Perreye

Ngợi ca bằng hữu tương lai

Hỡi anh em bằng hữu
Xin dơ tay chào mừng
Những con người dân chủ
Mọc như cây mùa xuân
Tôi làm người diễn giả
Lời hứa hẹn vô cùng
Tim tôi bừng cháy lửa
Ngày tương lai rất gần
Môi cười và cửa mở



Ba mươi triệu đồng bào
Xin nghe tôi đón chào
Bằng điệu kèn long trọng



Tôi thành thực thú nhận
Bởi hai chân đã què
Không còn lê được nữa
Nên tôi dùng hơi thở
Phả vào mặt mỗi người
Mà khuyến khích nụ cười
Nở xanh rờn đồng cỏ
Bởi vì tôi nghèo khó
Sống rất đầy lạc loài
Nên kêu gọi suốt đời
Hợp cộng đồng nhân loại
Tôi mừng tuổi xã hội

Bằng đồng tiền linh hồn
Tôi giàu hết u buồn
Nghiêm trang lên tiếng nói



Ôi em bé lên mười
Sao thân yêu gần gũi
Ôi bà mẹ tôi cười
Long lanh dòng nước mắt
Cử những khúc hùng ca
Đam mê lời lịch sử
Xin hãy dịu tôi nữa
Em vô cùng xanh tươi
Cho tôi góp một lời
Cử hành ngày trọng đại
Trên đèn ngòm ông khói
Em đồng trình tương lai
Cao vô-cùng tiếng hát
Ôm chặt cảnh hạnh phúc
Nở từng lá từng mầm
Đôi má em rất hồng
Lời thon mà ngực nở
Tôi làm người diễn giả
Lý luận rất hùng hồn
Hãy giàu hết u buồn
Vui tươi lên tiếng nói

PHAN-DUY-NHÂN

khi con

nửa tuổi

Con nằm đó, say sưa mùi giấc ngủ
— Lòng mẹ êm ấm lắm, phải không con ? —
Đôi mắt bé hoa cười còn nguyên nụ,
Bàn tay ôm bầu vú sữa no tròn...

Cha viết đây, để vài mươi năm nữa
Giấy phết nào ngồi nhắc chuyện thần tiên
Con sẽ đọc : Giữa tháng ngày khời lửa
Mẹ sanh ra một đứa bé : Huiền-Huiền.

Cha nó nghèo, lương giáo viên phụ khuyết,
Ông nó già, mẹ nó yếu... buồn chưa ! ?
Làng quê nó — đến bao giờ nó biết ? —
Đã cháy rồi ! Còn tro bụi nắng mưa !

Nhà cất tam nơi Xóm Đường ngập cát,
Mái thấp lè tè, không một tàn cây.
Lửa mùa hạ nung mặt mày bỏng rát,
Hơi mùa đông tê buốt tấm thân gầy !

Cha nó suốt ngày cặm lưng giấy mực,
Mẹ nó tiện tăn, đồng gạo, đồng than.
Gần cuối tháng bao đêm dài thao thức :
Sữa, thuốc cho con ? Ôn ngkia ? Xóm làng ?

Đời héo hắt thiếu thức ăn bổ dưỡng,
Nhưng trò vui, giải trí... tưởng như không.
Thấy tập báo hay, mượn hoài đăm ngượng,
Rạp xi nê chưa lấy được đôi đồng...

Con nghĩ thế nào ? Chính là sự thật...
Sống thế này có đáng sống đâu con !
Nhưng, khổ sở, chán chường... tan biến mất
Khi con vui, con cất tiếng cười giòn...

Con là ngày mai của cha của mẹ,
Con giúp cha mạnh bước trên đường đời.
Tiếng nói gió của con đủ khe kẽ
Là cả trời cao, biển rộng... Con ơi !

Cha không nói cha vì con vui sống ;
Trái lại, nhờ con cha mới sống vui.
Con quay nhìn thời thơ không thất vọng ?
Hay cũng như ai, tủi phận, ngậm ngùi ?

Nếu có thể, hãy tự mình an ủi
Để tự mình hãnh diện lấy, nghe con :
— Ngay từ thuở mới lên vừa nửa tuổi
Bốn phận giúp cha giúp mẹ đã tròn...

TRẦN-HUIỀN-ÂN

Tuy-hòa, 1963

Mùa hoa soan

truyện ngắn Vô-Hồng

Nhatrang . . . tháng . . . năm . . .

Chị Hoa,

Em chán quá chị ơi. Không biết học trò của chị ra thế nào chứ học trò của em sao mà chúng làm em nản lòng đến thế. Đêm đêm mình cặm cùi dưới ánh đèn, soạn bài thật đầy đủ, chằm bài thật kỹ lưỡng và lúc nằm xuống giường sắp đặt trong óc những điều sẽ giảng sáng hôm sau. Chỉ những lúc ấy là vui. Mình nghĩ đến những kiến thức ngày mai sẽ rót vào tâm trí của những đứa em của mình. Thật là phần khởi biết bao khi mình tưởng tượng rằng sau một giờ nghe giảng dạy các tâm hồn ấy thấm nhuần những tư tưởng mới, giống tựa những mảnh đất hoang khô cằn trong phút chốc đã xanh màu búp non, lá mới, trắng, hồng, những nụ hoa đầu. Ấy vậy mà khi vào lớp

ngồi giảng bài thì những bức tức ở đâu dồn dập đến đầy xa cái cảm giác êm đềm của mình như những cánh bướm yếu dù cố sức chông lại vẫn bị ngọn gió mạnh cuốn đi mất.

Học sinh họ ham chơi nhiều quá. Mình tận tụy ngồi giảng mà có một số cứ nhất định lén nói chuyện. Có lẽ tại em là cô giáo trẻ chẳng ? Hay tại vì em hiền lành chẳng ? Nếu thế thì con người quá đáng ghét thật. Họ chỉ chịu phục tùng dưới quyền lực chứ không muốn tự mình quản trị lấy mình. Chị dạy ở trường Nữ Trung Học chỉ có toàn nữ sinh nên không khí nhất định là dễ chịu. Em rủi bị đưa về trường này học sinh cả nam lẫn nữ nên... ».

Loay hoay nghĩ một lát không biết viết tiếp là « nên » gì, Liên bỏ bút xuống bàn gạt tờ thư sang một bên. Nàng với lấy tập bài cặm bút lên sửa.

Những sự bực mình không trút hết trong thư khiến cho những đường gạch đỏ dài thêm, những chữ phê to ra, nét đậm hơn. Có những bài luận chỉ đọc tên người học sinh là đã có thể gặp câu nào cũng phê chữ « Bất thành cú » được. Không ai có thể tưởng tượng được sự kém cỏi, sự cầu thả đi đến chừng mực ấy. Nhiều học sinh không làm nháp nên viết xóa nhòa nhoẹt cả bài làm. Thịnh thoảng đọc được một bài, chữ viết sạch sẽ lời văn gọn gàng Liên cảm thấy lòng hơn hờ vui như được nghe một lời mơn trớn nhẹ.

Nhìn đồng hồ thầy đã đến giờ dạy, Liên bỏ bút đứng dậy thay áo. Chiều nay nàng có hai giờ ở lớp đệ Thất. Dạy lớp nhỏ nàng thầy dễ chịu hơn cả vì học sinh tuy có ồn ào nhưng ngây thơ, vô hại. Nàng yêu những mái tóc rối, những bộ mặt thật thà phản ánh trung thành tâm hồn của chúng. Nhiều em áo quần xộc xệch, chân đầy bụi mốc. Tuy vậy, nhìn những cặp mắt mở rộng, những đôi môi hé trẻ tràng, nàng có cảm tưởng rằng đó là những hấp khẩu hút tâm hồn chúng bám chặt vào lời giảng của nàng. Những sự ngửa ngáy tay chân cũng đáng tha thứ, đáng yêu. Ngồi một lát thì chợt nhớ phải xin đi tiểu. Cô giáo vừa quay lên bảng thì đã có những cùi chỏ thích vào sườn người bên cạnh. Rồi gãi đùi, rồi quơ chân tìm dép, rồi kiện nhau vì những chuyện vu vơ không dính dáng gì đến đời sống học đường hết. Chúng tưởng cô giáo có thể giải quyết được hết thầy mọi

tranh chấp, giải thích được hết thầy mọi hiện tượng. Thành Minh giọng ề ề như một ông già nghiện rượu, chuyên môn đem những việc cãi cọ ở xóm Lò Heo của nó ra chứng minh ở lớp. Chứng minh gì, đồ ai hiểu. Có lần nhân dạy về Nhị thập tứ hiếu Liên hỏi :

— Các em thầy ở trong phố mình, xóm mình có những người bất hiếu không ? Họ bất hiếu như thế nào ?

Tức thì Minh vừa giơ tay, vừa kéo quần đứng dậy vừa lè nhè nói, không kịp đợi lệnh cô giáo.

— Thưa cô, ở xóm Lò Heo có ông thầy thuốc Bắc có người con ăn chơi « một cây ». Hồi hôm ăn trộm vô cạy tủ, may có người con đi ăn chơi về khuya nghe tiếng động nên ăn trộm thật kinh chạy mất. Thanh niên dân vệ chạy rượt theo đến đến Xương Huân. Con cũng chạy theo một quá...

Liên phải lật đật ra hiệu cho nó ngừng lại rồi hỏi :

— Em định kể câu chuyện gì đó ? Chứng minh điều gì ?

Minh trở mặt nhìn lên, miệng há ra rồi lắp bắp nói :

— Thưa cô... không có.

Rồi mỉm cười lặng lẽ ngồi xuống. Cả lớp thông minh, mau hiểu, cười rộ lên. Thành Vinh thì nhanh nhẹn hoạt bát nên dễ sinh ra ồn ào làm mất trật tự. Nhưng một khi bị điểm xấu về hạnh kiểm là từ một khuôn mặt láu lỉnh thông minh, nó chuyển ngay thành một khuôn mặt vừa đau khổ vừa đần

độn. Giọng nói thanh vang lạnh lạnh hằng ngày đã trở thành, trong phút chốc, rời rạc mỗi một. Với vẻ mặt ấy giọng nói ấy, nó lên xin cô giáo xóa đi điểm xấu kia, miệng quả quyết là nó bị oan nhiều và hứa chắc chắn là nó sẽ tốt, từ giờ này. Lời hứa ấy Liên cũng chắc chắn là nó sẽ lập lại cho đến cuối năm, nhưng Liên vẫn không thể ghét nó được. Thành Lai lười biếng, thành Tú vô lễ, thành Chuyên ngớ ngẩn... tất cả những em bé học sinh, Liên đều yêu chúng với những tật xấu của chúng. Trong nhiều trường hợp, Liên còn cảm thấy rằng chính những tật xấu ấy lại, ngược lại, làm cho Liên yêu chúng hơn. Những tật xấu ấy là kết quả của sự chăm sóc thiếu sót của cha mẹ, sự thiếu sót không cớ ý.

Sang đến lớp Đệ Tứ, Liên ít nhận nài được trước vài biểu lộ cá tính của học sinh. Một chị học sinh lớn ngồi giữa lớp che miệng nói chuyện với bạn. Liên cất giọng ôn tồn nói :

— Chị Lệ, đừng nói chuyện.

Tức thì người học sinh đứng dậy :

— Thưa cô, em đâu có nói chuyện ?

Hoàn toàn là vẻ ngơ ngác và giọng nói quả quyết của người thành thật bị oan. Liên tức quá vì việc nhỏ nàng muốn cho qua bằng lời nhắc ôn tồn, không ngờ lại phải sắp mặt thì giờ vào đó. Nàng phải nghiêm giọng nói :

— Chúng ta chỉ có hai người. Hoặc là chị, hoặc là tôi, nhất định phải có một trong hai chúng ta nói dối. Tôi đang giảng bài. Tôi không muốn sinh

sự với chị vì tôi không có ác cảm gì với chị hết. Chúng ta không có mâu thuẫn gì với nhau về quyền lợi, về tư tưởng... mà trái lại, chúng ta cùng nhắm chung một đích : Đó là làm sao cho chị học giỏi. Thôi được, chị ngồi xuống.

Cả lớp im lặng và Liên nghe tiếng đập của tim mình, Óc nàng rộn ràng mất đi sự bình tĩnh. Nàng cúi xuống tập giấy soạn bài, định tiếp tục giảng lại nhưng cái hứng thú bị ngắt đứt bây giờ không thể tìm lại được. Nàng cho học sinh ghi chép tóm tắt những lời giảng. Trong khi ấy, để quên sự bức bối, nàng lắng nghe tiếng gió reo vi-vút ở giữa những chòm phi lao bên kia đường. Hàng bông giấy mọc ở trụ cổng nhà ai kia nở ra những chùm hoa đỏ tươi. Màu hoa đỏ yêu đời tung bừng điểm rải-rác giữa nền lá xanh giúp nàng vui vui trở lại. Mùi tanh nhạt pha vị mặn của gió biển ở ngoài khơi thổi vào, cái cảm-giác mát lạnh lạnh của nước như quạt nhẹ vào đến tận tâm hồn. Nàng tiếp-tục giảng lại bài cho đến khi bác Cai xô kiềng bãi học.

Mấy hôm hay trời lất-phất mưa, học-sinh học xuất sau được nhà trường cho phép vào đứng ở sân lợp. Một số nam học-sinh lớp Đệ Nhất, Đệ Nhị, lảng vảng đứng ở cửa sổ lớp học giữa lúc nàng giảng bài. Sự có mặt của những người lạ làm các nữ-sinh ngồi học không được tự-nhiên. Liên đã báo cho ông Giám thị biết và ông đã đến đuổi mấy bạn nhưng sau đó học-sinh lại trở lại. Có anh thô lỗ đứng phê bình sắc đẹp có anh huýt sáo nho nhỏ.

Những anh học-sinh này thường mặc quần áo bó sát vào người trông như những cuộn chả giò, tóc chải tén và đi giày mũi nhọn. Liên đau xót khi nhìn một hai quyển vở bị xếp đôi nhét vào túi quần sau của họ, những quyển vở mà lúc đi học nàng trân trọng giữ gìn như những người bạn nhỏ. Mấy nữ-sinh ngồi sát cửa sổ nghiêm nét mặt lại như mấy chú ý trong một nét đau khổ. Họ như có mặc cảm tội lỗi mặc dù họ không có lỗi gì hết. Vài cô liếc mắt một nửa nhìn xem ngoài kia người ta làm gì. Liên thấy chịu đựng không được nữa nên đi ra ngoài lớp.

— Mời các anh đi qua phía sân lợp để cho các chị em học.

Một sò lớn đi dẫn ra. Một sò khác vẫn bất động. Có tiếng nói, hỗn xược.

— Trời mưa mà, cô.

— Nhưng ở sân lợp không ướt.

Không có tiếng trả lời và cái khối người vẫn bất động. Nàng giận quá nhưng biết làm gì đây? Lại đi gọi ông Giám thị tức là tự nhận không biết đến lần thứ mấy sự bất lực của mình, sự bất lực cụ thể về hình vóc và quyền uy. Nàng nghĩ: chỉ có sức khỏe tàn bạo mới trị được những tâm hồn vũ phu kia. Giữa lúc nàng bồi rồi thì có tiếng giày ở phòng học bên cạnh đi ra. Mấy người học-sinh lảng lảng tản hết. Thấy Phúc — vì tiếng giày vừa rồi là của thầy Phúc — nhìn nàng, khẽ cúi chào rồi khiêm tốn bước vào lớp. Nàng muốn nói một lời cảm ơn

nhưng Phúc đã không đứng đó nữa. Phúc là một bạn đồng nghiệp cũng đòi về dạy ở đây cùng một năm với nàng. Đó là một chàng trai im lặng. Nàng lưu ý đến Phúc nhân một bữa tiệc cuối năm do chi-bộ giáo-giới tổ chức. Bữa tiệc có mời đủ các giáo chức trường công và trường tư của thành phố. Dãy ghế các cô giáo nhất là những cô giáo đẹp thu hút được nhiều con mắt hơn hết. Một sò thấy giáo trẻ ngồi chụm đầu vào nhau bàn tán ồn ào, thích cánh, vỗ vai với những con mắt ngăm ra hiệu cho nhau. Sau những diễn từ chúc từ mà người ta đoán trước được nội dung đến phần không thể thiếu được trong mọi cuộc ăn uống, — dù vui ăn vài cái bánh ngọt — là yêu cầu hát. Nhóm thấy giáo trẻ náo hoạt lên ngay:

— Yêu cầu cô Tuyết Thu hát một bài.

— Yêu cầu.

— Yêu cầu chị Xuân Anh.

— Yêu cầu chị Liên hát bài « Nửa đêm ngoài phố ».

— Yêu cầu cô Yền hát bài Bambino.

Những lời mời mọc, chỗi từ nài nỉ kéo dài. Liên chú ý đến Phúc ngồi im lặng, bơ vơ lạc lõng. Lâu lâu nàng bắt gặp một tia mắt chàng đưa nhìn về dãy cây phượng trước sân.

Sau đó có những cuộc hội nghị hàng tháng, những cuộc chạm mặt ở hành lang trường. Lần nào Liên cũng lúng túng nhận cái chào lảng lẽ của Phúc. Sau phút lúng túng, nàng có cái cảm giác êm ả được gặp một

người bạn lễ độ. Im lặng không hẳn là cái thái độ mà nàng yêu thích, nhưng quả tình người im lặng làm nàng nể hơn. Nhiều lần nàng đã phải bảo với những học-sinh vừa lười vừa ớn ào rằng :

— Các anh hãy nhìn một người bạn trong lớp, anh Chúng đó (nàng đợi dịp anh chúng vắng mặt mới nói). Anh Chúng học không giỏi, không chăm nhưng được cái hay là không nói chuyện. Anh không thuộc bài bao giờ, làm bài thì kém cỏi, nhưng tôi chưa bao giờ nỡ nói nặng anh một lời. Chỉ vì cái vẻ trầm mặc, lễ độ của anh. Nhắc học không phải là ưu điểm, tất nhiên, nhưng đã nhắc học mà còn mượn sự liềng thoảng ớn ào để gây cho mình cái ảo tưởng là mình thông minh hoạt bác thì nguy hiểm lắm. Khi anh im lặng, người khác không biết là anh nghĩ gì, trong lúc có thể là anh không nghĩ gì hết. Chứ nói ra thì họ hiểu ngay sự dốt nát kém cỏi của mình.

Mùa hạch tàn ịch, như một đe dọa, lững thững đến. Học-sinh xuýt xoa lo khi thấy giáo đọc cho chép lịch thi các môn. Nhìn về ngơ ngác của một vài học sinh, nhìn nét mặt uể oải của một số khác. Liên có cảm tưởng rằng tin báo hạch tàn ịch vừa nhắc họ nhớ là họ đang đi học, điều mà thường ngày họ cố ý quên. Đối với một số khác thì tin ấy kinh khủng như một lời tuyên án. Riêng thầy giáo thì chuẩn bị để nhận những xấp bài, những xấp bài mỗi ngày một chồng cao trên bàn mình. Nhưng

Vết thương không lành

VÕ-HỒNG

Tôi tưởng đã quên rồi :
Mười năm hơn cách-trở.
Nay gặp Nàng, xa thôi....
Sao nghe lòng nức nở.

Có cái gì rơi rụng.
Có cái gì ghen ngào.
Hồn tuy không nổi sóng
Mà dường như xôn xao.

Má hồng tươi ngày xưa,
Ánh mắt vui thuở nọ.
Lời âu yếm trên môi,
Xác pháo rơi trước ngõ.

Êm đềm và chua xót
Kỷ-niệm đồn dập về
Nước mắt ai nhỏ giọt
Ngày nào khuyên : « Quên đi ! »

*
* *

Thì ra vết thương nhỏ
Tưởng đã lành từ lâu.
Nay chạm thử, máu rỏ,
— Không, không lành bao giờ !

V. H.

chăm bài nhiều, dầu là một công việc nặng nhọc, cũng chưa đáng phiền bằng việc giữ sao cho học sinh khỏi lén đem bài theo khi hạch. Có người chịu khó chép đem theo hàng cuộn « phim » chữ nhỏ như kiền, có người xé cả hai ba tờ sách. Có người làm sẵn ba bốn bài ở nhà, những bài mà họ đoán trước thấy giáo sẽ ra. Có người đặt sách ở mặt ghê rồi ngồi lén. Công Thức toán, công thức Hóa-học thì chép ở mặt bàn, ở bàn tay. Không đủ chỗ chép thì họ chép cả ngay lên đùi. Ngày hạch tần ịch thấy giáo phải đóng thêm vai trò Cảnh-sát, vai trò nhân viên quan thuế kiểm soát hàng lậu. Thật là xa vời với những ngày ở trường sư phạm nàng tưởng tượng những học sinh lý tưởng của nàng say mê học hiểu, luôn luôn đòi hỏi thầy giáo cung cấp hiểu biết cho họ.

Một tối thứ bảy, Liên đi xem phim «Les canons de Navarone». Nàng lấy vé ban-công để bắt gặp những người quen. Khi chọn chỗ ngồi ở phòng bán vé, nàng chọn một ghê ở mãi tận góc. Nhưng khi lững thững bước lên lầu thì không ngờ người ngồi gần nàng lại là Phúc. Phúc chào nàng và đứng dậy nhường lối đi. Nàng cũng khẽ gật đầu chào lại. Ngồi im lặng cạnh nhau một lúc, Liên thấy sự im lặng ngượng ngịu thiếu tự nhiên quá. Hai người bạn đồng nghiệp. Ý chừng cũng nghĩ như vậy nên sau một cái tăng háng Phúc rút rè quay sang nàng :

— Cô thỉnh thoảng mới đi xem ?

— Vâng ạ. Chỉ khi nào có phim hay.

Im lặng.

— Hôm đi xem Pépé tôi có thấy cô.

— Vâng, hôm ấy tôi có đi.

— Phim khôi hài thì nội dung nghèo nàn dù trong phim có mặt nhiều tài-tử hữu-danh.

Im lặng.

— Sự xuất hiện của 35 tài-tử hữu-danh ấy, nôn-nả, rời rạc, tham-lam như những tấm ảnh dán trong album.

— Tôi chỉ thích có màn vũ.

Vừa lúc ấy, chuông reo và đèn tắt. Phim đêm nay diễn xuất xuất sắc.

Cảnh bão tố nổi đập chiếc tàu nhỏ làm Liên khâm phục sức chịu đựng của những cơ-thể mạnh. Nàng tự thấy xấu hổ vì những bước đi nhỏ nhẩn của mình, vì sự yếu đuối của cơ-thể mình lúc nào cũng đòi hỏi săn sóc nuông chiều. « Mình tự hào vô lối vì một chút ít hiểu biết sách vở. Mình chỉ có giá trị của một cuộn băng nhựa magnétophone. Học thuộc lòng từng đoạn sách rồi viết lại, y nguyên và nói lại cho học trò-nghe, ít hơn... »

... Nghĩ tới đây nàng thấy hồi hận nhớ lại đôi lần mình đã khinh khỉnh đối với một vài người học trò quê mùa và dốt nát.

Phim chấm dứt, đèn bật sáng. Khi đứng dậy đợi chờ đoàn người chậm-chậm bước ra, Phúc quay sang nàng :

— Phim hay...

— Vâng

— Cô cũng nhận thấy cô đào. Gia Scala đẹp thùy mị...

— Vâng. Gia Scala có một vẻ đẹp gần với chúng ta, vẻ đẹp Á-Đông.

— Tội nghiệp nhất và đẹp nhất là khi cô rửa nước mắt lại ngồi cạnh Gregory Peck. Tình yêu vô vọng có một vẻ gì đau xót...

Liên gật đầu nhưng không trả lời.

— ... Có lẽ đẹp hơn và bền hơn những mối tình có kết quả.

— Vâng, có lẽ vậy.

Thâm thoát mà niên khóa đã chấm dứt. Mùa nghỉ hè không còn được báo hiệu bằng hoa phượng đỏ, bằng giọng ve sầu mà bằng hoa soan màu tím nhạt. Trên con đường nhà Thờ, một dãy cây soan chạy dài màu hoa nhũn nhặn nép giữa lá xanh, Đêm tôi đi qua đây, thở mùi hoa vương nhẹ trong không khí, Liên nhớ đến những đêm trăng ở nhà quê. Màu phượng đỏ rực rỡ dành cho ngày nhập học của niên khóa mới. Sự phân chia màu hoa theo mùa tiết kẻ cũng hợp lý. Màu tím nhạt đơn sơ hương hoa thoảng đưa man mác phù hợp với nỗi niềm chia ly luyến tiếc biết bao. Còn màu đỏ rực rỡ phải làm khung cảnh cho nhiệt tình của những người bạn xưa nay gặp nhau trở lại, của tâm hồn náo nức học tập, cố gắng tranh đua. Họ xếp đặt sách vở để về quê và Liên cũng búi ngùi sửa soạn hành lý về sống cạnh cha mẹ ở Huế. Đêm giã từ thành phố nàng đi lại mấy lần trên con đường nhà Thờ để nhìn lại màu hoa soan lấp loáng dưới ánh đèn

năm tháng và tình yêu

TRẦN-QUANG-LONG

Cát bỏng nung bàn chân
Đôi giầy nhiều năm tháng
Ôi bao nhiêu con đường
Loài ehim ngày lâm nạn

Quán nhỏ mem môi hoang
Nhìn khung trời chữ nhật
Màu xanh trời năm xưa
Bây giờ thôi đã mất

Hăm ba tuổi đời buồn
Tóc bông thân phiêu lãng
Đôi vai hèn thân trai
Tay non ngày tháng luống

Cuộc đời xanh ảo tưởng
Chết theo trăng ngày xưa
Tìm theo tình quay mặt
Buồn theo mây chiều mưa

Đôi tay dài quá khứ
Còn ôm hoài tình yêu
Tóc dài lời giã biệt
Vườn nhỏ mây phai chiều

Bọt biển như hơi rượu
Lao mình quên tháng năm
Cát vàng như tuổi nhỏ
Năm dài hồn ăn năn

T. Q. L.

đường và thở từng hơi dài mùi hoa man mác. Vào những lúc này nàng chợt thấy tha thiết, yêu cái thành phố bé nhỏ đã dung dưỡng nàng bấy lâu nay, cái thành phố mà mỗi ngày nào sơ ngộ nàng thấy chán vì nó bằng phẳng quá.

... Hoa soan rụng đi và hoa phượng lác đác nở. Khi hoa mãn khai và thành phố rục rỏ lên là lúc mà các trường khai giảng trở lại. Chín mươi ngày hè đã nối tiếp nhau trôi qua. Tiếng kiêng nhập học ở trường này che lấp với tiếng kiêng ở trường kia. Học sinh túa ra khắp các nẻo đường mang lại sinh khí cho các lễ đường ba tháng nay vắng lặng, Liên bối hồi trở lại trường xưa nhìn lại cảnh cũ. Nàng cảm thấy một niềm vui nhẹ khi sắp được gặp trở lại người bạn đồng nghiệp lễ độ của mình. Nhưng hôm lễ chào cờ nàng không thấy bóng Phúc. Suốt một tuần sau cũng vậy. Ghé lại văn phòng nhìn bảng phân phối giáo sư chỉ đạo các lớp nàng không thấy tên Phúc. Nàng lấy giọng thản nhiên gọi chuyện ông giám thị.

— Suýt nữa thì tôi tựu trường trễ. Đi thăm ông chú ở cửa Thuận về nhà bị cảm định lấy giấy chứng của bác sĩ để xin nghỉ một tuần. Nhưng sợ ngày khai giảng phiên nhà trường thành ra phải găng vào cho đúng kỳ. Chắc thế nào cũng có giáo sư chưa đến kịp ông nhỉ? Ông giám thị nheo nheo con mắt mỉm cười xã-giao:

— May quá, năm nay giáo sư đến đủ kịp ngày.

Nàng thấy sót xa ở tim mình. Thế còn Phúc? Nàng muốn hỏi ông giám thị nhưng ngại không dám hỏi. Và lại hỏi để làm gì? Phúc đến hay không đến đâu phải do câu trả lời của ông giám thị? Nàng lặng lẽ bước ra khỏi văn phòng.

Nửa tháng sau nhân buổi học tập thường kỳ của các giáo sư, có người vô tình nhắc đến Phúc. Chứng ấy nàng mới biết là Phúc bị đổi đi trường Phan-Bội-Châu ở Phan-Thiết. Chứng nửa năm sau cũng nhân một buổi học tập, nàng nghe tin Phúc cưới vợ. Anh Ninh dạy sử địa bạn thân của Phúc nói:

— Phúc cưới con Thịnh. Hợp có nhớ con Thịnh không?

Hợp dạy Anh văn nói:

— Con thịnh nào? Có phải con Kim Thịnh con bà Cả Nghiễm ở chợ An-đông không?

— Đúng là nó.

— À, ai chứ Kim Thịnh thì « moa » biết lắm. Thế là Phúc đào nhầm cái mỏ rồi đây. Thắng Phúc dạy vụn vặt thảo nào giỏi về khoáng chất.

— Mà nói thế tội nghiệp nó. Nó hiền lành không có dã tâm đâu. Chẳng qua mẹ nó và bà Cả Nghiễm cùng là bạn hồi còn buôn bán ở Nam định cho đến hồi di cư cùng vào một lượt với nhau. Hai bà cụ hứa hẹn gả bán đâu từ hồi còn ở Nam-định cơ đây. Chứ tính con Thịnh đưa đòi nhảy nhót thắng Phúc không thích. Hôm hè tao có gặp nó mấy bận ở thư viện. Lúc được tin

phải đôi về Phan-Thiết tao thấy nó buồn lắm nhưng cuối cùng nó nói « Thôi đi như thế cũng được. Có lẽ nên xa Nhatrang càng sớm càng hay ».

Vài khuôn mặt tò mò quay lại.

— Thế là nghĩa làm sao ?

Giọng Ninh chầm rãi :

— Có lẽ anh chàng yêu ai ở Nhatrang nhưng mắc bà cụ đã bắt hứa hôn với con Thịnh rồi nên anh chàng cố quên đi, xa đi. Có lần anh chàng ngủ ngủi sắp nói cho mình nghe chuyện nhưng rồi anh chàng lại giữ được không nói.

Liên có cảm tưởng như mọi con mắt đều nhìn về mình. Nhưng may đến đây, ông Hiệu trưởng cắt đứt câu chuyện và cuộc học tập bắt đầu. Liên lắng tai nghe lời người thuyết trình viên những cứ từng chấp từng chấp nàng đưa mắt nhìn qua cửa sổ.

Cây keo nơi sân trường đầy hoa trắng. Có một cặp chim cưỡng véo von cất tiếng hát. Một con chuyên lên cành cây, đu mình bám vào một trái keo chín muộn mỗ từng hồi. Mình chim đong đưa qua lại và đôi cánh xập xòe để giữ thăng bằng. Một con đi lững thững dưới đất cát, chốc chốc cất tiếng gọi. Chắc đó là con chim trống vì tiếng gọi vang lanh lảnh. Mỗi lần nghe chim trống gọi, chim mái ngừng mỗ rồi trả lời bằng một giọng riu rít nho nhỏ. Yên tâm vì bạn mình còn đó, con chim trống lại thông dong dầm bước rồi một chốc lại gọi. Một lát sau nó vù cánh bay lên cành keo

đứng cạnh chim mái và sung sướng cất tiếng hót. Tiếng hót vang lanh lảnh âm áp và mơn trớn ngọt ngào có sức quyến rũ như một tiếng gọi yêu thương. Đôi chim xinh đẹp lông mượt màu trắng nhạt và đôi cánh điểm lông đen.

Liên vui lây cuộc đời hạnh phúc của đôi chim. Vạn vật vui vẻ là dường ấy. Cây keo từng bùng nở hoa kết trái. Hai con chim quần quít gọi nhau. Nàng man mác nhớ đến Phúc, nhớ đến lời Phúc nói với mình và cô đào Gia Scala :

« Tình yêu vô vọng có một vẻ gì đau xót... có lẽ đẹp hơn bền hơn những mối tình có kết quả ». Nàng đâu có ngờ rằng đó là lời thổ lộ tâm sự cuối cùng của Phúc.

Niên khóa lại tiếp tục. Cuộc đời của Liên lại được gắn liền với cuộc đời của những học trò của mình. Nàng nhẫn nại làm việc, âm thầm cố gắng. Nhưng tật xấu nhỏ của học sinh một khi đã quen đi, nàng chuyển sang khám phá những ưu điểm của họ.

Chị Cháu học đến lớp đệ Tứ mà những buổi mai nào không có giờ học là gánh hoa đi chợ bán với mẹ. Một lần nàng đi dạy về thoáng thấy Cháu gánh một cặp giỏ không đi chợ về, đi bên cạnh mẹ. Nàng sợ Cháu ngượng nên tránh ra xa, không ngờ Cháu nhanh mắt thấy nàng rào bước tới và giới thiệu nàng cho mẹ biết để mẹ chào. Hai mẹ con vui tươi như không hề để ý đến bộ quần áo đen bạc màu của mình, đến những đôi guốc mộc, đến bộ mặt nhể nhại mỗ hồi. Người

ngượng, ngược lại, lại chính là Liên. Nàng thấy mình nhàn nhã quá, mình được ưu đãi nhiều quá.

Trò Út mới học đệ Thất mà đã thay cha đi giữ rầy. Út cầm rựa đi trong đêm tối, ngủ ở chòi cao, trong khi một số bạn cùng lớp ở giữa phố mà tối không dám đi tiểu một mình. Sự miễn cưỡng, sức thao vặt của nhiều em học sinh khiến Liên miễn phục. Tùy theo nghề nghiệp của cha mẹ mà có em may vá, sửa xe, xay bột, làm bánh, thu hàng, bày hàng ... Mỗi người học sinh có một hoàn cảnh đáng cho mình tìm hiểu mà yêu thương và giúp đỡ hơn là trách móc. Dần dần nàng tìm thấy cái vui trong tâm hồn khi ý thức được rằng mình đang làm một việc có ích. Chỉ thỉnh thoảng những lúc ngồi trông chừng học sinh làm bài, đưa mắt nhìn ra cây keo ở sân trường hay giàn hoa ở trước hiên là nàng man mác nhớ đến người bạn đồng nghiệp của mình. Nàng tưởng chừng còn nghe lại ở phòng học bên cạnh vang lạnh lạnh tiếng giảng bài của Phúc : « Tiến-cam gồm có tất cả các địa tầng, có địa khai hay không có địa khai, có nham thạch tinh thể hay không tinh thể, ở dưới tầng cambien và cách tầng này bằng một nghịch điệp ».

Có những buổi tối nàng ngồi một mình ở bãi biển. Nền trời đen sẫm, chỉ chút sao. Mặt nước cũng đen phản

chiếu ánh sáng lung linh. Trước mặt nàng những đèn thuyền câu sắp hàng chạy dài ở mãi tít nơi khơi xa. Theo một nhịp đều đặn, nước biển chao đi, rút ra xa rồi ồ ạt chạy vào bờ, đập vỡ tung vừa làm sỏi bọt rì rào. Dù không ai để ý đèn, dù không ai biết cho, sóng biển vẫn cứ nhịp nhàng làm cái công việc của mình, không vội vàng mà cũng không trễ nải. Bắt đầu từ bao giờ và sẽ ngừng lại lúc nào ? « Thật y như là cái công việc của mình và của những người đồng nghiệp của mình » Liên nghĩ. Ai này đều làm việc, đều đặn chu đáo. Có kẻ để ý biết đèn hay không cũng được. Như những đợt sóng kẻ tiếp nhau mãi miết chạy vào bờ, nàng và các bạn của nàng cũng kẻ tiếp nhau mà dạy dỗ, uốn nắn, lớp học sinh này dạy xong thì trao qua tay người bạn khác dạy tiếp theo không nản, không mỏi, không ngừng.

Nàng băng khuâng nghĩ đến Phúc. Ở Phan-Thiết cũng có một bãi biển vắng như đây. Không chừng vào giờ này Phúc cũng ra ngồi ở bãi biển nhìn làn bọt trắng ngầu, nhìn con sóng nhấp nhô mà nhớ đến Nhatrang, nhớ đến nàng cũng nên. Dễ thường Phúc cũng lầm nhẫm nghĩ như nàng ». Ở Nhatrang cũng có một bãi biển vắng... như đây ».

VÕ-HỒNG

✱ Trở ngại nào cũng là một điểm tựa.

Valensin

nguyễn-ngu-í
phụ trách

Bách-Khoa

phỏng vấn giới nhạc sĩ

X

★ TRẦN-THANH-TÂM tự Chín Tâm



Sinh năm Ất-Sửu (1925), tại làng Đa-Phước-Hội, quận Mỹ-Cày, tỉnh Bến-Tre (nay là Kiến-Hòa, Nam-Việt).

Học nhạc từ năm 1940.

Điều khiển các ban nhạc tại các địa phương năm 1953.

Biết đàn Tranh, Kìm, Ngũ huyền cầm; chuyên về Kìm, Tranh.

Dạy đàn tại trường Quốc-Gia Âm-Nhạc từ năm 1958 đến nay.

Hiện nay theo đường lối sưu tầm khảo cứu Cổ-nhạc Nam-Việt của ông Nguyễn-Văn-Thỉnh.

● Bây giờ, nếu muốn thống nhất bài bản, chỉ có bộ Quốc gia Giáo dục và trường Quốc gia Âm nhạc mới có đủ khả năng cùng phương tiện thực hiện bằng cách nhờ chánh quyền địa phương tuyển chọn những nhạc sư tên tuổi của mỗi chỗ đưa về thủ đô họp làm một « Hội đồng nhạc sư... » để đưa bài bản ra thảo luận, biểu quyết chọn bản đàn của vị nào được đa số chấp thuận làm bản thống nhất để phổ biến trong nhạc giới.

● Hiện nay, việc làm trước tiên là nên chỉnh đốn lại cổ nhạc Nam-Việt, chớ không phải phục hưng nó, vì nó chưa bị lu mờ hay quên lãng.

BÁCH KHOA PHỎNG VÂN GIỚI NHẠC SĨ

1. — Cổ nhạc Nam-Việt từ trước đến nay trải qua nhiều thời kì cải biến để đi đến chỗ hay cũng có mà dở cũng có.

Cái hay là từ bài bản, lối diễn tấu, nhịp điệu thuở xưa nghe ra như ôn hòa, nhã nhặn hoặc thật thà dễ nghe, tiến đến ngày nay tất cả đều biến chế bài bản kéo lơi ra, lối diễn tấu bay bướm, chữ nhạc xôn xao và nhịp điệu lại mắc mỏ cầu kì. Còn dở là do những cái hay trên mà giới nhạc sĩ đưa nhạc thuật đi quá trớn, từ chỗ sai lạc căn bản đến trình độ diễn tấu không đúng nhịp điệu, những chỗ đáng là phải hòa hợp thì lại không ăn khớp với nhau. Thành ra lối tấu nhạc ngày nay nghe thì có phần nào tiến bộ nhưng không được nghiêm chỉnh như thuở xưa.

Ngày nay có thể chia Cổ nhạc Nam-Việt ra làm hai giới :

Giới bảo thủ cổ truyền ;

Giới biến chế tân-thể.

a) Giới bảo thủ cổ truyền gồm có những nhạc sư, nhạc sĩ kì cựu, tấu nhạc theo lối thính phòng, lấy căn bản của tiền nhân để lại mà diễn tấu ; chỉ sửa đổi chút ít nhịp điệu kéo lơi ra đến mức độ trung dung, không quá trớn, để gìn giữ nguyên bản không sai lạc.

b) Giới biến chế tân thể mà đại diện là những nhạc công sân khấu, đài phát thanh, hay hăng đĩa, giới này đem biến chế các loại bài bản cổ-truyền ; thay đổi về căn bản, họ còn giữ lại được một phần nào, còn từ nhịp điệu, chữ đờn đến lối hòa tấu họ đều thay đổi.

Sở dĩ giới này được đa số ưa chuộng là vì có nhiều dịp phổ biến từ đài phát-

thanh đến sân khấu, luôn cả hăng đĩa mà chúng ta nghe hằng ngày. Ngoài ra còn một nhóm các nhạc sinh tốt nghiệp trường Quốc-Gia Âm-Nhạc và Kịch-Nghệ, lập thành một ban hòa-tấu hằng 10 đàn Tranh, 7 đàn Kim, 4 đàn Tì, 2 Nhị và Tiêu, Độc v.v.. Nhóm này chuyên sắp những bài bản cổ-truyền ra lối diễn tấu như nhạc cổ điển Tây-phương, sự biến chế tân thể này khác lạ hơn các nhạc sân khấu hoặc đài phát thanh nên có thể trình diễn một màn hòa tấu theo kiểu cổ điển Tây phương như bên Đại nhạc hội có làm. Sáng kiến và chỉ huy lối tấu nhạc này là các em Nguyễn-Văn-Đời, Nguyễn-Xuân-Phong, Nguyễn-Văn-Bạch v.v... sau khi tốt nghiệp, tự tìm tòi học hỏi trong hai ngành Quốc nhạc và Tây phương của trường mà biến chế ra.

2. — Thật ra thuở thiếu thời tôi chưa ý niệm được tôi có năng khiếu âm nhạc hay không. Lúc đầu theo học nhạc chỉ vì ham vui mua đờn về tập tành (tự học) những bản ngắn như Bình bán, Kim tiền v.v... Sau này bạn hữu khuyến khích tôi nên tìm thầy để học, lúc ấy vào khoảng năm 1940, tôi theo một ông thầy ở tỉnh để học bản Vọng-cổ được một thời gian, vì ông thầy ấy giải nghệ nên tôi được một vài vị đồng thời với ông ấy chỉ dạy thêm bài bản (vì thấy tôi « chơi đàn » có tương lai). Khoảng năm 1948 tôi từ tỉnh lên Sài Gòn tìm việc làm, trong thời gian này tôi theo các ban tài tử ở Thủ đô để vừa tự học vừa trau dồi nhạc thuật.

Trong một dịp đi chơi tôi được hân hạnh gặp một nhạc sư thuộc vào hàng tiền bối (hiện nay là giáo sư trường Quốc-

Gia Âm-Nhạc) chỉ thêm những bài bản nào tôi thiếu sót, đồng thời tôi lại đến xin thọ giáo với ông Nguyễn-Văn-Thịnh, một nhạc sư tài danh trong giới nhạc cổ-truyền, hiện nay là Giám học trường Quốc-Gia Âm-Nhạc, được ông chỉ dạy tận tình những bài bản cổ-truyền của nhạc tài tử Miền Đông lẫn Miền Tây, luôn cả phần lí thuyết. Từ đó về sau tôi cố công tập luyện theo sự chỉ dạy của ông và từ địa vị khiêm nhượng trong ban nhạc địa phương, tôi được anh em cất nhắc lên điều khiển những khi ban nhạc hòa tấu ở các nơi khác.

3.— Đứng trên cương vị quốc nhạc cổ truyền, tất nhiên tôi muốn chấn chỉnh và phổ biến thật rộng rãi cổ nhạc Nam-Việt. Như trên đã nói hiện nay cổ nhạc Nam-Việt chia ra làm 2 giới, vì thế nên khó mà hòa hợp được nếu không có sự thống nhất bài bản và đường lối diễn tấu.

Bởi vậy muốn thống nhất thì phải có đầy đủ uy tín và phương tiện, tôi đã có nói rõ trong báo Buổi Sáng ngày 1-9-1958, giờ tôi xin nhắc lại: Theo ý kiến của giới nhạc sĩ tiền bối, hiện tình cổ nhạc Nam-Việt thật đáng lo ngại: nhạc điệu mỗi nơi có một đặc tính địa phương không đồng đều và chưa hoàn toàn hợp nhất, vì bài bản thất lạc, chánh điệu rã tan để nhượng cho lối hòa âm rườm rà càng ngày càng xa căn bản. Bây giờ nếu muốn thống nhất bài bản chỉ có bộ Quốc Gia Giáo Dục và trường Quốc Gia Âm Nhạc mới có đủ khả năng cùng phương tiện thực hiện bằng cách nhờ chánh quyền địa phương tuyển chọn những nhạc sư tên tuổi của mỗi chỗ đưa về Thủ đô họp làm một « Hội đồng

nhạc sư » ; tất cả các phí tổn xê dịch cùng lưu trú của các nhạc sư trong thời gian hội họp đều do chánh phủ đài thọ. Nhưng họp Hội đồng nhạc sư để làm gì ? Họp để đưa bài bản ra thảo luận, biểu quyết chọn bản đờn của vị nào được đa số chấp thuận làm bản thống nhất để phổ biến trong nhạc giới.

Từ đó về sau, bất cứ ở địa phương nào có nhạc sĩ nào không đồng ý bài bản đã được chọn họ cũng không thể nói gì được, bởi đã có một nhạc sư tên tuổi ở địa phương mình đại diện trong hội đồng nhạc sư kia rồi. Hiện nay có nhiều nhạc sư lồi lạc ở khắp nơi, mà lời kêu gọi suông chưa chắc qui tụ được những ông ấy ; phải thuyết phục cách nào cho các vị ấy chịu đem tài ba nhạc thuật của mình ra chỉnh đốn lại cổ nhạc Nam-Việt để cho bộ môn âm nhạc ta ngày mai được vững vàng tươi sáng hơn.

Trên là mong ước của tôi và chắc cũng là hầu hết ca nhạc sĩ cổ điển miền Nam.

Tình trạng sai lạc căn bản không phải mới đây mà đã có từ ba bốn mươi năm trước đến giờ, vì đến nay còn có quyển sách nhạc như « Cầm ca tân điệu, bản đờn Kim » của hai ông Lê-Văn-Tiến và Lê-Văn-Phụng, hai vị ấy là anh em ruột, đồng học nhạc một thời, nhưng trong hai cuốn bản đờn ấy lại có nhiều chỗ không hòa hợp nhau, đến bây giờ ca nhạc giới muốn sử dụng mà không biết nên theo cuốn nào !

Thuở trước giới nhạc sĩ huấn luyện môn đồ theo lối truyền ngón hoặc có bản cũng học thuộc rồi ông thầy chỉ dẫn bằng phương pháp trên ; lối dạy truyền ngón có lợi mà cũng có hại: lợi là học mau

BÁCH-KHOA PHÒNG VẦN GIỚI NHẠC SĨ

thuộc, mau thành tài, tốn ít thì giờ, còn hại lại nhiều hơn vì nhạc đồ có thể quên mà không biết dựa vào đâu để nhớ bài bản; đó là chưa nói ông thầy khi đồn vầy khi đồn khác không giống nhau làm học trò khó thể theo học liên tục được. Nhiều khi một ông thầy mà dạy bốn năm trò, đồn một bản cũng không giống nhau, do đó truyền lẫn về sau, qua năm bảy thế hệ, thì căn bản đã sai lạc rất xa.

Ngày nay tại trường Quốc-gia Âm-nhạc đã cải cách lối dạy cổ truyền. Những người phụ trách ngành quốc nhạc ra bản hẳn hoi, theo đây thì tất cả nhạc sinh nào học đồng lớp đều diễn tấu y như nhau không có sự chênh lệch về nhịp điệu; chữ nhạc đầu đồn một lượt 10 cây Tranh hay 15 cây Kim cũng đều giống nhau.

Phương pháp này, trước tiên do quý vị giáo sư ở trường đảm nhiệm dạy dỗ nhạc sinh, sau này sẽ đem ra phổ biến ở ngoài. Tôi hi vọng sự diễn tấu với lối huấn luyện nhạc sinh ấy về sau sẽ không còn sai biệt về căn bản nữa.

Về phương diện phổ biến thì hiện nay các đoàn ca kịch, đài phát thanh, các hăng đĩa là những nơi phổ biến mạnh mẽ về cổ nhạc; ngoài ra mỗi địa phương đều có các ban nhạc (tài tử) để hòa tấu trong những dịp quan, hôn, tang, tế. Như thế thì có thể nói cổ nhạc Nam-Việt rất được quần chúng ưa thích; còn hiểu biết thì chỉ có một số ít giới thân cận ca nhạc sĩ thôi.

Trong khi chờ đợi bộ Quốc-Gia Giáo-Dục và trường Quốc-Gia Âm-Nhạc thực hiện sự thống nhất quốc nhạc, theo thiện ý thì hiện nay việc làm trước tiên là nên chỉnh đốn lại cổ nhạc Nam-Việt chớ không phải phục hưng vì nó chưa bị lu mờ hay quên lãng.

Muốn cho cổ nhạc Nam-Việt được phát triển hơn nữa, mỗi nhạc sĩ nên tự kiểm lại nhạc thuật của mình, học hỏi, sưu tầm, sửa chữa và dạy môn đồ mình để đi lần đến sự thống nhất sau này hầu đưa nền quốc nhạc đến mức hoàn bị hơn.

CHÍN TÂM



★ DƯƠNG-THIỆU-TƯỚC

Sanh năm 1913 tại làng Vân-Đình, phủ Ứng-Hòa, tỉnh Hà-Đông (Bắc-Việt).

Học quốc nhạc từ năm 1922.

Học nhạc Âu từ năm 1930 với các giáo sư ngoại quốc và trường Ecole Universelle par Correspondance tại Paris.

Nhạc khí cổ truyền : Tranh, Nguyệt.

Nhạc khí Âu-Tây : Tây-Ban-Cầm, Mãng-Cầm, Hạ-Uy-Cầm, Đại-Hồ-Cầm v. v...



NGUYỄN-NGU-Í phụ-trách

Cùng với Thâm-Oánh, Vũ-Khánh và một số bạn ưa thích nhạc thành lập ban nhạc Myosotis vào năm 1936, trình diễn tại các rạp Olympic, Majestic, Palace tại Hà-Nội.

Bắt đầu sáng tác nhạc Mới (Tân nhạc, hồi đó còn gọi là nhạc cải cách) từ năm 1937.

Mở các lớp dạy Tây-Ban-Cầm, Hạ-Uy-Cầm và Mãng-Cầm từ năm 1940 — Mở nhà xuất bản Nhạc và chế tạo các thứ nhạc khí cổ truyền và Âu-Tây tại Hà-Nội năm 1938.

Gia nhập vào ban Việt nhạc và đài phát thanh Hà-Nội (sau khi Pháp trả lại cho Việt-Nam).

Phục vụ tại đài Phát thanh Quốc gia (đài Sài-gòn) từ năm 1951 sau khi Pháp trả lại cho Việt-Nam cho đến năm 1957.

● Muốn tiến tới Đại Nhạc Kịch đề kế tiếp sau tuồng Cải lương, ta phải có đủ loại sáng tác, nghĩa là đủ điều kiện để diễn tả Hi, Nộ, Ái, Lạc..., những cái mà Đại Nhạc Kịch cần đến.

● Sáng tác hiện nay không thể nuôi sống được nhạc sĩ sáng tác. Chỉ khi nào có hội Chủ quyền tác giả Âm nhạc thì họa may « bản quyền trình diễn » mới được nói đến và tác giả mới chuyên tâm vào việc sáng tác.

● Tân nhạc chỉ phát triển về chiều rộng và rất ít về chiều sâu. Tại sao vậy ? Đó là tại vì đa số sáng tác từ trước đến nay, tuy đã có những bài đầy dân tộc tính, nhưng vẫn chưa thoát khỏi ảnh hưởng quá tai hại là nhạc khiêu vũ Âu-Tây.

Tôi thích nhạc từ thuở nhỏ, phải chăng vì là cháu nội của một thi-sĩ, thi-sĩ Dương-Văn-Trì (1) và cha tôi, một vị cử-nhân Hán học, cũng như chú tôi, đều ưa thích ca-nhạc ? Năm lên 8 tuổi tôi đã được phụ thân tôi mua cho một cây nguyệt-cầm cỡ nhỏ.

Người khai tâm về quốc-nhạc cho tôi là thầy Nguyễn-Văn-Thứu (đã mất từ lâu) với cây nguyệt-cầm.

Và những năm kế tiếp, tôi học đàn tranh với thầy Trần - Trọng - Khiết, tục danh là ông Hai Khiết (nổi tiếng một thời tại Bắc-Việt hồi đó), ông Ba Lễ. — Các vị này, rất tiếc, nay đã là giới thiên-cổ. — Cũng hồi đó, tại Bắc - Việt, về nhạc cổ-truyền, người ta chỉ học các bài bản Huế,

(1) Tức Dương-Khuê, một thi sĩ cuối thế kỉ XIX, có tên trong Văn-học sử nước nhà (Lời chú của Nguyễn-Ngu-Í)

hoặc Cổ - nhạc Nam - Việt, còn Cổ - nhạc Bắc-Việt gần như không có, ngoài một số bài lấy ở Hát Chèo, chỉ để ca mà thôi.

Dưới thời Pháp thuộc, Cổ - nhạc Việt chỉ gồm có một số bài bản hạn-định, thực là nghèo nàn cho nên phong trào nhạc Âu tràn vào đất Việt như nước vỡ bờ.

Nhất là từ thời kỳ phim chớp bóng nói (1935) (cinéma Parlant, Chantant, Sonore) nhập cảng vào nước Việt thì sau đó loại nhạc Âu-Tây (nhất là Pháp) đã làm cho Thanh-niên Việt cũng đua đòi hát theo Albert Préjean, Maurice Chevalier, Tino Rossi v.v... Cho đến cái mũ rơm (canotier) và cây « can » của Maurice Chevalier cũng được người Việt rập theo đúng kiểu để lên sân khấu...

Cũng lúc này, một số bài Âu được đem ra làm lời tiếng Việt, và được thâu-thanh vào đĩa hát thương mãi. Hồi cuối năm 1936, tôi và Thẩm-Oánh, trong cuộc tản bộ quanh Hồ Gươm một chiều mùa đông, có mưa phùn và gió bắc, chúng tôi bàn nhau :

Ở những quốc-gia gần ta như Trung-Hoa Dân-quốc, Nhật-Bản, đều theo kịp trào - lưu nhạc quốc - tế, nghĩa là họ có những bản nhạc mới của họ, tại sao người Việt ta lại không có lấy một bản nhạc mới, đến nỗi phải mượn nhạc của người làm lời Việt mà hát. Thế là chúng tôi bắt đầu sáng-tác, (còn gọi là nhạc cải-cách).

Bước đầu, thực là trăm ngàn nỗi khó-khăn. Sáng tác ra bản nhạc rồi, để làm

NHỮNG CÂU HỎI ĐỀ GỢI Ý

1) *Bạn chuyên về nhạc gì ? Nhạc Tây phương hay nhạc Việt, nhạc mới hay cũ, cổ truyền hay cải cách ? Về ngành nhạc nào, và xin giải thích cho biết qua về ngành đó.*

2) *Bạn bước vào ngành nhạc trong trường hợp nào. Và tập luyện ra sao ? Xin cho biết về những hoạt động nghệ thuật của bạn (sáng tác, tấu nhạc, điều khiển ban nhạc, nghiên cứu về nhạc...)*

3) *Theo ý bạn chỉ nên phổ biến nhạc Tây phương cho thật rộng rãi hoặc chỉ phục hưng hay cải cách nhạc Việt ?*

4) *Nếu chỉ nên phổ biến nhạc phương Tây, thì có những sự khó khăn gì ? Và có những cách gì tiện lợi và hiệu nghiệm nhất.*

— để huấn luyện nhạc sĩ,

— để cho quần chúng hiểu được và ưa được.

5) *Nếu bạn chủ trương phục hưng hoặc cải cách, thì theo đường lối nào, và cần điều kiện gì ? Nhạc cổ Việt-Nam hay nhạc mới gọi là « cải cách », hiện nay có những ưu điểm, khuyết điểm gì ?*

6) *Ý kiến về tương lai nhạc Việt hoặc tương lai nghệ thuật nhạc tại Việt-Nam.*

gì ? Ban nhạc thì chưa có, chưa nói đến việc xuất-bản. Thế rồi ban *Myosotis* ra đời để trình bày những bản chúng tôi sáng-tác. Trong bước đầu đem ra trình diễn đã bị báo-chí đả kích. Những bài nhạc mới xuất-bản đầu tiên chỉ in độ 200 bản, với giá bán năm xu một bản, phải chờ 3, 4 năm mới bán hết số đó. Nhưng điều an ủi chúng tôi lúc đầu, vẫn là thanh-niên, học-sinh đã hết lòng hưởng ứng cổ vũ, chỉ trong vòng 5, 6 năm sau thì Tân-nhạc đã lan tràn về đến miền quê, và số in một bản nhạc thực nổi tiếng đã lên đến số 10.000 bản và tái bản đến 7, 8 lần. Thế là Tân-nhạc Việt đã mọc rễ và đâm trời nảy lộc. Đường lối sáng-tác nhạc Việt đã được vạch ra. Dùng kĩ-thuật Âu-Tây để viết ra những nét nhạc đượm màu sắc dân-tộc.

Những cái hay, cái đẹp của nhạc cổ-truyền, thực là rõ ràng, minh-bạch, nhưng ở nhạc cổ-truyền số bài bản chỉ có hạn. Riêng về Tân-nhạc phải luôn luôn có sáng tác mới, nhưng phải lấy nhạc cổ-truyền làm căn bản sáng-tác thì tác-phẩm mới có tinh thần dân-tộc.

Cho đến nay Tân-nhạc chỉ phát-triển về chiều rộng, và rất ít về chiều sâu. Tại sao vậy ? Đó là tại vì đa số sáng-tác từ trước đến nay, tuy đã có những bài đầy dân-tộc tính, nhưng vẫn chưa thoát khỏi ảnh-hưởng quá tai hại là nhạc Khiêu-vũ Âu-Tây. Cho nên vẫn còn nhiều bản đề những nhạc điệu Khiêu-vũ như Mambo, Samba, Swing, Rumba v.v... Chỉ vì bó hẹp trong những nhịp điệu đó, nên đã không tránh khỏi sự nhàm tai và bị phê-bình là lai căng, đầu Ngô, mình Sở.

Nhịp điệu cổ-truyền tuy chẳng nghèo nàn nhưng muốn cho sáng-tác đặc sắc, ta phải luôn luôn tìm ra những nhịp điệu mới để đóng khung những màu sắc riêng biệt.

Giáo - Dục Âm - Nhạc. — Từ khi có trường Quốc-gia Âm-nhạc thì việc giáo-dục Âm-nhạc có thể gọi là ổn định. Nhưng theo thiện ý của tôi thì Âm - nhạc phải được dạy ngay từ bậc Tiểu-học tại các trường và cài vào trong chương-trình tổng quát. Những học - viên tốt - nghiệp tại trường Quốc - gia Âm - nhạc sẽ lần lần được gởi đi dạy tại các trường Trung-Học trong toàn-quốc.

Trong đại đa số học-sinh, những người nào thực có khiếu về Âm-nhạc sẽ được chọn lựa để được gia nhập học tại trường quốc gia Âm nhạc là nơi chuyên môn đào tạo cán-bộ Âm-nhạc như hiện nay.

Tương lai của Nhạc Việt. — Nền móng nhạc Việt vẫn là nhạc cổ - truyền, nhưng nếu muốn cho Tân - nhạc tiến xa hơn, nhạc sĩ sáng-tác phải bỏ đi phần nào, cái mà ta gọi là nhạc Khiêu-vũ Âu-Tây. Đã đành rằng ta phải dùng đến bất cứ một nhịp điệu nào, nhưng muốn tiến tới Đại-Nhạc-Kịch để kế tiếp sau tuồng Cải-lương, ta phải có đủ loại sáng-tác, nghĩa là đủ điều kiện để diễn tả Hỉ Nộ Ai Lạc..., những cái mà Đại - Nhạc - Kịch cần đến. Nói đến sự thiếu sót, thì nhạc Việt còn thiếu nhiều lắm. (Sẽ xin bàn đến trong những bài sau này).

Ngay nhạc diễn tả thuần túy, ta cũng mới có một vài bản, và rất ít khi được đem ra trình-bày. Vì nhạc không có lời ca rất ít được người hiểu và ưa-thích...

*
• •

BÁCH KHOA PHÒNG VẦN GIỚI NHẠC SĨ

Ước nguyện riêng của tôi.— Sau khi đã có trên 200 bản được trình bày, tôi còn rất nhiều bài còn để đó. Vì không có phương tiện ấn hành. Điều tôi mong ước là sớm có hội Chủ quyền Tác-giả Âm-nhạc để bảo vệ quyền - lợi của nhạc - sĩ sáng tác.

Đài phát-thanh quốc-gia Việt-Nam đã có thiện chí nâng đỡ nhạc sĩ sáng-tác là trả cho mỗi bản mới một lần đầu là 400 \$ 00 để phát-thanh bản đó. Nhưng số bản nhạc đó đã là những bản sáng-tác theo nhu-cầu Chiến-dịch mà đài nêu ra..., sẽ khó mà được các nhà xuất-bản chiếu cố đến.

Nói rút lại, sáng-tác hiện nay không thể nuôi sống được nhạc-sĩ sáng-tác. Chỉ khi khi nào có hội Chủ quyền Tác-giả

Âm-nhạc thì họa may « bản quyền trình-diễn » mới được nói đến và tác giả mới chuyên tâm vào việc sáng-tác. Như hiện nay, người nhạc sĩ sáng-tác còn phải vật lộn với sự sống hằng ngày, bằng cách làm một nghề khác. Họa chăng cái nghề đó có gần với sáng-tác là nghề : nhạc công, hoặc dạy nhạc



Phụ chú : Lần đầu tiên tôi đôn tranh với một dàn nhạc Âu-Tây là ngày kỉ - niệm Hòa-Bình Liên-Hiệp-Quốc tại tòa Đô - Chính Sài-gòn năm 1950. Sau này mới có cái tên là Cổ Kim hòa điệu cho loại trình-diễn đó.

DƯƠNG-THIỆU-TƯỞC

« SỰ AN-NINH CỦA BẠN LÀ TÙY NƠI NGƯỜI BẢO-HIỂM BẠN

DESCOURS & CABAUD

BẢO-HIỂM

27 - 29, Đại lộ Hàm - Nghi — SAIGON

Điện - thoại 23.739

ACCIDENTS — INCENDIE — TRANSPORTS — RISQUES DIVERS

Tai-Nạn

Hỏa-Hoạn

Hàng-Hải

Linh-Tinh

ĐẠI - LÝ

của

MUTUELLE GÉNÉRALE FRANCAISE ACCIDENTS

CENTRALE — RHONE MEDITERRANEE

LA MUTUELLE DU MANS

Chi nhánh : PARIS — TOURANE — CHOLON — DALAT — CANTHO

VIENTIANE — HONGKONG TANANARIVE — TAMATAVE ABIDJAN DOUALA

TRIỂN LÃM HỘI HỌA ESSO 1963

Saigon ngày 26 7-1963.

Code 7060

THÔNG CÁO BÁO CHÍ PHÒNG TRANH ESSO 1963

Công Ty ESSO STANDARD EASTERN, INC. vừa loan báo : để tiếp tục tham gia vào công việc khuyến khích nghệ thuật tại Việt - Nam, Hãng sẽ tổ chức Phòng Tranh ESSO 1963 trong tháng 9 tới đây.

Trong cuộc triển lãm hội họa năm nay, một Ban Giám Khảo sẽ tuyển lựa 12 tác phẩm đặc sắc nhất để tặng giải thưởng, gồm có một giải nhất 25.000 \$, một giải nhì 15.000 \$ và mười giải khuyến khích mỗi giải 2 000 \$

Mỗi họa sĩ có thể gửi tới tham dự một hoặc hai bức tranh ; tác phẩm có thể là tranh sơn dầu, phấn tiên, màu nước, sơn bột và tranh lụa, và phải gửi tới Phòng Giao Tế ESSO, số 8 Đại lộ Thống Nhất, Saigon, từ ngày 15 tháng 8 tới trước 11 giờ ngày 28 tháng 8, 1963.

Đây là năm thứ năm ESSO tổ chức cuộc triển lãm hội họa thường niên.

Saigon, ngày 26 tháng 7, 1963.

Code 7857

Kính gửi quý vị Họa-sĩ,

Một lần nữa, chúng tôi xin trân trọng kính mời quý vị tham dự cuộc Triển Lãm Hội-Họa của ESSO.

Trong bốn năm qua, cuộc Triển Lãm hàng năm do chúng tôi tổ chức đã được quý vị hưởng ứng và tham gia đông đảo. Thịnh tình đó khích lệ chúng tôi duy trì hoạt động văn nghệ thường niên này.

Năm nay chúng tôi sẽ cố gắng tổ chức Phòng Tranh ESSO 1963 cho được hoàn mỹ hơn những năm trước. Cho nên bản thể lệ tham dự có nhiều điểm thay đổi nhằm mục đích nâng cao giá trị nghệ thuật của cuộc Triển Lãm Hội Họa ESSO.

Thành tâm mong mỗi quý vị sẽ hưởng ứng và tham dự đông đảo.

Chúng tôi xin chờ đón sáng tác của quý vị.

ESSO STANDARD EASTERN, INC.
DƯƠNG XUÂN-KHÁNH

Quyền Chánh Sở Giao-Tế

Muốn biết thêm chi tiết, xin liên lạc với Phòng Giao-Tế ESSO 8, Đại lộ Thống Nhất, Saigon, điện thoại 21.381 - 21.382, sáng từ 7 giờ 30 tới 11 giờ 30, chiều từ 1 giờ 30 tới 4 giờ 30.

THẺ LỆ THAM - DỰ

A) Họa-Phẩm.

1. — Đề tài và khuôn khổ họa phẩm để tùy cảm hứng họa sĩ.
2. — Họa phẩm gửi tới phải là sáng tác của chính họa sĩ ký tên và chưa hề trưng bày lần nào trên toàn cõi Việt-Nam.
3. — Nếu tác phẩm phỏng họa một tấm ảnh chụp, thì tấm ảnh này phải do chính tay họa sĩ chụp lấy. Tác phẩm phỏng họa hình ảnh bán sẵn hoặc đã đăng trong báo chí sẽ bị loại.
4. — Họa phẩm phải thuộc những loại tranh sau đây :
sơn dầu, phấn tiên, màu nước, sơn bột và tranh lụa. Họa phẩm phải đóng khung sẵn (1), gắn sẵn hai khuy và sợi dây treo.

(1) Xin lưu ý quý vị, trong cuộc triển lãm hội họa ESSO 1962, có nhiều bức tranh được tán thưởng nhưng không bán được chỉ vì khung tranh không tương xứng với giá trị tác phẩm.

B) Thẻ Thức Tham-Dự.

1. — Mỗi họa sĩ có thể gửi tới tham dự một (1) hoặc hai (2) tấm tranh.
2. — Họa sĩ phải ghi chú đầy đủ phiếu tham dự cuộc Triển Lãm Hội Họa ESSO 1963 và phiếu thầu nhận.
3. — Mỗi bức tranh phải dán ở phía sau một phiếu dán tranh ghi chú đầy đủ.
4. — Họa phẩm cùng phiếu tham dự phải đưa tới:
Phòng Giao Tế Công Ty: ESSO STANDARD EASTERN, INC.
8, Đại-lộ Thống Nhất — Saigon.
từ ngày 15 tháng 8, 1963 tới đúng 11 giờ ngày thứ tư 28 tháng 8, 1963.
Chúng tôi không thầu nhận tranh trước ngày 15 tháng 8, 1963.

C) Tường Lệ và Giải Thưởng.

1. — Công Ty ESSO sẽ thành lập một ban chấm tranh gồm có những vị có thẩm quyền về hội họa và đại diện của Công Ty.
2. — Ban chấm tranh sẽ tuyển chọn trong số những tranh trưng bày mười hai tác phẩm xuất sắc nhất để trao tặng mười hai giải thưởng phân phối như sau: ● Giải Nhứt 25.000 \$ ● Giải Nhì 15.000 \$ ● 10 giải khuyến khích mỗi giải 2.000 \$
3. — Hai tác phẩm được thưởng giải nhứt và giải nhì sẽ thuộc quyền sở hữu của Công Ty ESSO STANDARD EASTERN, INC.

D) Triển Lãm và Ấn Hành Họa Phẩm.

1. — Tùy điều kiện thuận tiện, Công Ty ESSO sẽ tổ chức triển lãm các họa phẩm gửi tới trong thời gian từ 1-9-1963 tới 31-12-1963. Nhưng chúng tôi không bắt buộc phải tổ chức cuộc triển lãm nếu gặp trường hợp bất thuận tiện.
2. — Trong trường hợp phòng tranh không đủ chỗ trưng tất cả các tác phẩm gửi tới thì sẽ có một cuộc tuyển lựa sơ khởi để chọn lấy những sáng tác đặc sắc nhất đem triển lãm. Cuộc tuyển lựa này sẽ do những vị có thẩm quyền về hội họa đảm trách.
3. — Trong thời kỳ triển lãm, họa sĩ có toàn quyền bán tranh, nhưng tranh bán rồi vẫn phải để lại trưng bày cho tới hết kỳ hạn triển lãm.
4. — Công Ty ESSO dành quyền ưu tiên lấy hai bức tranh được thưởng giải nhứt và giải nhì.
5. — Công Ty ESSO dành quyền ấn hành và phổ biến vô điều kiện mười hai bức tranh trúng giải nếu có điều kiện thuận tiện.

E) Hoàn Trả Họa Phẩm.

1. — Sau cuộc triển lãm, Phòng Giao Tế Công Ty ESSO sẽ giao trả họa phẩm trong thời hạn hai tuần lễ. Chúng tôi không chịu trách nhiệm về sự thất lạc của các bức tranh không thầu hồi lại trong thời hạn đó.
2. — Công Ty ESSO không chịu trách nhiệm gửi trả họa phẩm bằng đường Bưu Điện hay bằng đường khác.
3. — Mười bức tranh trúng giải khuyến khích sẽ giữ ít lâu để làm bảng kèm trong trường hợp ấn hành họa phẩm.

F) QUYẾT ĐỊNH CỦA CÔNG TY ESSO STANDARD EASTERN INC., HOẶC CỦA BAN CHẤM TRANH TRONG VIỆC ĐIỀU HÀNH, DIỄN GIẢI VÀ ÁP DỤNG THẺ LỆ TRÊN ĐÂY SẼ LÀ TỐI HẬU VÀ CÓ ĐỦ YẾU TỐ PHÁP LÝ ĐỐI VỚI NHỮNG NGƯỜI THAM DỰ.

Saigon, ngày 26 tháng 7 năm 1963

ESSO STANDARD EASTERN INC.,

☛ Muốn biết thêm chi tiết, xin liên lạc với Phòng Giao Tế ESSO số 8, Đại lộ Thống Nhất Saigon, điện thoại 21.381.

SINH - HOẠT

Năm nay, Đại hội quốc tế Âm nhạc Giáo dục kì thứ V đã họp tại kinh đô nước Nhật, từ 3 đến 10 tháng 7.

Nước Việt ta có cử một phái đoàn tham dự. Phái đoàn đầu tiên của nước ta lần thứ nhất được góp mặt tại Đại hội gồm có 2 ông Nguyễn-Phụng, giám đốc trường quốc gia Âm-Nhạc và Kịch nghệ Sài Gòn, trưởng phái đoàn và linh mục Ngô-Duy-Linh, giám đốc trường Quốc gia Âm Nhạc và Kịch nghệ Huế, nhơn viên.

Phái đoàn đã lên đường sáng ngày 2 tháng 7. Và trở về Sài Gòn chiều ngày 16 tháng 7.

Mục đích của Đại hội này là « Trao đổi Văn hóa nói chung và những kiến thức Âm nhạc nói riêng giữa Đông và Tây ».

Để các bạn biết thêm về Đại hội quốc tế này, và nhất là về chương trình Đại hội và kết quả của Đại hội cùng sự đóng góp của phái đoàn nước ta, chúng tôi đã tìm gặp ông Nguyễn-Phụng và nhờ ông trả

Về đại hội quốc tế âm nhạc giáo dục kì thứ V tại Đông-Kinh

Nguyễn-Ngu-Í

lời những điều mà có lẽ hầu hết các bạn đều muốn biết.

Sau đây là những câu hỏi và cùng câu trả lời :

— Xin ông cho biết qua về tổ-chức Đại-hội này và mấy năm mới có một lần ?

Đại-hội này do hội Quốc-tế về Âm-nhạc Giáo-dục (*International Society For Music Education* gọi tắt là ISME) tổ-chức dưới sự bảo-trợ của các bộ ngoại-giao, hội Quốc gia Giáo - dục Nhật, Ủy - hội Quốc - gia UNESCO Nhật, Ủy-hội Quốc-gia Nhật IMC (*International Music Council*) và đài

vô - tuyến truyền - thanh Quốc - gia Nhật (NHK : Nippon Hoso Kyo-kai), với sự hợp tác của Đô-thị-phủ Đông-Kinh và Tổng-hội âm-nhạc Giáo - dục Nhật (All - Japan Music Education Society).

Ngày khai-mạc Đại-hội đã được đặt dưới quyền chủ-toạ của Hoàng-Thái-Tử Nhật và Bác-sĩ Giáo-sư Samuel Band - Bovy, chủ tịch hội ISME và cũng là giám-đốc học-viên Âm-nhạc Genève (Thụy-Sĩ) với sự hiện-diện của quý ông Bộ-Trưởng Quốc-gia Giáo-dục Nhật, Giáo-sư Naoaki Fukui, chủ-tịch Tổng-hội Âm-nhạc Giáo-dục Nhật (AJMES) và toàn-thể hội-viên ban Trị-sự ISME...

Sang năm 1964, ban Trị-Sự ISME sẽ nhóm tại thành Budapest (Hung-Gia-Lợi) và theo tôi được biết, vừa rồi họ dự tính sẽ nhóm Đại-hội kì tới (kì VI) tại Gia-Nã-Đại trong năm 1965 hoặc 1966. Như vậy có lẽ chỉ hai hoặc ba năm mới có một kì Đại-hội như vừa rồi tại Đông-Kinh.

— Có phải lần này là lần đầu tiên mà Đại hội được họp ở Á-Châu ?

— Đúng thế, đây là lần đầu tiên Đại hội ISME được triệu-tập tại Á-châu mà nước Nhật đã được cái vinh-dự tổ-chức trước nhất Đại-hội kì V này.

— Có bao nhiêu nước tham dự ?

— Ngày đầu Đại-hội thì có tất cả 32 nước hiện-diện, song đến gần ngày bế-mạc, hỏi lại thì có đến 36 nước gửi đại-diện tham gia Đại-hội ISME kì V, nếu kể cả Hong-



Phiên họp đặc biệt về âm nhạc giáo dục chuyên nghiệp.

Từ trái qua mặt : linh mục Robert F. M. Vliger (người Bỉ, hiện là phụ giáo tại trường Đại học Âm nhạc Elizabeth ở Tokio) Ô. Nguyễn-Phụng, Cồ Quon, đại diện Hong Kong, bà Carazon S. Maceda, đại diện Phi Luật Tân.

Kong và Hawaii. Trong số này có bốn nước Cộng-sản là : Nga-Xô, Hung - Gia - Lợi, Tiệp-Khắc và Nam-Tư. Lẽ dĩ-nhiên không có Bắc-Việt, Bắc-Hàn và Trung-Cộng. Có điều làm tôi hơi ngạc-nhiên là không thấy các đại-diện nước Í-Đại-Lợi, I-Pha-Nho, Nam-Mĩ. Cũng không có các nước Bảo-Gia-Lợi, Lỗ-Ma-Ni, Á-Rập, Ai-Lao.

Đại-hội đặt nghị-trường tại đại thánh-đường Âm-nhạc Đông-Kinh (Tokyo Metropolitan Festival Hall) trong Công-viên VENO (VENO Park).

— Xin cho biết những điều đem ra bàn-cãi ở Đại-hội và kết-quả.

— Nghị-đề chánh của Đại-hội ISME kì V là : *Vai trò và vị-trí của Âm-nhạc trong sự Giáo-dục thanh-niên và người lớn* (The role and place of Music in the Education of Youth and Adults).

Kể ra thì rất là nhiều đề tài được các nước đề-cập và tuân-tự thuyết-trình trong ba loại phiên họp đặc-biệt (Séance spéciale) và trong các phiên-tổng-họp (Séance Générale).

Các phiên-họp đặc-biệt chia ra làm ba Ủy-ban thuyết-trình và thảo-luận về các đề tài thuộc những phạm-vi sau đây :

- a) Âm-nhạc giáo-dục chuyên-nghiep.
— Vấn-đề đào-tạo giáo-sư âm-nhạc.
 - b) Âm-nhạc trong các học đường.
— Sinh hoạt Âm nhạc trong các học đường Phổ thông và Đại-học-đường.
 - c) Âm nhạc Giáo dục Cộng đồng.
— Phương tiện kĩ thuật trong Âm nhạc giáo dục (trong đó vô-tuyến truyền thanh, truyền-hình (điện thị), phim ảnh và đĩa hát được ưu thế nhất).
— Sinh hoạt âm nhạc trong đời sống cộng đồng.
- Các nghị đề có tám cách đặc biệt hoặc quan trọng chung thì được đem ra các phiên tổng họp như thí dụ các vấn đề sau đây :
- Những đường hướng mới trong âm nhạc giáo dục ;
 - Dân ca và nhạc nghệ trong quá khứ và hiện tại ở Á-Đông, ở Âu Châu,
 - Vai trò Soạn-nhạc-gia ở Đông và Tây ;
 - Ảnh hưởng Á-Đông trong âm nhạc Tây-phương ;
 - Sự quan trọng của âm nhạc giáo dục để hiểu biết lẫn nhau giữa Nhạc Đông và Tây ;

— Sự áp dụng nhạc Tây Phương trong phương sách giáo dục tại Á-Đông v. v...

Riêng trong các phiên họp đặc biệt, Đại hội đã có 10 nước đại diện thuyết trình (trong đó có Việt-Nam Cộng-Hòa), tất cả những đề tài khác nhau. Lẽ dĩ nhiên là nước Nhật nói nhiều nhất, kể đó là Bắc-Mĩ.

Ngoài ra có tất cả 7 nước đại diện đã lên diễn đàn trước 8 phiên Tổng họp (không kể 2 phiên chót dành cho các chủ tịch Ủy ban phúc trình, tổng báo cáo và đúc kết các quyết định và khuyến cáo cho Đại hội trong tương lai) với 16 đề tài khác nhau.

Kết quả Đại hội Quốc tế Âm nhạc giáo dục ISME kì V tại Đông-Kinh đã quyết định như sau :

Xét vì : Âm nhạc có tác dụng tinh thần rất hữu ích và lành mạnh đối với sự giáo dục Thanh, Thiếu-niên cũng như người lớn ;

— Âm nhạc là một thiện sách liên kết mỗi tương thân, tương ái và sự hiểu biết lẫn nhau giữa các dân tộc.

— Âm nhạc giáo dục là cần thiết không những đối với các trẻ em mà còn cho cả thanh niên và người lớn.

Đại hội ISME kì V lưu ý các nước đại diện về 7 điều khuyến cáo sau đây :

- 1) Tất cả trẻ em đều có quyền thụ hưởng giáo dục về Âm nhạc. Cần phải cho chúng ít nhất mỗi tuần lễ 2 giờ Âm nhạc và cần chú trọng đặc biệt đến những phần tử có xu hướng chuyên nghiệp trong tương lai ;



Một buổi trình diễn hợp ca (gần nghìn người) tại Thề Thao Trường Đông Kinh của thanh thiếu niên âm nhạc hội.

2) Các nhạc viện, trường chuyên nghiệp Âm nhạc, học đường phổ thông cần phải được trang bị đầy đủ dụng cụ giáo khoa hoặc ít nhất phải có cái tối thiểu của nhu cầu cần thiết cho một sự giáo dục đứng đắn ;

3) Cần quan tâm về việc đào tạo giáo sư Âm nhạc. nhất là đối với các giáo chức có trọng trách chuẩn bị các trẻ em trở thành phần tử chuyên nghiệp ;

4) Về phương diện trình tấu nhạc, cần phần khích óc sáng tạo của trẻ em bằng những nhạc điệu có giá trị như các điệu ca bình dân, dân ca và kể cả các loại nhạc Âu-Á hiện đại.

5) Cần quan tâm nghiên cứu, học hỏi nhạc Á cũng như Âu. Đặc biệt lưu ý các nước Tây Phương nên cho học hỏi và nghiên cứu nhạc Á-Đông ;

6) Trên phương diện phương tiện kĩ thuật (Médiotechnique) cần có sự hợp tác giữa các chuyên viên về phương pháp giáo khoa thính thị ;

7) Cần sáng lập, trong một tương lai gần đây, một Viện Quốc tế Âm nhạc giáo dục (Institut International pour l'Education musicale) đặt nó làm trung tâm sưu tầm và nghiên cứu Giáo khoa Âm nhạc.

— Sự góp mặt của phái đoàn Việt-Nam ở Đại hội ra sao ?

— Trước hết tôi thấy cần phải nói là từ ngày nước nhà mới có thật-sự một nền âm-nhạc giáo dục phổ thông cũng như chuyên-nghiep (1956-1958), đây là lần đầu mà nước ta chính-thức tham-gia một Đại-hội quốc-tế về âm-nhạc giáo dục. Vì vậy cho nên tôi tôi nhận thấy trong hiện tại và trên bình-diện quốc-tế ta chỉ cần trình-bày cho họ rõ tổ-chức thực trạng của nền âm-nhạc giáo-dục nước nhà. Tôi thiết-tưởng bao nhiêu đó cũng tạm đủ đóng-góp gián tiếp với Đại-hội về phương-diện trao-đổi kinh-nghiệm và kĩ-thuật âm-nhạc giáo-dục. Trên bình-diện quốc-gia thì đó thật là một cơ-hội quý-báu cho chúng ta học hỏi thêm và rút kinh-nghiệm về mọi mặt liên-hệ của Đại-hội.

Sự hiện-diện của phái đoàn ta ở Đại-hội này, mặc dầu nó chỉ gồm có tôi và linh-mục Ngô-Duy-Linh, giám-đốc trường Quốc-Gia Âm Nhạc-Kịch-Nghệ Huế, kể ra cũng là một sự cố gắng đầy thiện-chí và đáng mừng của Chính phủ, nhất là trong hiện-tình của nước nhà trước vấn-đề xây-dựng Văn-hóa. Thiện-chí ấy đã giúp cho anh em chúng tôi càng cần ý thức rõ thêm về vai trò và nhiệm-vụ của giáo-chức trong giai đoạn đấu tranh hiện tại ở trong như ở ngoài nước.

Trong 36 nước tham gia Đại hội, chỉ có 13 nước được mời lên diễn đàn, trong đó có Việt-Nam Cộng-Hòa. Nhân danh trưởng phái đoàn Việt-Nam, tôi đã thuyết trình về « *Hiện trạng của nền Âm-Nhạc giáo-dục tại Việt-Nam* » trong một phiên họp đặc biệt thuộc ủy ban Âm-nhạc giáo-dục chuyên nghiệp. Đồng thuyết trình trong phiên họp này, có các đại diện nước Nhật, Phi-Luật-Tân, Trung-Hoa Quốc gia, Hong-Kong và Mĩ (vắng mặt). Đáng mừng nhất là cử tọa rất hoan nghênh và đã tỏ ra đặc biệt chú trọng đến đoạn kết luận trong bài thuyết trình của tôi đã nêu lên tình trạng âm-nhạc giáo dục ở các nước chậm tiến nếu không nói là kém mớ mang về phương diện giáo dục nói chung và âm nhạc nói riêng cũng như về kinh-tế.

Theo tôi được biết xuyên qua Đại hội thì mình là đại diện duy nhất đã nêu lên vấn đề đó một cách hết sức thực tế, nhất là đối với khối Á, Phi cần phải có những kế hoạch phát triển âm nhạc giáo dục từ vật chất đến kĩ thuật cho thích ứng với điều kiện thực tế về mặt kinh tế cũng như xã hội của những nước chậm tiến.

Thành thật mà nhận định thì phần đông các vấn đề được đề cập trong Đại hội về phương tiện kĩ thuật giáo khoa (Media-Technique) chỉ có lợi ích thực đối với các nước tiên tiến có sẵn những phương tiện dồi dào mới mong thực hiện được.

Vì thế cho nên tôi đã nhấn mạnh về đặc điểm cần có sự trao đổi không những kinh nghiệm, kiến thức, tài liệu mà còn phải tìm biện pháp nhờ sự trung gian của UNESCO để giúp điều kiện cho các hiệp hội âm nhạc liên hệ như IMC và nhất là

Sách Báo Mới

Bách-Khoa đã nhận được :

— **Những giai thoại về ngoại giao** của Phạm-Trọng-Nhân, do Nam-Chi Tùng-Thư xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày ngót 50 trang không đề giá bán.

— **Bút Hoa tập san**, Bộ mới số 1 do ông Trần-Xuân-Chấn chủ trương và tòa soạn đặt tại : 213 Bùi-Viện Saigon — Mỗi số dày 116 trang giá 12đ.

Guồng máy của Giăng-Rôn-Xac do Trần-Phong-Giao dịch, Thời Mới xuất-bản và dịch giả gửi tặng. Sách dày 200 trang ; Bản đặc biệt không đề giá.

Lính / tiền đồn / yêu / tổ quốc tập thơ của Phạm-Xuân-Dương, Đại nam văn Hiến xuất-bản và nhà xuất bản gửi tặng — Sách in ronéo, dày 17 trang, không đề giá bán :

Chiếc roi ngựa do Đường Bá-Bồn dịch bản Pháp-văn «La Cravache» của Virgil Gheorghiu, Đại Nam Văn Hiến xuất bản và dịch giả gửi tặng. Sách in ronéo, dày trên 120 trang, bản thảo không bán.

Trân trọng cảm ơn các dịch giả và nhà xuất bản trên đây và xin ân cần giới thiệu cùng các độc-giả Bách-Khoa.

ISME thực hiện các điều khuyến cáo do các Đại hội quốc tế thừa nhận bằng những sự trao đổi chuyên viên giáo sư và cũng quý báu hơn nữa là trợ giúp phương tiện giáo khoa cho các nước kém mở mang về âm nhạc cũng như âm nhạc giáo dục.

Cũng trong dịp này tôi đã được các giáo sư Egon Kraus, tổng thư kí hội ISME, giáo sư Pierre Auelert, phó chủ tịch hội ISME và ông Naohiro Fukui, hội Viên Ban Trị sự ISME, giám đốc nhạc viện Musashino (Musashino Academia Musicae) kiêm chủ tịch ban trị sự tổ chức đệ V Đại hội ISME, mời và lãnh giới thiệu tôi vào làm hội viên (cá nhân) của ISME. Họ hi vọng sẽ được sự hợp tác của tôi trong ban Trị sự. Lẽ dĩ nhiên là vì lợi ích cho nước nhà trong tương lai mà tôi đã nhận lời hợp tác với mọi tính cách mà ISME sẽ dành cho tôi.

Bản thuyết trình của tôi được phổ biến bằng 3 thứ tiếng : Anh, Pháp, Nhật. Sau buổi nhóm có các đại diện Pháp, Mĩ, Úc Trung-Hoa, Phi-Luật-Tân và dĩ-nhiên là có Nhật đến xin biết thêm một vài chi-tiết để cho họ tiện việc tường-thuật buổi họp qua sách và báo. Riêng có giáo-sư André Ameller, Giám đốc nhạc viện Dijon (Pháp-quốc) hứa với tôi sẽ đến viếng trường Sài Gòn trong một ngày gần đây. Ông có nhã ý muốn viết bài giới-thiệu nền âm-nhạc giáo dục Việt - Nam với người Pháp vì ông nhận thấy giữa hai tổ-chức âm-nhạc giáo-dục Việt - Pháp có nhiều đặc-điểm tương-đồng; về mặt tổ - chức giáo-dục chuyên - nghiệp thì ông nhận thấy có một vài điểm đặc-sắc mà ông có ý-định muốn đem áp-dụng ở viện của ông sau này.

— Xin cho biết cảm-tưởng của ông đối với Hội-nghị này ?

— Đại-hội này đã ghi lại cho hai anh em đại - diện chúng tôi nhiều cảm - tưởng rất tốt đẹp, không những đối với Hội-nghị mà thôi. Ngoài công-tác hội-nghị, chúng tôi đã quan-sát, học hỏi được nhiều điều hữu-ích xuyên qua các buổi trình-diễn ca, nhạc do Đại-hội tổ-chức và các cuộc viếng thăm các cơ-quan Âm-nhạc. Cảm-tưởng đó càng tốt đẹp bao nhiêu thì một khi trở về nước tôi càng nặng lo bầy nhiều cho vấn-đề xây-dựng ở nước nhà.

Suốt trong thời-gian ở xứ người, tôi đã suy-nghĩ rất nhiều chung quanh câu hỏi này : tại sao nước Nhật ngày nay như thế nào thành-công, tiến-bộ đến thế (ch nói riêng về sinh-hoạt Âm-nhạc của họ thôi) ? Về yếu-tố vật-chất mình không thể so-sánh với họ được cũng như vị-trí và hoàn-cảnh lịch-sử xã-hội. Xét kỹ lại thì các chính-yếu thành-công của họ trong mọi lãnh-vực có lẽ là cái yếu-tố tinh-thần nặng hơn.

Tài-trí, tài bất chước, óc cầu-tiến, năng khiếu sáng-tạo, khiếu thẩm-mĩ theo ý tôi không phải là những ưu-thế của người Nhật trong các tiến-bộ và thành-công mà chính là do cái lòng yêu Tổ-quốc một cách triệt để và thành tâm không vì danh lợi cá nhân. Nó đã tạo cho họ một uy-thế mà ta có thể nói ít có nước nào có thể tự hào sánh bằng : đó là tinh-thần nhân-vị, trọng kỉ-luật và các ý-thức đứng-đắn về trách-nhiệm. Tôi cho đó là tất cả nhiên-liệu của guồng máy tiến-bộ của họ trong đó tinh-thần đoàn-kết và phục-vụ một cách bất vụ lợi là hai mã-lực chính của động-cơ này.

Nếu ta nhìn qua trình-độ công-dân giáo-dục từ giới lao-động đến hạng trí-thức, từ người thanh-niên công-nhân cho đến giới học-đường của họ thì những sự-kiện mà tôi vừa nêu lên cũng chẳng có gì đáng cho ta lấy làm ngạc-nhiên.

Tóm lại, không-khí của Đại-hội ISME kì V nói riêng và nhạc-giới Đông-Kinh nói chung đã gây nơi tôi một cảm-tưởng hết sức là tốt đẹp và hữu-ích. Hữu-ích vì đó là cơ-hội đã giúp cho tôi học-hỏi rất nhiều về kinh-nghiệm chuyên-môn cũng như về giá-trị tinh-thần của giáo-chức, của nghệ sĩ và văn-hóa của xứ Phù-Tang.

— Ông có dự-định tổ-chức một buổi thuyết-trình về chuyến đi này không ?

— Lẽ dĩ-nhiên, ngoài bản phúc-trình chính-thức về cuộc tham-gia Đại-hội đó mà tôi phải đệ trình lên Chính-phủ, tôi đã được chỉ-thị của ông Bộ-trưởng Quốc-gia giáo dục để tổ-chức một buổi nói chuyện với anh, chị, em giáo-sư và nghệ-sĩ về các điều đã quan-sát và thu-thập được trong Đại-hội ISME kì V vừa qua cũng như trong sinh-hoạt âm-nhạc ở Đông-Kinh.

Linh-mục giám-đốc trường Quốc-gia âm-nhạc và kịch nghệ Huế lãnh phần trình-bày về hai lãnh-vực sau đây :

— Âm-nhạc giáo-dục trong các học-đường ;

— Âm-nhạc giáo-dục trong cộng-đồng.

Phần tôi sẽ nói tổng-quát về Đại-hội ISME kì V và hai đề tài chính sau đây :

— Âm-nhạc giáo-dục chuyên-nghiệp : vấn đề đào-tạo giáo-dục âm-nhạc ; và

— Phương-tiện kĩ-thuật giáo-khoa âm-nhạc.

Sách Bảo Mới

Bách-Khoa đã nhận được :

— **Anh-Thơ** lục-bát trường-thiên của Trần-Gia-Thoại, phóng tác theo bi-kịch Andromaque của Racine, Đại-Học Huế xuất bản, do tác giả gửi đăng. Sách dày 78 trang, bản đặc-biệt không đề giá.

— **Tập thơ bổ khuyết** thi tập của Trần-Văn-Nam, do tác giả xuất bản và gửi tặng. Sách dày 48 trang, gồm 2 phần : Thơ và Triết-Học, thơ cũ và chuyện tình đầu ; tổng cộng 20 bài thơ giá 20đ.

— **Nhận xét về nhà thơ Phương-Minh** của Nguyễn-Lê-Thùy và Ngô-Thị-Hà — Sách dày 88 trang in ronéo, có phụ lục một số bài thơ của Phương-minh, không đề giá bán.

— **Thơ Trần-Tuấn-Kiệt**, tập thơ của Sa Giang Trần-Tuấn-Kiệt, do tác giả gửi tặng. Sách dày trên 60 trang, Bùi-Giáng giới thiệu, Nguyễn Trung vẽ bià và phụ bản, giá 48đ.

— **Người yêu áo tím** tập thơ của Vũ-Thành do tác giả gửi tặng. Sách dày trên 40 trang, bản đặc biệt không đề giá.

Trân trọng cảm ơn các tác giả trên đây và xin ân cần giới thiệu cùng bạn đọc Bách-Khoa.

Chúng tôi dự-định tổ chức buổi nói chuyện này vào đầu tháng chín tới đây.

— Sau khi tham dự Đại-hội về ông có trù tính những thay đổi ở Trường không?

— Ngay trước việc đi tham-dự Đại-hội ở Đông-Kinh, đã nhiều lần tôi có dịp tỏ-bày với anh em giáo-sư ở trường, đại-khái những cái tổ-chức cần-thiết mà tôi đã trù liệu sẵn để đệ-trình bộ Quốc-gia Giáo-dục trong thời-gian gần đây. Những dự tính cái tổ đó có liên hệ một phần đến việc cải tiến trường từ giai đoạn phôi thai, thử thách đến giai đoạn trưởng thành, xây dựng lâu dài hay là sự cải tổ cho nó thành hoàn toàn một học viện quốc gia âm nhạc và kịch nghệ thích ứng với nhu cầu của xứ sở hiện tại và trong tương lai. Trong sự cải tổ này, điểm trọng yếu nhất là vấn đề chiến lược hóa ngành giáo dục âm nhạc và kịch nghệ theo tinh-thần quốc-sách áp chiến-lược hiện-hành.

Đĩ-nhiên là những điều đã thâm thập ở Đại-hội ISME cũng như đã quan-sát, học hỏi ở Đông-Kinh vừa rồi lại giúp thêm cho tôi nhiều sáng kiến và kinh-nghiem tổ

chức rất hữu-ích cho những cải tổ ở trường trong tương lai gần đây. Nhưng dầu sao đi nữa công việc này có được thực hiện hay không còn tùy thuộc thẩm quyền của bộ Quốc Gia Giáo Dục.

Thú thật với Anh : càng thấy của người tôi càng nặng tâm lo nghĩ đến nhiệm vụ tuy có hạn định của mình đối với tiền đồ âm nhạc và kịch nghệ giáo dục nói riêng và âm nhạc Việt-Nam nói chung.

«Ars longa, vita brevis», (1) tuy biết thế song tôi tự an ủi lòng tôi qua niềm tin tưởng triệt để ở nhóm người thiện chí, nhất là giới trẻ, ở những phần tử chân thật biết đặt quyền lợi thiêng liêng của Tổ quốc, của dân tộc lên trên tất cả.

Tin tưởng ở Chân Thiện Mĩ là lòng tin tưởng căn bản của một nghệ sĩ chân thành, tuy nhiên, muốn có những kết quả cụ thể, hoạt động nghệ thuật còn phải có điều kiện, điều kiện đó chính là sự hiểu rộng, biết nhiều của những phần tử có trách nhiệm thúc đẩy sinh hoạt nghệ thuật ở nơi đây.

NGUYỄN-NGU.Í

(1) « Nghệ thuật dài, đời người ngắn ».

Tại sao tôi trở thành nhà giáo dục (1)

Nguyễn-Ngu-Í kể

« Trước mắt, quý vị, có ba người đang ngồi.

« Người mà quý vị thấy trước nhất, là một tu sĩ. Nhờ áo dòng đen tôi mặc,

không ai có thể nghi ngờ về chức phận của tôi. Người thứ hai mà quý vị đoán biết qua lời báo chí giới thiệu, và vừa đây ông Phạm-Đình-Tên lại còn nhấn mạnh hơn

1) Do Tinh-Việt văn đoàn và tuần báo Văn-Đàn tổ chức ngày chủ nhật 14-7-1963 lúc 10 giờ, tại trường Quốc gia Âm nhạc và Kịch nghệ Sài Gòn. Diễn giả : sư huynh Pierre Trần-Văn-Nghiêm.



Sr huynh Trần-Văn-Nghiêm

nữa, là một giáo sư. Người thứ ba, chính là người phải nói chuyện hôm nay, mà bao người lầm lẫn với người thứ hai, ấy là nhà giáo dục».

Ba người trong một người, ba trách nhiệm nặng nề cả, còn gì phức tạp cho bằng. Mà cái may — may đối với diễn giả — cũng là ở đó. Vì là tu sĩ, mà nghề giáo sư và nghiệp giáo dục có phần dễ hơn. Ta hãy để cho thuyết trình viên nói rõ, vì đây là một trường hợp hiếm có, như ông cho biết.

« Trong trường hợp chỉ là tu sĩ mà không phải giáo sư, đời sống cũng có thể rất đẹp, nhưng ảnh hưởng trực tiếp trên mặt xã hội cũng phải yếu hơn, còn làm giáo sư mà không phải là một nhà giáo dục, thật khổ sở không gì bằng. Tiền tài thì dư giả, nhất là trong nước Việt-Nam, nhưng vì ít lưu luyện với học sinh, nên có khi biết mặt mà không biết tên !

Cuối cùng, nhà giáo dục mà không ở trong nghề giáo sư, dù cho giỏi cho hay bao nhiêu, cũng bị họ cho là nói xàm, chỉ có lý thuyết thôi, và con cháu lại phải gởi cho cô nhi viện như một thuyết gia nọ ta từng biết, cái may ắt chỉ trong trường hợp tôi mà thôi ».

Diễn giả thuật lại lúc nhỏ vì mẹ ông muốn ông làm linh mục, nhưng vì quá nghịch nên không được cha xứ tán thành. Rồi muốn đẹp lòng cha mẹ, ông xin vào học ở chủng viện, cũng không được. Mẹ ông cho đi học tiếng Pháp để sau này làm bác sĩ, và gia đình ông gởi ông học trường Taberd. Ngày đầu ông bước chân vô lớp tám, ông phải kích một cảnh làm ông « run cả người cho đến bây giờ » và đến bây giờ, ông còn sợ ông giáo lớp ấy : ông này đánh ngã một người bạn ngồi gần ông, lại còn lấy gậy đập trên lưng. Có một ông giáo mà ông rất mến, đến đời ông muốn đi tu như thầy, song lại nghĩ : « Đi tu như ông ấy, thì còn gì còn gì ăn Tết nữa ! Còn gì là đi dạo ban đêm dưới chợ Bến-Thành ». Ông thương thầy, nhưng thầy lại chẳng ưng ông. Có lần ông nghịch, bị thầy đè lưng xuống « đấm cho một cú như tiếng trống châu », làm ông « nghệt thở hơn năm phút ».

Hết học Taberd, ông xin ra Huế học trường Sư phạm của Dòng. Khi ấy, chưa có khoa tâm lý nhi đồng, khiến các giáo sinh tưởng rằng trẻ con phải giống người lớn mới là điều hay.

Năm 19 tuổi, ông ra dạy lớp nhì tại trường Pellerin. Hăng hái có thừa mà kinh nghiệm thì rất ít. Rồi ông được

đưa ra dạy ở Hải-Phòng, Nam - Định, Hà-Nội. Nhìn lại quang đời này, ông nhớ ba điều : một là khi còn non trong nghề, ông mắc phải bệnh chủ quan, hai là ông đã chịu khó đọc sách báo sư phạm và làm việc, ba là ông đều luôn luôn muốn tìm cái vui, cái thú và cái sung sướng cho học sinh.

Ông phải lần dò mãi mới tìm được đường lối.

Do một sự may mắn, ông được thấy cần học thêm về tâm lý sư phạm, và về giáo khoa giáo lý. Rồi từ đó, ông chuyên về giáo dục, cả lý thuyết lẫn thực hành.

Bốn phận của nhà giáo dục là phải biết rõ nhu cầu của mỗi tuổi, để giúp sự phát triển theo tự nhiên và hợp cách.

Nhận thức điều này, ông rất dè dặt khi thấy một cử chỉ gì khác thường nơi đứa trẻ, chớ không xét đoán cử chỉ ấy như là xét đoán cử chỉ của một người đã trưởng thành.

Diễn giả đưa ra ví dụ tại sao lũ trẻ thành cao bời.

« Trước tiên vì chúng đến tuổi đoàn kết và thích phiêu lưu mạo hiểm. Thứ hai, vì người lớn chẳng những không biết sử dụng hai khuynh hướng tự nhiên đó bằng cách tổ chức hoạt động công cộng : trò chơi, cắm trại, hội đàm v.v. lại còn bày ra nhiều chuyện mơ mộng, cướp bóc, bắn giết. Vì đó mà bao nhiêu

sức mạnh trong trẻ hoặc bị đưa vào con đường hung hăng, lỗ mãng, hoặc bị bỏ rơi, bị buộc ép».

Rồi diễn giả ca ngợi phương pháp linh hoạt đối với sự giáo dục.

Và ngỏ ít lời tâm sự.

Không gì vui cho bằng khi thấy học sinh hay sinh viên cũ theo con đường mình vạch : biết hi sinh cho đàn em không bao giờ thỏa mãn vì đã được học cao, biết nghiên cứu luôn luôn cho công việc mãi mãi thích nghi với nhu cầu càng phức tạp của xã hội và của trẻ trong xã hội đời nay, có ý thức tiến thủ trong mọi việc làm.

Và cũng không gì buồn bằng thấy sự tương tranh giữa hai phái tân và cựu khiến một vài thế hệ con trẻ phải chịu thiệt thòi, thấy trẻ con bị phân xé giữa hai khuynh hướng giáo dục trái ngược : học thức chủ nghĩa và nhân bản chủ nghĩa, thấy các nhà giáo thích sự dễ dàng, hết cần tiến bộ.

Tiếp theo, diễn giả đưa ra một vài ý kiến về giáo dục của ta hiện nay.

Ở phần kết luận, diễn giả nghĩ rằng tìm được chí hướng, không hẳn là do sự tình cờ, mà do nhiều điểm cảm ứng có sẵn trong lòng trong trí ta. Và theo ông, có hai điều kiện cần thiết để tạo chí hướng cho mỗi người, đó là *năng khiếu* và *sở thích*.

NGUYỄN-NGU-Í kể

★ Sự cao cả không phải ở trong việc làm ; nó ở trong cách làm việc ấy.

Napoléon

HỘP THƯ BÁCH-KHOA

Bách.Khoa vừa nhận được :

— Tia chớp trên núi đá (Ngô-Phan-Lưu) — Hối sủng ; Chân dung Ngọc Lan... (Thư-Nhất-Phương) — Sầu 16 (Mạc-Vân) — Chuyện qua rồi ; Người con gái Kim Long... (Thụy-Lan-Hương) — Vào đời (Lê Vĩnh Thụy Phương Đình) — Tuổi chia ly ; Xứ tình ; Cúi chào ; Bỏ quên... (Thê-Ly) — Dã trường... (Nguyệt-Cường) — Chân dung... (Trang-Thiên Nhất-Phương) — Bay qua biển (Trần - Sao) — Đôi lời... (Chuyện Thân) — Chiều lạc hướng.. (Nguyễn - Thanh - Đăng) — Sáng trăng... (Tạ - Hiện) — Bài chung thủy ; Nỗi buồn ; Thủy... (Viên-Tấn) — Vùng biển chết (Xuân-Thao) — Say trăng... (Trần-Duy Minh-Đạo) — Nỗi buồn tuổi lớn... (Lưu-Ly) — Quê hương tôi (Tinh-Huyền) — Minh (Thanh-Huyền) —

Cung điệu ; Hạ uy Cầm (Tuyên-Hạnh) — Tỉnh Quảng Nam ; Tiếng buồn (Thi Thi Hoài Mộng) — Bài thơ ngày cũ (Phú-Thử) — Nguyễn (Sao lẻ) — Miền hoang (Kỳ-Lê-Văn) — Trường học đỏ ; Huy (Mặc-Mai-Nhân) — Cửa quá khứ (Đỗ-Trâm) — Hôm nay... (Huỳnh-Thị-Như-Ngọc) — Các anh về... (Hoàng-Thị-Thủy-Tiên) — Nghỉ hè (Nguyễn-Châu) Lòng mẹ ; Hy vọng sương mù (Thùy-Lam) — Tuổi thơ cùng Hà-Nội ; Ước mong về sau (Triều Sao Đại) — Chiều chia ly ; Bài tình yêu (Huy-Phong).

Xin trân trọng cảm ơn các bạn. Tất cả những bài trên đây nếu bài nào qua bốn kỳ Bách-Khoa mà vẫn chưa đăng, **trừ THƠ** và trường hợp đặc biệt có thư riêng, thì xin các bạn coi như là không đăng mà thông cảm cho. Đa tạ.

QUÝ-VỊ HÃY DẶN DÀNH LẠI NGAY TỪ BÂY GIỜ

MỘT MÁY ĐÁNH CHỮ LÀM TẠI THỤY-SĨ

HIỆU

HERMES



LOẠI XÁCH TAY

LOẠI ĐỂ BÀN GIẤY



tại nhà in I.N.D.E.O.

IMPRIMERIE NOUVELLE D'EXTRÊME-ORIENT

1, Đường "Nguyễn-Sieu" — Téléphone 20.821 — SAIGON

Khảo luận về ngữ pháp Việt-Nam

*của TRƯƠNG-VĂN-CHÌNH
và NGUYỄN-HIỂN-LÊ
Đại học Huế xuất bản*

Bộ ngữ pháp đầu tiên hợp với tinh thần Việt-ngữ soạn theo một phương pháp mới, không chịu ảnh hưởng các phương pháp cổ điển Âu Mỹ.

Cần thiết cho tất cả các nhà giáo và những người muốn trau dồi tiếng Việt. Dày 720 trang. Giá 250 \$.

Có bán tại 12/3c Kỳ-Đông — SAIGON

Giá đặc biệt cho sinh viên

Người yêu văn chương và sách đẹp đón mua :

Chiều quê hương

Tập truyện ngắn đặc sắc của HUY-TRÂM

Tranh bìa 3 màu của Họa sĩ NGUYỄN-SAO

Phát hành ngày 30-7-63

Giá 38 \$

Đã có bán ở Saigon :

LƯỢC SỬ VĂN NGHỆ VIỆT-NAM

NHÀ VĂN HẬU CHIẾN 1950-56

THẾ-PHONG phê bình về các nhà văn thơ đương thời

Sách dày 202 trang — Giá 200 đ.

● 21-7-1963 Đại-Nam-Văn-Hiến, LOẠI SÁCH BẢN THẢO đã gửi tới quý Anh Chị Lâm Nghệ Thuật và Độc Giả loại Club des Am de L'Art et de Lettres :

1) LÍNH / TIỀN ĐÒN / YÊU / TỔ QUỐC *th* PHẠM-XUÂN-DƯƠNG

2) CHIẾC ROI NGỰA

truyện GHEORGHIU

THAI BANKING SERVICES IN SAIGON

Bangkok Bank Ltd.

SAIGON BRANCH

44, Nguyễn-Công-Trứ, 44

S A I G O N



HEAD OFFICE

Plapplachai, Bangkok.

OVERSEAS BRANCHES :

LONDON

Barrington House 59-67 Gresham Street, London, E.C. 2

TOKYO

No. 1, 2-Chome Muromachi, Nihonbashi, Chuo-ku, Tokyo

HONGKONG

60, Bonham Strand West.

CENTRAL DISTRICT

Shell House, Queen's Road.

KOWLOON

580 A. Nathan Road Kowloon.

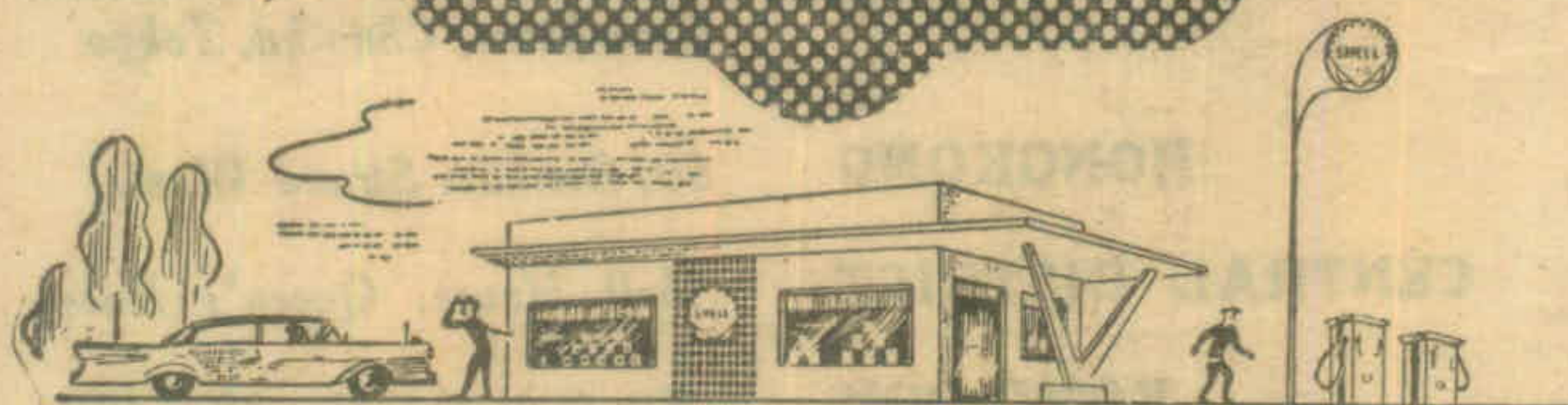
SINGAPORE

64 South Bridge Road.

KUALA LUMPUR

14 Ampang Street.

Dầu nhớt giữ máy xe luôn luôn sạch-sẻ



hơn 50 năm tại Việt-Nam

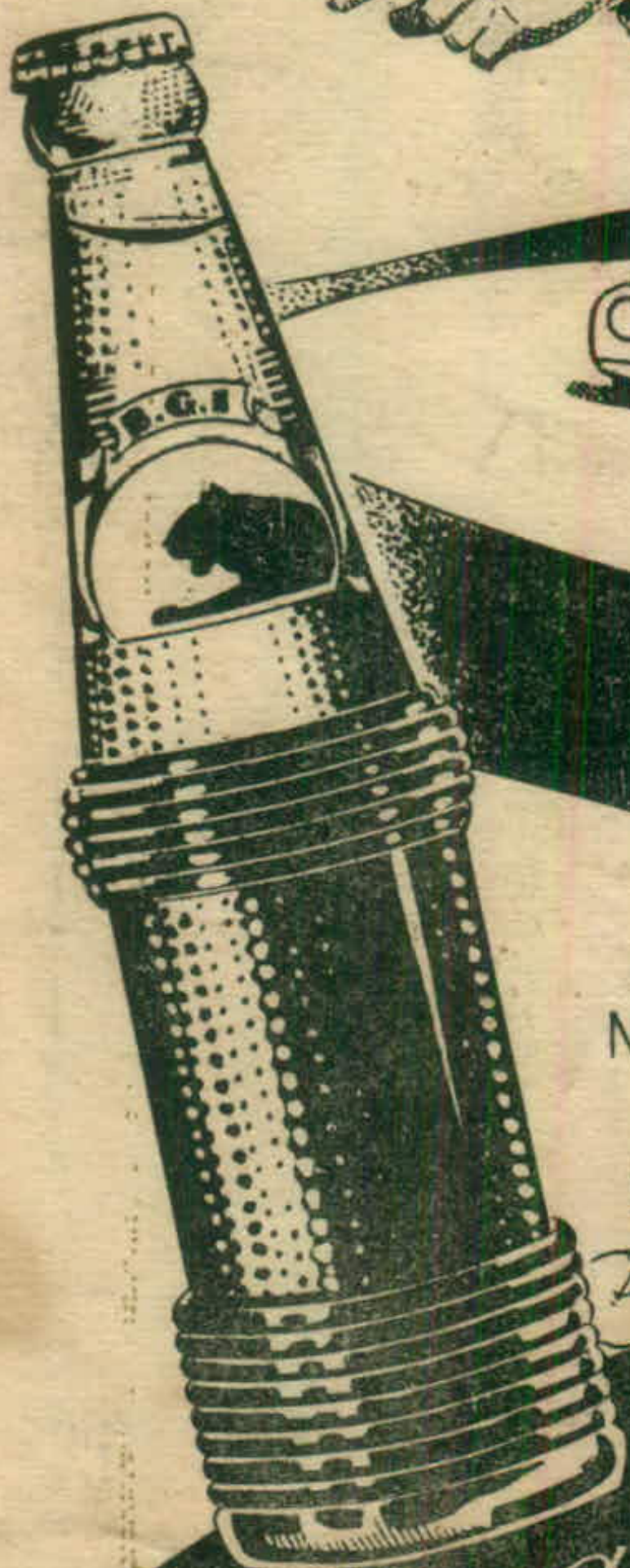


TRONG GIA-ĐÌNH ÊM-ÀM

HAY TRÊN ĐƯỜNG XA

KHÁT MỆT

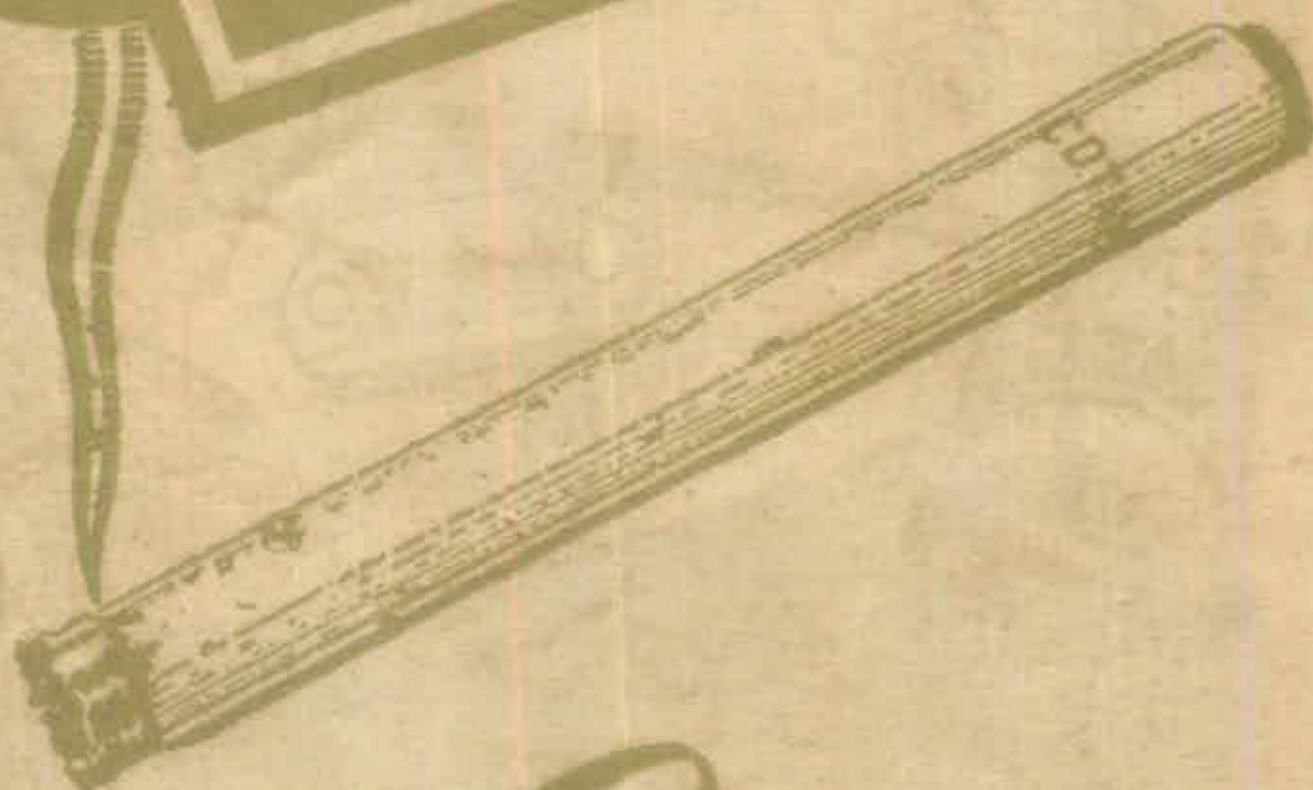
Chỉ có



NUỐC-NGỌT "**CON-COP**"



Chai "**HỎA TIỀN**"!



Cigarettes

VIRGINIE

Quản-nhiệm :

HUYNH-VĂN-LANG

Chủ-nhiệm :

Tòa Sogit

100, Phan-Đình-Phung - SAIGON

Dây số: 25.539

In tại VĂN-HÓA AN-QUÂN

412-414, Trần-Hung-Đạo - SAIGON

Giá : 100

Công số : 158